

1 THÁNG 6 NĂM 1967

BACH

KHOA

T H Ò I - Đ A I

năm mười một

LÊ VĂN SIÊU cuộc đàm đạo về truyền thống dân tộc *
THÍCH ĐỨC NIỆM tình đồng loại * CUNG GIỮ
NGUYỄN ý-niệm quốc - gia trong thời-đại mới *
NGUYỄN VĂN XUÂN một loại từ hoa : số lượng *
NGUYỄN TRINH DZOANH phân tích căn-nguyên sự
chậm tiến về khoa-học tại Á-châu thời Trung-cổ * TỪ TRÌ
thế giới trong những tuần qua * ĐỖ TIẾN ĐỨC má
hồng * NGUYỄN THỊ THỤY VŨ tiếng hát * VÕ LANG
người hành khất mới * TRẦN HOÀI THƯ màu xanh
lá hẹ * Ý YÊN diễm vượt sông * BÁCH - KHOA
THỜI - ĐẠI đọc báo giúp bạn — đọc sách giúp
bạn , **SINH HOẠT** một
thắc mắc đã được giải
đáp , thời sự văn nghệ

250



Tifomycine



VOIE GÉNÉRALE

- dragées à 0,250g
- dragées à 0,100g
- poudre aromatisée
- suspension buvable
- ampoules injectables
- suppositoires à 0,250g

VOIE LOCALE

- collyre
- gouttes auriculaires
- ovules secs

TRAITEMENT D'ATTAQUE..

Distributeur :
UFFARMA CONG-TY
20A, Ben Bach-Dang
SAIGON



BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 250 ngày 1 - 6 - 1967

LÊ VĂN SIÊU <i>cuộc đàm đạo về truyền-thống dân-tộc</i>	3
THÍCH ĐỨC NIỆM <i>tình đồng-loại</i>	10
CUNG GIỮ NGUYÊN <i>ý - niệm quốc - gia trong thời-đại mới</i>	14
ĐỖ TIẾN ĐỨC <i>má hồng (truyện dài)</i>	23
NGUYỄN THỊ THỤY VŨ <i>tiếng hát (truyện ngắn)</i>	35
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>một loại từ hoa Việt Nam : số lượng</i>	46
NGUYỄN TRINH DOANH <i>phân tích căn nguyên sự chậm tiến về khoa học tại Á-châu thời Trung cổ</i>	51
TỪ TRÌ <i>thế-giới trong những tuần qua</i>	56
VÕ LANG <i>người hành khất mới (truyện dịch, nguyên tác của R. AZCONA)</i>	60
BÁCH KHOA THỜI ĐẠI <i>đọc báo giúp bạn (Cách mạng và Karl Marx ; thế giới năm 2000 ; phong trào xâm mình ; thuốc ngừa sinh đẻ vv...)</i>	63
BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI <i>đọc sách giúp bạn (Cờ văn Trung quốc ; Việt Nam văn minh sử lược ; Vết thương dậy thì ; Lao vào lửa ; Nụ cười nước mắt học trò ; Bắt trẻ đồng xanh)</i>	70
TRẦN HOÀI THƯ <i>màu xanh lá hẹ (thơ)</i>	79
Ý YÊN <i>điềm vượt sông (thơ)</i>	80
SINH HOẠT	
<i>một thắc mắc đã được giải đáp</i>	81
<i>một hội cần được góp sức</i>	84
<i>thời sự văn nghệ</i>	85

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 20\$ - Cộng sở : Giá gấp đôi

HỘP THƯ

— *Bách-khoa Thời-đại đã nhận được những bài sau đây :*

Ngày tàn của Krouchtchev (Duy Định). Tình trong đờn lẻ (Trần sách Đắc). Thư đầu (Trịnh-khả-Nguyên). Huyền ca một Mùa thu (Mặc-ly-Vũ). Tâm thư gửi con (Lê-văn-Thái). Tình mộng (Trần-tuấn-Thanh). Tình khúc cho nhau (Miên-Trường). Chai đá tâm hồn (Phạm-anh-Đức). Cảm nghĩ hôm nay ; Những gì đã có (Thu-Yên). Nhìn về quê hương bây giờ (Yến-nguyên-Thanh). Tuổi nhớ (Buồn-thị Đông-Phương). Biên đen ; Kỷ-niệm đen (Lê-công-Dân). Lời ru mẹ ; Chiều vắng ; Lối quanh co (Thiên-Lý). Sương mù (Phạm-mỹ-Khánh). Hạ trắng ; Tuổi đá buồn ; Tình khúc xuân muộn ; Thân phận hoang mang (Nguyễn Hoài Vọng). Mặt trời thức giấc (Trần-nguyên-Vũ). Nhận diện con sò, Khoảng tối (Phan-tấn-Uần). Giữa mùa chinh chiến (An-Quốc-Minh) Trên sông Vàm-cỏ (Đặng Doanh). Hàng nhập cảng và tinh thần người dân (Lê Tiến). Hòa bình ở Việt-Nam (Dinh-Mộng-Lân). Cầu trên sông Drina (Nguyễn-Kim-Phượng), Hà nội giữa hai giáo đường

Lê-Ninh và Mác (Lùng-Vân). Ma linh ; Ôn nghĩa (Trần-quí-Sách). Một số truyện dịch (Nguyễn tân Cầu). Con thằn lằn trong sương mù ; Bài thôi nôi cho con trai (HỒ-Minh-Dũng).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ THƠ và trường hợp đặt biệt có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— Ô. Chinh Văn. «Sự may mắn của chúng ta hôm nay» không đăng được vì lý do ngoài ý muốn của chúng tôi. Mong ông thông cảm cho.

— Ô. Nguyễn Toại (Huế). Đã nhận được bài của ông và sẽ xin đăng vào số tới đây.

— Cùng quý bạn gửi bài cho Bách Khoa Thời-Đại ;

Xin lưu ý quý bạn viết một mặt giấy, (nếu không đánh máy thì viết chữ lớn và rõ ràng đề khi sắp chữ khỏi lằm) và nhất là ghi rõ tên thực cùng địa chỉ hiện tại để tòa soạn tiện liên lạc.

SÁCH MỚI

Triết học hiện sinh của Trần Thái Đĩnh do Thời mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày ngót 400 trang, một tập khảo luận công phu và giá trị — Giá 180đ

— **Tuyển tập thi nhạc họa mừng ngày Phật đản** do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 40 trang khổ 21x27 gồm THƠ của Nhất-Hạnh, Vũ-Hoàng-Chương, Thi-Vũ, Tru-Vũ ; NHẠC của Nguyễn-Hữu-Ba, Trương-Đình-Cử, Phạm Thế-Mỹ, Hùng-Cường ; HOA của Phạm-Đặng-Trí, Trọng-Nội, Hiếu-Đệ. Trình bày

rất mỹ thuật. Giá 70đ.

— **Vietnam the sky under fire and flames**, bản dịch Anh ngữ tập thơ «Việt-Nam vùng trời lửa đạn» của Thế Phong ; Dịch-giả X.H. ; Đại-nam Văn-hiến xuất bản và Thế Phong gửi tặng. Sách dày 32 trang, in ronéo 2 mặt, khổ 21x27, gồm 5 bài thơ dịch. Giá 100đ.

— **Đêm nguyệt động** tập thơ của Nguyễn-đức-Sơn do An-Tiêm xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 24 trang gồm 17 bài thơ. Bản quý không để giá.

CUỘC ĐÀM ĐẠO VỀ truyền thống dân tộc

Bài này chúng tôi viết đề định nói ngày 25-4-1967 tại trường Thanh Niên Phụng sự xã hội. Nhưng rủi chiều hôm trước nhà trường bị kẻ khủng bố ném lựu đạn giết hại một nữ giáo sư và một nữ sinh viên cùng làm bị thương mười người khác, nên buổi nói chuyện không thành.

Chúng tôi gửi đăng Bách Khoa đề cung cấp một tài liệu viết cho các sinh viên vậy.

Vấn đề này kể từ 10 năm trở lại đây, đã được khá nhiều người nói đến, tuy mỗi người nói chưa được hoàn toàn đầy đủ và hệ thống, nhưng cũng không kém phần rạch ròi. Tôi nhờ được học ở các bậc đàn anh ấy, mà có những tài liệu và lý luận trình bày cùng quý Bạn hôm nay. Thế thì lời đầu tiên của tôi phải là lời cảm ơn chung những người không có mặt, nhưng có ý kiến bàng bạc cả không gian, để tạo cho buổi đàm đạo của chúng ta, cái không khí thiêng liêng trang trọng.

Đó chính là một tin tưởng truyền thống của người Việt Nam chúng ta, kh gặp bạn tri âm thì đốt một lò hương lên, để đôi bạn nhìn làn khói bay mà nói chuyện, như có sự chứng kiến của muôn ngàn nào tai mắt chung quanh.

Vả lại, tôi không thể nào quan niệm được rằng nói chuyện về truyền thống dân tộc mà lại hời hợt như một câu chuyện phiếm, để khoe khoang gì những

cái biết, như biết những điều kỳ quặc mà cười chơi.

Vậy, đây là câu chuyện đúng đắn.

oOo

Không thể tìm hiểu truyền-thống dân-tộc ở những vật-thể thuộc hình-thức

Chẳng hạn như người Việt mình xưa, đàn ông nho sĩ thì có để móng tay dài, uốn cong cong lên, lựa thưa vài sợi râu ở cằm và mép, đầu búi tóc, quần khăn còn đàn bà thì răng đen, chít khăn, tóc để đuôi gà, vận áo tứ thân, màu nâu non, vá vai, lại mặc yếm và váy.,

Nếu bảo rằng y phục ấy, ở hình thức là truyền thống rồi, thì hết thấy người mình hiện nay đã xa lìa truyền thống rồi hay sao? Vả chẳng, đã lấy đâu làm chắc những y phục trang phục ấy đã hoàn toàn là của mình từ nguồn gốc, khi nhớ lại rằng từ đời Minh (đầu thế kỷ XV) kẻ giặc mạnh đã từng bắt người mình

phải ăn vận theo họ. Và nếu chịu khó tìm tòi đến chỗ tận cùng không bị ảnh hưởng ngoại lai, thì có lẽ y phục cũ của chúng ta phải là y phục thiên nhiên mới đúng, như hết thấy mọi dân tộc khác.

Lại chẳng hạn như sự ăn uống : miếng trâu, miếng thuốc Lào, chén nước mắm, bát phở, mắm rươi, mắm cá, mắm tôm.v.v... có thể rằng gần như toàn cả dân tộc đã quen giọng đề nhìn nhận những món ấy là ngon, là thú. Nhưng không thể nói đùa dai đề người ta tưởng thật rằng đấy là dân tộc tính, đấy là cái gì bất biến trong thị hiếu của người Việt Nam. Bởi có nhiều món, nhiều địa phương và nhiều người không dùng. Chẳng lẽ dân tộc tính lại không có ở những địa phương và những người ấy. Huống chi các món ăn uống không phải có người Việt Nam trên trái đất này là có liền ngay theo thể cách mà ta thấy. Nó đã được hình thành qua rất lâu đời và chịu cũng đã rất nhiều ảnh hưởng. Nó thực có là kết quả của thị hiếu, nhưng nó vẫn là nguyên nhân để uốn nắn thị hiếu nữa. Giá trị của nó chỉ là những gì lạ miệng đề giới thiệu cho những du khách. Còn bảo rằng nó là dân tộc tính, ấy là nói đùa, và đùa trong khi người ta thao thức đi tìm truyền thống dân tộc, ấy là đùa mỉa. Nếu không nhận ra được thì thật là quá ngu tối vậy.

Quan trọng hơn nữa là nhà ở. Nhà ở có biểu thị một lẽ thói sống chung của đồng đảo nhân dân, cả về vật chất lẫn tinh thần và tâm linh, biểu thị một khả năng kỹ thuật, kinh tế, xã hội, và biểu thị cả những ước vọng của người ta nữa. Nó là cái áo của một gia đình, áo dùng cho tất cả 4 mùa và thật lâu dài năm này qua năm khác, dùng cho tất

cả mọi người già trẻ lớn bé, cả sống và chết nữa, dùng cả ban ngày lẫn ban đêm, cả ngày thường lẫn ngày giỗ tết, vừa bền bỉ, vừa cần đẹp mắt, vừa cần thoải mái. Tất nhiên nó chứa đựng trong nó cả một kho tàng đặc tính dân tộc.

Nhưng bởi cuộc sống trong dòng dài lịch sử có chịu nhiều ảnh hưởng ngoại lai, mà cái nhà lại trực tiếp chịu đựng nhiều hơn và trước hơn cái gì khác, nên khó mà phân biệt nổi những đặc tính cá biệt nào của mình trong một bộ phận nào của cái nhà.

Và chẳng, như hiện nay, có thiếu gì những người không ở trong những cái nhà kiểu cũ nữa. Liệu dễ thường họ không còn dân tộc tính trong người sao? Và mai một đây có thể kỹ thuật đồ nhựa thay thế được đồ gỗ, đồ sắt, cái nhà có thể sẽ khoác một hình thức khác hẳn đi, thì liệu lúc ấy mình sẽ hết dân tộc tính chẳng ?

Thưa quý bạn.

Đặc tính dân tộc có thấm nhuần những vật thể, nhưng không phải là chỉ căn cứ vào những vật thể mà thấy ra được toàn bộ đặc tính ấy. Nó là những dòng máu chu lưu ở dưới nhiều lớp da. Nó là luồng nhựa sống vận hành trong não tủy. Tùy lúc và tùy hoàn cảnh mà nó biểu hiện ra theo chiều thuận hay chiều nghịch, biểu hiện ra một phần hay toàn bộ, và biểu hiện ra với người này mà không với người khác.

Cho nên, tìm hiểu truyền thống dân tộc là tìm hiểu một cái gì tinh tế hết sức ở phạm vi tinh thần nhiều hơn

Nhưng ta cũng không thể thấy rõ nó qua sự nghiên cứu phong tục tập quán.

Phong tục tập quán là kết quả của cuộc sống trong hoàn cảnh lịch sử và địa dư, hễ hoàn cảnh đổi thì phong tục tập quán cũng không còn giữ được nguyên chất nữa. Thí dụ tục chơi múa lân vào ngày rằm tháng tám ở miền Bắc, không mưa, trời đẹp, trăng sáng, chuyển vào miền Nam, gặp tháng Tám mưa nhiều, đã không còn trò múa lân nữa, mà đến dịp tết Nguyên đán mới có. Lại thí dụ tục đề của gia tài cho con, ở Bắc và ở Trung thì tất cả cho người con trưởng để giữ gìn ngôi nhà thờ họ, đời này qua đời khác. Người Việt vào đến miền Nam đất rộng người thưa, phải mong cho con chóng lớn, lấy vợ cho, rồi ở riêng liền, để chiếm mau lấy ruộng đất. Giải quyết dần từng đừa con một như thế đến đừa con út thì được hưởng nhà đất mà cha mẹ già để lại. Và đừa con út ấy muốn giữ thì giữ, muốn bán đi thì bán. Việc cúng giỗ mỗi con giữ giỗ một người quá cố và cúng tại nhà mình. Nền tảng đại-gia-dình không còn được bền vững như ở miền Bắc và Trung nữa.

Nhưng không thể vì tục lệ khác ấy mà cho rằng không còn truyền thống dân tộc ở miền Nam.

Gia di, ngay cả những *thế chế chánh trị khác* hẳn trước, để uốn nắn sự sống của con người như ở miền Bắc hiện nay, cho là uốn nắn được thực nhiều thế hệ cũng không thể vì thế mà bảo được rằng truyền thống dân tộc không còn chảy trong dòng máu của người Việt miền Bắc nữa. Bởi bản chất người tạo thành do nhiều yếu tố vật

chất, tình cảm, tinh thần, của cả một quá khứ dài dặc, trong hoàn cảnh thiên nhiên và xã hội có cùng, thông, biến, hóa, như để luyện cho tinh thực cái năng khiếu và phản ứng ở tiềm thức, khiến sự sống càng bộn bàng, phức tạp, gay go, nguy hiểm, thì tinh thần thích ứng lại càng linh động mãi tiếp.

Cũng như đối trước tình cảnh *xã hội hỗn tạp hiện nay* ở miền Nam, nào là ảnh hưởng của phim ảnh, của cuộc sống vội vàng trong thời chiến, nào là ảnh hưởng của sự thèm khát nhu yếu vật chất, thèm khát thỏa mãn dục vọng khiến nảy ra những tục lệ mới làm đảo lộn hết các giá trị tinh thần. Ai trông thấy mà chẳng đau lòng muốn khóc lên là truyền thống dân tộc chạy trốn đâu mất rồi? Nhưng tôi tưởng chúng ta vẫn có thể cứ vững tâm vì truyền thống dân tộc thực quả không phải chỉ là những gì hời hợt ở bề ngoài để trông thấy ấy.

oOo

Ngay cả ngôn ngữ cũng không dùng làm căn cứ được để tìm tòi.

Ngôn ngữ là phương cách biểu thị tâm tình, ý chí, tinh thần của con người và của dân tộc, tinh tế lắm, với năng lực giáo hóa của nó, cũng hiệu quả lắm, cho đến đời người *Do Thái* hồi tiền chiến vẫn nói rằng: « Chúng tôi tuy không có nước, nhưng chúng tôi còn tiếng nói thì còn dân tộc, và rồi dân tộc chúng tôi cũng sẽ trở về nước tổ ». Việc ấy quả nhiên đúng. Cũng như *Trung Hoa* đồ hộ ta cả ngàn năm để lòng lẻo không đồng hóa được tiếng nói, mà khi ta có dịp bứt xiềng đô hộ, thì ta lại vẫn là một nước riêng biệt.

Tuy vậy, ngôn-ngữ chỉ nên kể là một yếu tố trọng đại chứa đựng và chuyên chở truyền thống dân tộc. Mà không nên nhìn nó đã là truyền thống dân tộc.

Vì cả những hình ảnh trong ngôn ngữ, những lối nói, lối nghĩ, những ca dao, đồng dao, tục ngữ, cách ngôn, cả những ngữ pháp, những tiếng tân tạo (bởi là sinh ngữ) cũng uyển chuyển chịu ảnh hưởng qua lại của ngoại-ngữ cả tiếng lẫn ngữ-pháp, lẫn cách hành-văn. Một người vào lớp Phạm Quỳnh chết đi năm 1920 bây giờ 1967 có sống lại, chưa chắc đã nghe hiểu nổi 7 phần 10 câu chuyện của người đương thời nói. Nếu người ấy bảo rằng: *Ồ! bây giờ người ta mất gốc rồi, hết truyền thống dân tộc rồi, thì chẳng hóa ra oan lắm sao?* Mà ngược lại những người bắt chước Phan-Khôi, cứ lôi mớ ca-dao tục-ngữ của Nguyễn-văn-Ngọc ra mở xẻ khai thác để tìm dân tộc tính thì cũng không tránh khỏi mang tiếng là làm chuyện hồ đồ.

oOo

Truyền thống dân tộc là cái bản chất người riêng biệt của dân tộc, có sinh trưởng tiến hóa...

Trên những thềm ngời khi hậu (nói chung là hoàn cảnh địa-dư) trong những điều kiện sống chung của mọi bước thăng trầm may rủi (nói chung là hoàn cảnh lịch sử),

Sự chịu đựng những hoàn cảnh ấy (như những cộng nghiệp cũ) của cả dân tộc để vật lộn thích ứng, chống chọi, dung hòa mà sống và tiến hóa (như tạo những cộng nghiệp mới) mỗi dân tộc lại có một sắc thái riêng (như phản ứng của cá nhân riêng rẽ đối với những bất trắc của cuộc sống).

Đứng ở khía cạnh không-gian vô-biên và thời-gian vô-tận, những *khó khăn thử thách gây go*, có khi lại là những gì đáng nên mong ước cho dân tộc chóng khôn lanh. Bởi nó trui rèn thêm đức tính, nó giúp thêm nhiều kinh nghiệm và nó dạy thêm nhiều hiểu biết. Chẳng hạn như mới từ 1945 đến nay, 22 năm, những biến cố dồn dập đã làm *người Việt Nam khôn ra* gấp mấy trăm năm trước và thời cuộc đi càng nhanh, các vấn đề càng gay gắt thì phản ứng của người ta lại càng khẩn nhuệ.

Tuy nhiên có sinh trưởng thì truyền thống cũng có tồn vong.

Như từng đã có khá nhiều nền văn minh bị tàn tạ, khá nhiều dân-tộc đi đến tiêu vong. Ấy là khi gặp bất trắc, tiến không biết tiến, lui không biết lui, bản chất chính của mình không biết giữ, nên bị cuốn hút và hóa theo những dân-tộc văn minh lớn khác để dần dần không còn chân đứng dưới bóng mặt trời nữa. Cũng có thể rằng trong hoàn cảnh đen tối vẫn còn một ít người giữ được những truyền thống cũ (như người *mọi da đỏ* Mỹ châu, hay người *Chàm* ở Việt-Nam chẳng hạn) nhưng một vài con én không thể tạo được một mùa xuân.

Cho nên điều chúng ta thao thức băn khoăn, chiêm nghiệm qua những tấm gương ấy, là điều rất cần trong lúc này, nhất là trong lúc này.

Song, muốn tìm hiểu truyền-thống dân-tộc để gìn giữ, ta cần tìm ở đâu?

— a) Phải tìm ở những điều kiện thực tế về địa dư, khí hậu, phong-thủy, những điều kiện mà bất cứ một

giống người cò sọ, du mục nào, tình cờ đến định cư trên địa bàn ấy, cũng đều tự nhiên phải có đặc-tính của địa-bàn ấy để thích ứng và tồn tại. Thí dụ như Tàu ưa khắc nhờ góm ghiếc, là do sự quen thói của giống Bắc phương gần sa mạc Gô-Bi, gió thổi có lẫn cát làm cho khô cằn và vướng ở cuống họng, khiến không khắc nhờ không chịu được. Lại thí dụ như người Ấn ưa vào rừng tọa thiền và trầm-tư là vì sáu tháng nóng của địa bàn Ấn Độ là cái nóng không thể làm cách gì để tránh được.

Những điều kiện thực tế về địa dư, khí hậu, phong - thủy vừa nói ấy, tự nhiên có với nó những khoáng vật, thực - vật, thảo mộc, sinh vật như thế nào, thì cũng tự nhiên có với nó những con người riêng biệt như thế. Dân ở hải đảo khác với dân ở duyên-hải, ở đồng bằng, ở sơn cước, ở sa mạc, Đó là điều ai cũng công nhận. Nhưng phải công nhận thêm, khi đã khác như vậy rồi, ở khởi thủy, thì càng về sau dù có sự tiến hóa để hòa-đồng với nhau, ngời ta cũng vẫn còn cái bản chất cố hữu.

Cho nên người ta không sợ lầm lạc khi tìm truyền thống dân tộc trong những điều kiện thực-tế về địa dư, khí hậu, phong thủy ấy. Đó là cái mà người xưa gọi là khí thiêng sông núi. Còn người nay thì gọi là điều kiện khách quan của hoàn cảnh địa dư.

—b) Ngoài ra lại phải tìm những điều kiện khác ở sự sống chung trong dòng dài lịch

sử, khi vinh khi nhục, khi may khi rủi, khi sướng khi khổ, khi vui khi buồn. Nó như những lượng sóng thủy triều của vận hội chung mà các cá nhân đã khó cưỡng lại nổi. Cho nên gọi là những bó thắt lịch sử. Nó bó thắt cho đến độ thành quả của xã-hội hiện tại, chỉ có thể đến một mức tiến hóa này hay mức tiến hóa khác; sức người dù mong muốn hơn cũng không sao được. Ấy là điều mà người xưa gọi là cộng-nghiệp, và Karl Marx ngày nay hiểu phiên diện phần nào để gọi là conditions socialement nécessaires (điều-kiện xã-hội cần yếu).

Điều này rất dễ nhận ra khi so sánh những nước chậm tiến Á Phi với những nước Âu-Mỹ sẵn điều kiện xã hội để tiến hóa văn minh vật-chất hơn.

— c) Chúng ta tìm như thế không phải học cho thuộc sử rồi đi thi lấy bằng cấp. Mà tìm như thế để nhận định cái phản ứng chung ở tiềm thức của dân-tộc đối với những biến cố và để nhận-định chiều hướng cùng ước định cao độ những tư trào của các lượng sống lịch sử, mà người ta quen gọi là hằng tính lịch sử (constance historique) vậy.

Hai điều trên là hai yếu-tố có giá trị quy định. Điều dưới là yếu tố có giá trị tổng kết.

Chúng ta tìm theo đường hướng này thì sẽ thấy rõ từ gốc đến ngọn ngành. Vậy chúng ta hãy đi sâu vào chi tiết.

PHẦN NHẤT : MINH ĐỊNH

Địa bàn nơi gốc tổ Theo các sách sử thì gốc tổ của ta là ở Phong-Châu, nơi đóng đô của dòng vua Hùng-Vương đầu tiên trong lịch sử. Nhưng xét kỹ

ra thì có lẽ Phong-Châu chỉ là cái gốc thứ hai, Còn gốc chính và đầu tiên phải là vùng đồng bằng sông Mã với dãy núi Hồng-Linh mới chắc đúng.

A/— Phong-Châu là khu vực đồng bằng Nhị Hà gồm Sơn-Tây, Phú-Thọ, Việt-Trì, Hưng-Hóa, ngoài lăng miếu cổ của họ Hùng-Vương không còn bao nhiêu di-tích lịch-sử quau trọng khác.

Còn Thanh-Hóa với khu vực đồng bằng sông Mã thì đã có hết sức nhiều di-tích lịch-sử. Từ những đền thờ của Thục An-Dương-Vương, Triệu-Âu-Khương-công-Phụ, Triệu-Quang-Phục, Lê-Đại-Hành, Lê-Phụng-Hiếu, Lý-Thường-Kiệt, Tô-Hiến-Thành, Trần-Khát-Chân,... đến thành nhà Hồ, thành Lê Chích, phủ An-Trường, Lam-Kinh của nhà Lê, Đầm Tôm của Nhà Trịnh, nền nhà cũ của Nguyễn-Kim,... đến những lăng miếu của dòng họ Lê, Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn,... người ta phải công nhận rằng đây là nơi nhiều khí linh-tú nhất trong nước, đào tạo nên những anh-hùng hào-kiệt, thời nào cũng có, ngay cả thời này.

Sách Đại-Nam Nhất-Thống-Chí đã ca tụng :

« Đông liền biển lớn, Tây cấp rừng dài, khu lãnh thủy chặn ở phía Nam, núi Tam-điệp ngăn về phía Bắc. Non cao thì có Thiên-Tôn và Na-Cù. Sông lớn thì có Lương-Mã và Ngọc-Giáp. Núi sông quanh bọc, cao thấp lẫn xen. Hội-Trào và Y-Bích là khóa then mặt biển. Lôi-Dương và Vinh-Lộc là xung yếu đường trên.

«Hồ-Công, Bích-Đào nảy ra những động linh kỳ. Hoàng Mỹ, Nông Cống đều là những nơi lầy tốt. Hình thề hùng tráng, các tỉnh miền Trung không đâu sánh kịp.

«Còn như Tống Sam, Quí huyện là nơi xương sống Càn Long. Muôn non nghìn núi, điệp điệp trùng trùng : bốn

mặt quay về, non xanh nước sáng, đầy rẫy khí thiêng. Ấy là nơi phát tường của quốc gia ta, cùng với Lam Sơn của nhà Lê riêng nên phúc địa. Cũng không khác gì đất Mân đất Kỳ của nhà Châu và đất Phong đất Bái của nhà Hán vậy.»

Pierre Pasquier cũng đã có những nhận xét sau đây :

«Thanh-Hóa không phải là một khu-vực hành chính mà là một quốc thổ. Nó như một tấm kính thu nhỏ của toàn xứ Bắc. Cũng có một vùng đồng bằng đông đúc phì nhiêu, một vùng trung du cỏ mọc như những lượn sóng và một vùng cao nguyên rừng già âm u. Sau bờ biển hiểm trở, dọc theo những dòng sông rộng và sâu, gần những sườn núi chỗ nào cũng có hang động và trong những thung lũng kín đáo, giống người Việt-Nam đã tìm thấy ở đây một mảnh đất trời cho đề dùng làm trạm nghỉ chân, mà trải nhiều thế kỷ dân tộc ấy đã sửa soạn bước Nam tiến của mình cùng sửa soạn và tập trung lực lượng để hoàn thành vận mệnh của mình. Trong những giờ phút thử thách của lịch sử, Thanh-Hóa đối với miền Trung, hơn hẳn Hà-Nội, đã là linh địa bảo tồn tất cả kỳ vọng của giống nòi. Từ mảnh đất thánh này hiện còn những hài cốt tổ tiên các giòng vua của đất nước, đã nảy sinh ra những vị anh hùng hào kiệt vào hạng thượng thặng...»

Đó là nói chung về địa thế.

B/— Về phương diện khảo cổ thì người ta đã tìm thấy trống đồng Đông Sơn tại đây lẫn với tiền đồng của đời Hán bên Tàu. Nhờ thế mà có thể định được niên-đại là trống được chế tạo ít ra cũng vào khoảng ba bốn thế kỷ trước kỷ-nguyên.

Sách Hậu-Hán thư quyển 54 có ch 〇:

»Mã Viện cỡi ngựa, khéo phân biệt ngựa có danh tiếng, khi đi đánh Giao Chỉ lượm được trống đồng Lạc Việt bèn đúc làm con ngựa kiêu» tỏ rằng người Trung - Hoa đời Tần, Hán không có trống đồng. Các đồ đồng cũ của họ cũng không thấy có gì giống với trống đồng. Đến các dân tộc lân cận trong vùng Đông-Á cũng không thấy có sự chế-tạo trống đồng nữa. Nó là một sản phẩm riêng biệt của người Việt ở Đông-Sơn. Cho nên di tích trống đồng là *di tích văn-minh Đông-Sơn*. Và vùng đồng bằng sông Mã phải là gốc tổ xưa hơn vùng Phong-Châu ở đồng bằng sông Nhị.

C) Về phương diện *nhân-chủng-học*, người ta thấy dân Dayak trên đảo Bornéo ở Nam-dương cũng có những thuyền giống như hình thuyền vẽ trên trống đồng Đông-Sơn, dùng làm thuyền Bát-nhã để đưa linh hồn người chết sang đảo cực lạc, và những tục lệ ma chay cũng giống như hình vẽ trên mặt trống, thêm đồ đồng khai quật được ở Đông-Sơn cũng có quan-hệ với đồ đồng ở Nam-Dương, các nhà cổ học đã kết luận « Dân Mã-Lai cùng các chủng tộc ở Đông Dương thuộc về cùng một chủng tộc. » Và ông L. Finot đã chủ trương : « Những đồ đồng xưa phổ bày hình ảnh một dân-tộc canh-nông, săn-bảo, thủy thủ, thờ vật tổ, mà cách ăn mặc không còn thấy ở Đông-Dương, nhưng trái lại, lại thấy trên các hải đảo Thái-Bình-Dương, phải chăng chính đây là dân tộc Indonésien, mà về ngôn-ngữ, chủng tộc, đã từng sống trên bán đảo Đông-Dương rồi bỏ bán đảo lại cho dân mới đến để đi sang những quần đảo Thái-Bình-Dương ? Trên bán đảo Đông-Dương chỉ còn lại dấu tích về ngôn-ngữ cùng phong tục mà chúng ta đã quên dần đi.»

Như vậy càng là một bằng chứng có thể tin được rằng trước khi tiếp xúc với văn-minh miền Nam Trung-Hoa, người Việt Giao-Chỉ đã định-cư tại khu vực đồng bằng Sông Mã.

D) Khảo thêm về *ngôn ngữ*, ta thấy người Thanh-Nghệ-Tĩnh do hoàn cảnh sinh hoạt và tính chất sinh-lý đã có xu-

hướng bảo-thủ ngôn-ngữ : họ giữ nhiều giọng xưa, âm xưa, tiếng xưa, và tiếng nói của họ nặng nề khắc khổ, ít bị pha trộn vì ảnh hưởng của tiếng Trung-Hoa, và gần với âm-hưởng của tiếng Mường Polynésien ngày nay còn sống ở vùng núi Thanh-Hóa.

Kết luận : giả-thuyết mà tôi nêu ra trong sách Việt-Nam Văn-minh, Sử-cương do nhà Lá-Bối xuất-bản đã có phần nào có thể nhận được rằng :

— 1) Đồng bằng sông Mã là nơi tứ chiếng quần cư của nhiều bộ lạc từ Nam-Hải theo gió mùa ngược thuyền lên cũng có, từ Bắc Hải theo gió mùa xuôi thuyền xuống cũng có, và từ các dãy núi cao đi lẫn tới cũng có nữa.

— 2) Khi định cư, mỗi bộ lạc chiếm một hay nhiều hang động thiên-nhiên hiện nay vẫn còn lại rất nhiều, rồi lại giống với nhau và tranh giành quyền lợi, xung đột với nhau.

— 3) Nhóm bộ lạc yếu thế chạy rút về phía Bắc đến vùng đồng bằng sông Nhị ở Phong Châu định cư, và được một nơi an toàn để lập quốc, vì đường từ biển vào khó đi thuyền, đường từ vùng sông Mã lên phải qua núi qua sông và rừng rất nhiều.

— 4) Nhóm bộ lạc mạnh thế ở lại chỗ cũ, nhưng luôn luôn bị giặc bề vào cướp phá nên thiếu hẳn điều kiện để phát triển cho có bề-thể của một quốc-gia.

Bởi những lẽ ấy, chúng ta cần nhận định dứt khoát, không nên có một ý *tự tôn quá đáng*, trong việc này để tìm truyền thống của một dân-tộc hùng cường, hiếu chiến, thích đánh đông dẹp bắc, thích xâm lăng các nước láng giềng. Mà ngược lại, sự thực dân-tộc ta chỉ là một dân yếu đuối, thua trận nữa, và chỉ thích sống hòa bình yên ổn với xung quanh.

Đây là một *giống dân lai* nhiều dòng máu. Nhờ lai nên khôn, không cố chấp, và lúc nào cũng sẵn sàng dung hòa quyền lợi với mọi người để mềm mỏng tiếp nhận mọi ảnh-hưởng văn-minh. Đó là điều mà lịch sử đã có rất nhiều sự-kiện để minh-chứng. Ta sẽ xét sau. Đây hãy nói về hoàn cảnh địa-dư của hai nơi phát nguyên ấy.

(Còn tiếp)

LÊ-VĂN-SIÊU

TÌNH ĐỒNG LOẠI

Giữa lúc năm châu bốn bề thông đồng với nhau bằng đường tàu, đường bộ, bằng những phương tiện khoa học ngày thêm tiện nghi tân tiến. Hình ảnh bốn bề một nhà, năm châu chung chợ đã vừa xuất hiện. Nhân loại rất đổi nô nức mừng vui, cho rằng cuộc sống của loài người sẽ được sung túc toại ý. Cái viễn ảnh hạnh phúc của tiên giới không còn xa xôi nữa. Bởi vì núi cao bề cả không còn là chướng ngại bởi thời gian và nguy hiểm. Con người không hết lời ca tụng vạn năng khoa học. Bao tâm trí dồn hết vào việc suy tôn khoa học lên ngôi thượng đỉnh. Họ tin rằng rồi một ngày nào đây khoa học sẽ mang lại sự huy hoàng cho thế giới này. Dấu hiệu đó đã cho loài người thấy quá nhiều trong thực tế : người không cánh mà bay lên trời ; thuyền không chèo mà lướt nhanh trên mặt nước ; xe không ngựa kéo mà chạy nhanh... Quả thực là phi thường !

Nhưng khi hai cuộc thế chiến bùng nổ dù thời gian ngắn ngủi chẳng là bao, so với chiến cuộc triền miên đầy đầy đau hương thảm khốc của Việt-Nam hiện tại, nó cũng đã để lại cho đời cái hậu quả thật kinh hoàng : Một phần ba số lượng của kiếp người trên thế giới phải

mất mạng, tật nguyền, côi cút ; gần một nửa tài sản của nhân loại bị phá hủy. Ngày nay, con người vừa thoát ra khỏi giấc thôi miên khoa học. Con người đâm ra bàng hoàng, hoài nghi, lo sợ cho phận kiếp của mình trước sức công phá, mãnh lực thiên biến vạn hóa của khoa học. Mỗi ngày càng thấy đám mây đen lù lù xuất hiện, như mảnh hồ đang trườn mình để phủ lấy kiếp sống của loài người. Thời gian càng trôi đi mau, mây hắc ám kia càng lúi lại gần thêm, dày thêm, và có vẻ nặng nề gấp trăm vạn lần hơn đối với hai cuộc thế chiến vừa qua. Mọi người khắp đó đây trên mặt đất cảm thấy run sợ trước nguy cơ tàn phá của vạn năng khoa học quá kể cận, nên họ cố đem hết sức gào la, kêu gọi « tình-nhân-loại ». Nhưng tất cả gần như tuyệt vọng. Chỉ còn chờ một chiếc lá rơi, một cành cây lay động, một cử chỉ không dè dặt, là hai con hồ xô vào cầu xé nhau.

Tuy nhiên, chúng ta phải thành thật mà nhận rằng : Đông phương chỉ có thể sản xuất những nhà khoa học nổi danh về y-khoa, nhân-chủng, mà đa phần là hiền nhân đạo học. Còn các nhà chuyên tìm phương khắc phục thiên nhiên bằng

vệ tinh hỏa tiễn, nguyên tử . . . hầu hết đều xuất hiện ở Âu Mỹ. Bị tiềm lực nào đó thúc đẩy, nên họ cố mong tìm được những lợi khí, hầu tranh làm chủ hoàn cầu, ngự trị thiên nhiên, đề tạo cảnh thiên đường cho trần thế ! (?) Nhưng chính họ đã phải mỗi mòn thất vọng đón đau. Vì hạnh phúc của loài người đã dần dần vắng bóng, mà chỉ để lại cho đời những hậu quả tàn phá, chết chóc gớm ghê, do sản phẩm của chính họ đã công phu suốt đời tìm ra. Nghĩa là các ông đã vô tình sấm dao, mài bén đề sẵn, ép khô nước tình thương ở mọi con tim của người Âu Mỹ, rồi được ướp vào đó bằng dầu tham sân ích kỷ, làm sôi động thêm tính tham vọng cố hữu ở lòng người.

Hơn thế nữa, hiện nay khoa học đã tác dụng vào đời sống của xã hội nhân quần một thực tại tinh thần khủng hoảng quá rõ rệt. Âu Mỹ, nơi sản xuất nhiều trên bình diện khoa học và từ lâu ấp ủ mộng ngự trị nhân loại bằng vận năng nguyên tử của mình, đã làm cho người dân họ ngày thêm mệt mỏi. Cuộc sống của họ gần như những con người máy.

Thật vậy, họ phải vội vã ăn, gấp gáp đi ngủ, gấp gáp chỗi dậy đi làm cho kịp giờ khắc. Suốt ngày, họ thở bằng không khí ẩm thấp, bụi khói, xăng dầu. Tai họ chỉ nghe tiếng rít của máy nghiêng. Tất cả đều vội vã, hấp tấp, nhưng vẫn không kịp. Mọi việc xung quanh họ đều đặt vào tình trạng quay cuồng, thúc dục, như bánh xe lăn không ngừng. Do đó, họ không còn có thì giờ tâm sự với tha nhân, đề bắc nhịp cầu thông cảm. Họ hoạt động theo thời khắc biểu cố định, như kim đồng hồ suốt năm tháng quay theo mặt số. Cái vẻ đẹp hiền lành của trăng sao, mặt nước ao hồ

lồng bóng nguyệt duyên dáng, không cần thiết đối với họ.

Tất cả mọi vấn đề đều được đưa lên cân lý trí, đem lên bàn mổ để giải phẫu, phân tích. Vì thế, tình gia tộc, vấn đề hiếu kính, thương hại, tha thứ, giúp đỡ đã không còn là tiếng vang mạnh mẽ ở cõi lòng người Âu Mỹ nữa. Nếu có cơ qua từ thiện, phần nhiều đó chỉ là những người dùng tiền giúp hoàn cầu danh, chứ không một mảnh tình thương chân thật thông cảm rung động. Hai người bạn thân mời nhau vào tiệm ăn, khi xong, mạnh ai nấy trả tiền. Cha mẹ trăm tuổi già thì có sẵn nhà dưỡng lão ! Muốn ăn cơm nhà bạn, anh phải báo trước chứ không như người Đông phương chỉ thêm một cái chén, đôi đĩa là anh đã cảm thông không khí hòa vui với gia đình bạn, không còn phân chủ khách. Không có chuyện giúp đỡ người quan quã cô đơn, vì họ không còn thì giờ đầu đẽ mà thông cảm, đề mà xót thương. Miễn lợi ích cho mình trong thực tại là được, là hơn cả ! Vì lẽ ấy, sự kiện dung hợp giữa người với người, giữa người với vạn vật ở Âu Mỹ cho đến nay vẫn chưa đặt thành nền tảng. Chính vì quá vận dụng lý trí đơn thuần để mổ xẻ, phân tích mọi vấn đề, nên họ không có tình cảm đề điều hòa, dung hợp. Đó là nguyên nhân đã đưa đến tình trạng kỳ thị chủng tộc, chiến tranh tôn giáo, và tìm cách chế tạo dụng cụ giết người, chiếm đất mỗi ngày mỗi sắc bén, tế nhị, khủng khiếp hơn.

Trong lúc đó, dù bị những trào lưu dồn dập của nền văn minh cá nhân vật chất đẩy về quyền rũ, như sóng triều chờ dịp cuốn phăng đi, nhưng Đông phương vẫn tiến đều trên con đường thanh tịnh, xoay lại với chính lòng mình,

Nhờ vậy mà trên bình diện sinh hoạt của dân chúng vẫn còn mang sắc thái dung hòa đặc biệt trong mọi lãnh vực : tam giáo hòa điệu, phong tục văn hóa điều hợp, gạn lọc, phát triển. Các hiền triết ở đây đã quan niệm vạn vật đồng nhất thể. Nên họ có chỗ khởi điểm và nơi quy hướng, làm cho triết thuyết các ngài bổ túc cho nhau, tạo thành hệ thống triết học Đông phương phong phú và bền vững, không có sự chống đối khắt khe vì phe phái, tư kiến, đề rồi tạo nên cảnh tượng khủng hoảng không lối thoát như Âu Mỹ ngày nay. Nghĩa là cho đến nay, các triết phái Tây phương vẫn chưa đủ khả năng đề nhận lấy trách nhiệm hướng đạo tinh thần đến chỗ dung dị thông thoát vậy.

Đông phương tuy vật chất không dư dật, nhưng họ không vội vã. Họ vốn có tinh thần phóng khoáng đầy tình thương với quả tim rung cảm. Họ có thì giờ nhàn tĩnh để cùng bạn nhìn khoảng trời cao rộng, ngắm trăng sao lấp lánh phản chiếu trên sóng nước, uống rượu ngâm thơ. Vũ trụ với họ là một, tôn giáo, gia đình, quốc gia, là những sự liên hệ với nhau rất mật thiết : Hai Bà Trưng vì rửa thù nhà ; Nguyễn Trãi vì hiếu cha, Cô Giang vì chồng mà thành ra những người ái quốc ; con vì hiếu mà mộ đạo :

Tôi yêu mẹ già như yêu đạo,

Lòng mãi thương hoài suốt tháng năm. . .

Đất nước âm thầm niềm tang tóc

Tình nhà, hiếu đạo, nợ non sông,

Tình người Việt-Nam cột chặt với gia đình, quốc gia, tôn giáo, thiên nhiên. Thiếu mất đi một trong những yếu tố đó, là tạo một khoảng trống đơn lạnh nơi

còn lòng. Do đó họ rất dễ khoan dung tha thứ, mở rộng lòng cho triều sóng, tình thương tràn ngập. Bằng chứng là những ông Tàu ông Tây, ông Nhật khi sa cơ thất thế, người Việt Nam sẵn sàng quên thù xưa mà tìm cách che chở an toàn, giúp đỡ phương tiện sanh sống. Ở Đông phương, nhất là Việt Nam, lỡ bước tìm bữa cơm đỡ dạ hay ngủ nhờ một đêm không phải là khó ! Đến nhà bạn, hay tạt vào chùa là bạn đã coi như được bảo đảm ăn ở rồi. Vì chỉ thêm cái chén, đôi đũa là bạn có bữa ăn đơn giản chan hòa thông cảm. Một chiếc gối nhỏ, một tấm chiếu đơn sơ là bạn được một đêm ngủ không mất tiền, không lo ngại.

Sự kiện này đã xuyên qua mấy lần thế kỷ trong cuộc sống hòa điệu của người Á-Đông mà Việt-Nam là gương sáng. Vật chất họ tuy không dư thừa, phải khổ công đi tìm bề sâu đề đồ, hoặc tìm đất đề chỗ đến viện trợ cầu ân, cầu lợi và nhân cơ hội đề lung lặc chủ quyền dân bản xứ như người Âu Mỹ, nhưng họ đã có thì giờ tận hưởng vẻ đẹp thiên nhiên, tìm thông cảm với người thiếu thốn để giúp đỡ vô tư, với quả tim rung động nhuần thấm nước tình thương nhân loại.

Con người với khối óc suy nghĩ, với trái tim biết rung cảm, với ý chí đề hoạt động, không đơn thuần như một cái máy. Nên nó rất cần môi trường sinh hoạt đề quân bình giữa trí tình mà triết học và khoa học Âu Mỹ từ lâu vẫn chưa đáp ứng được. Trước tình trạng khủng hoảng lớn lao đó, đã xuất hiện sự kiện là người Âu Mỹ dần dần quay sang trời Á để tìm cuộc sống dung hợp, yêu tình ở đạo học Đông phương, đề

mong khoa lấp được khoảng trống thiếu thốn ấy. Nếu nhân loại bước lại gần nhau, đem khối óc thông minh hòa với tình thương, đạo học, để xử dụng vạn năng khoa học phục vụ cho loài người, chắc nhân loại sẽ không còn hồi hộp

bạn tâm lo âu cho kiếp sống của mình nữa, và hiện tượng vũ trụ này cũng trở nên hòa mát trong tiếng hát của người và muôn vật chào mừng bình minh tràn tình thương nhân loại.

THÍCH-ĐỨC-NIỆM

Nhân ngày sinh nhật người Anh hùng áo vải cờ đào (5 tháng 5 âm lịch) mời Bạn đón xem :

HỒ - THƠM — NGUYỄN - HUỆ — QUANG - TRUNG hay

GIẤC MỘNG LỚN CHƯA THÀNH

Những kì công, chiến thắng, sáng kiến của Người phi thường ấy được ngòi bút linh hoạt của NGUYỄN-NGU-I trình bày cùng những ý kiến xưa nay, khen, chê Người, sẽ chuẩn bị Bạn đọc lời bạt của HỒ-HỮU-TƯỜNG để rồi tin chắc rằng, MỘNG LỚN kia — mà một số người cho là CUỒNG MỘNG — có thể thành SỰ THẬT...

(Có phụ bản : chữ viết, ấn, tiền và cờ Quang-Trung).

« VỀ NGUỒN » xuất bản.

Giá 45 đ.

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Ý-niệm quốc-gia trong thời-đại mới

Quốc-gia là dân-tộc

Dùng dân-tộc làm yếu-tố quyết-định sự cấu thành quốc-gia cũng gây ra nhiều nghi-vấn. Lý-thuyết Đức đã xem chủng-tộc và quốc-gia là một, và quan-niệm thông thường tại nhiều nước khác, nhất là những nước chưa vững tin nơi giá-trị cộng-đồng mình, cũng thế.

Không có danh-từ nào kêu gọi nhiều xúc cảm và cuồng nhiệt bằng danh-từ nòi giống và không có ý-niệm nào hẹp hòi bằng. Một sự ngộ-nhận đưa lên làm tin-điều đã sinh ra thứ huyền-thoại nguy hiểm. Theo nhà sinh-vật học Julian Huxley, «Ý về chủng-tộc nà chính khách và có khi nhà nhân-chủng-học đúng là một sản phẩm tiến-Mendel. Chúng ta có nên loại bỏ danh-từ chủng-tộc khỏi ngữ-vựng khoa-học hay ngôn-ngữ đứng đắn không? Đó là vấn đề thật cấp bách trong sự việc quốc gia và quốc-tế». (4)

Ai cũng biết sau những công-trình của Mendel, di-truyền học hiện-đại đã đưa ra thuyết căn bản là cơ-thể di-truyền của bất cứ chủng loại nào cũng gồm một số nhân trên các nhiễm-thể gọi là yếu-tố di-truyền. Khi nhiều vật có một số nhân di-truyền, chúng thuộc một nhân-hình

và có một vẻ ngoài giống nhau. Vẻ ngoài ấy là tượng-hình. Ta có thể tưởng rằng như vậy mỗi kiến nhân-hình có một kiểu tượng-hình tương-ứng. Nhưng sự thật theo các thí nghiệm cở-điền của Mendel nơi đậu hạt, một tượng-hình có thể tương-ứng với nhiều nhân-hình khác nhau. Do đó ta thấy tính di-truyền khác với yếu-tố di-truyền. Yếu-tố di-truyền là điều-kiện tạo nên tượng-hình, nhưng hoàn cảnh ngoại giới cũng như nội-bộ có thể biến đổi tác-dụng các yếu-tố ấy. Đặc tính biểu-kiến, hay cái vẻ ngoài, xưa kia được xem là yếu-tố căn bản để xét đoán các hiện-tượng di-truyền nay chỉ có giá trị của một dấu-hiệu tương đối chứ không tuyệt-đối, biểu lộ nhân-hình của mỗi vật.

Xét nơi loài người, có thể lấy vóc làm thí-dụ. Sự thiếu ăn, thiếu hoạt động hay thiếu ánh nắng mặt trời, làm cho thân hình có thể bị teo lại. Và không chỉ có ảnh hưởng của ngoại giới mà thôi, mà một sự thay đổi cấu-tạo di-truyền cũng có thể gây ảnh-hưởng về thân-hình vậy.

Trong thực-tế, lắm giống người khác

(4) Julian Huxley *Uniqueness for men*, Chatto and Windus, London, 1941.

nhau rất nhiều về vóc. Không thể nhờ thêm thức ăn mà dân lùn Pygmée sẽ cao bằng dân Tô-cách-lan hay Thụy-điền. Những giống này khác nhau về những nhân của cơ-thể khiến họ thấp hay cao, nhưng vóc của mỗi giống vẫn thay đổi vì thức ăn và những điều kiện hoàn-cảnh khác. Nhưng về đặc tính tâm-lý — như thông minh, tánh tình, — ảnh hưởng của hoàn cảnh dễ nhận thấy hơn. Xã hội hiển nhiều khả-năng biến-dịch hơn là hoàn-cảnh vật-lý.

Dù có thiện-ý bao nhiêu, dựa theo những kiến thức khoa-học ngày nay, người ta khó phân biệt rõ ràng những yếu-tố di-truyền với yếu-tố ngoại-giới về những dân-tộc-tính hay tánh-chất quốc-gia. Nói dân nước này vui hay buồn, háo chiến hay hiếu-hòa, chỉ đúng trong một giai đoạn lịch-sử nào đó thôi. Qua giai-đoạn kế tiếp, tánh tình của dân ấy có thể trái ngược. Cho một dân tộc này có khả-năng hơn dân-tộc khác mà không xét đến khung cảnh sinh trưởng và phát-huy của dân-tộc, đưa đến sự phán-đoán sai lầm, và gây nên lỗi kỳ-thị phi-lý cùng những chủ-thuyết chính-trị tai hại.

Trong chương XI cuốn *Mein Kampf* (Cuộc tranh-đấu của tôi), nhan đề Dân tộc và Chúng tộc (*Volk und Rasse*), Hitler đã có những ý-nghĩ rõ ràng chống lại hôn-nhân dị-chủng và đề cao giá-trị và thanh khiết của giống *aryen*.

«Thú-vật nào, Hitler viết, cũng chỉ giao cấu với một đồng loại. Chỉ có những trường-hợp đặc-biệt đi sai nguyên-tắc ấy. Nhưng thiên-nhiên vận dụng tất cả phương tiện để chống lại những trường-hợp trái nguyên tắc. Việc kết-hôn giữa người giá-trị khác nhau trái ngược với ý-lực chung của thiên-nhiên, là nâng cao trình-độ sinh-vật,

Mục phiêu này chỉ đạt được bằng chiến thắng toàn diện và vĩnh viễn của những người đại-diện cho giá-trị cao nhất. Vai tuồng của kẻ mạnh là ngự-chế chứ không phải hòa mình với kẻ yếu hơn. Kẻ sinh ra yếu mới cho luật ấy là độc ác, chỉ vì nó yếu và khả-năng nó có hạn.»

Mà có một loài thượng thặng, đó là giống *aryen*. Giống *aryen* là thế nào? Hitler không định rõ và không cần bàn cãi về sự-thể của nó. Những tín-điều Hitler đặt ra là giống lai chống lại thiên nhiên, huyết-thống phải giữ trong sạch, — những dân-tộc từ bỏ sự thuần-nhất của huyết-thống là từ bỏ sự thuần-túy của tâm hồn, — vấn đề huyết-thống và chủng-tộc là căn-bản lịch-sử nhân-loại. Hitler xem sự bất-bình-đẳng giữa các giống nòi là luật xưa nhất của lịch-sử. Phạm đến luật định cho dân *aryen* sứ-mệnh khai-hóa và ngự-chế thế-giới, là tội tồ-tông của con người!

Sách Hitler chắt chứa một mớ ý-thuyết nông nổi được trình bày với sự tức giận cá-nhân. Thuyết chủng-tộc ấy đã chịu ảnh-hưởng của Julius Streicher, một tên thác-loạn, và của Rosenberg, vừa xuất-bản năm 1930 cuốn «*Huyền thoại của thế-kỷ 20.*» Người ta nghi rằng tư-tưởng Nietzsche đã giúp cho Hitler ý-thức những lý do đề cao giống nòi, nhưng điều chắc chắn hơn là Hitler tìm căn-bản lý-thuyết nơi tác-phẩm của Gobineau «*Luận về sự bất bình đẳng giữa các giống người*» (1853-1855). Gobineau bị ám ảnh về chủ-thuyết *aryen* trong lúc có phong trào ham thích văn-hóa Ấn-giáo.

Một nhân vật danh tiếng khác theo chủ-thuyết chủng-tộc là một dân Anh nhập tịch Đức, Houston Stewart Chamberlain, xuất bản năm 1899 cuốn

« *Huyền thoại thế kỷ 19* », bề ngoài có vẻ khoa học, dựa nơi nhân-chủng-học, dựng lên thuyết đề-cao giống Nhi man (German) và bài trừ Do-thái. Ảnh-hưởng của Chamberlain lớn mạnh ở Đức ; trong số những người tán-dương có cả Hoàng-đế Guillaume II. Chamberlain có viết cho Hitler như sau : « Có thứ bạo-lực khởi đầu và kết-liệu trong hôn-mang, nhưng cũng có thứ bạo-lực tạo nên những xã-hội mới. Tôi tin rằng lịch-sử sẽ xem ông là một trong những nhà xây-dựng vĩ-đại, chứ không phải trong hạng người phá hoại. Quốc-gia Đức trong thời hoạn nạn đã sản xuất một bậc như ông, đã chứng minh được sức sống của Đức ». Lịch-sử sau đó đã đánh đúng giá lời phán xét của Chamberlain, không ai chối cãi tài của Hitler, nhưng công trình xây dựng của nhân vật ấy mà hậu thế ghi nhớ mãi là những trại tập-trung và lò sát sinh.

Khoa-học ngày nay đã cho thấy rõ không còn giống người nào là thuần-chủng, và thuyết *aryen*, cũng như thuyết chủng-tộc, căn-cứ nơi nòi giống như là một yếu-tố cố-định của quốc-gia, quả thật là sai lầm. Tuy nhiên, với nhận-thức sai lầm, với cách đưa một giá-trị tương-đối làm thành tuyệt-đối và vĩnh-viễn, người ta đã sát hại vô số kẻ vô tội, mà chẳng dành cho quốc-gia mình một chút danh-vọng và quyền-uy nào.

Yếu-tố dân-tộc thuần - túy không cần thiết cho việc thành lập một quốc-gia, và hiện nay hầu hết quốc - gia trên thế giới đều đa-chủng trong nghĩa khoa học của nó. Một quốc-gia Hoa-Kỳ với thành phần dân-chúng phức tạp, nhưng nhờ một ý-thức cộng-đồng chung cho tất cả, một ước muốn tự-do cho cả

đám người vì tình cờ lịch-sử phải chung sức trên một vùng đất mới, đã trở nên một đơn-vị chính-trị hưng-thịnh, với một tổ chức khéo léo, được xem là gương mẫu, đã dựng lên một quốc-cách, một truyền-thống, một văn-minh đặc-biệt. Chử dân-tộc Hoa-kỳ, khi được dùng đến, chỉ quốc-dân Hoa-kỳ, và không một lý-thuyết-gia nào của nước ấy ngó ngàng đến nỗi cần phải đề cao giá-trị chủng-tộc mình đề ung-đúc hay đề cao tinh-thần quốc-gia. Liên-bang Sô-viết cũng là một cộng-đồng đa-chủng, tuy theo hiến-pháp và trên nguyên-tắc, họ có một chính-sách đối với các dân-tộc hay sắc-dân, công cuộc Nga-hóa vẫn được đẩy mạnh trong thật-tế. Nhưng Liên-bang Sô-viết không thể dùng chủ-thuyết chủng-tộc để xây dựng liên-bang, mà nhờ nơi ý-thức-hệ, nhờ nơi yếu-tố tinh thần, nhờ nơi dự-phóng hướng về tương-lai quan-hệ đến vận-mệnh của mấy trăm triệu dân thuộc nhiều gốc núp dưới một bóng cờ.

Trong trường-hợp quốc-gia Việt-Nam, riêng giống Việt đa-số, đã gây ra nghi-vấn. Thật khó mà quả quyết một cách khoa-học, đó là một thuần chủng. Nhiều nhà khảo-cứu đặt nguồn gốc dân Việt từ miền Tây-nam Trung-Hoa. Cách đây vài năm, người ta đã nhắc đến một giả-thuyết khác cho rằng nguồn gốc dân Việt có thể từ Nam-dương quần-đảo. Luận-chứng giả-thuyết này không thuyết phục được mấy ai, nhưng nếu người tô-bồi cho giả-thuyết có dụng ý chính-trị, muốn gây tình « anh em ruột thịt » giữa người Kinh và Thượng, thì quả thật biết lo xa và có sáng kiến. Tuy vậy, một huyền-thoại chỉ kết hợp và xây dựng được gì, chỉ khi nào những người liên-hệ đều chấp nhận huyền-

thoại ấy. Gò bó một thực-trạng phức-tạp trong một lý-thuyết quá giản-dị với sự chấp nối quá thô kịch, không giải-quyết được vấn-đề. Thực-trạng của Việt-Nam là cuộc sống chung của nhiều sắc dân. Đề liên hợp và đoàn-kết toàn thể dân chúng. những công - trình chung trong quá khứ, những dự-định chung cho tương-lai, hay nhu-cầu khẩn- yêu hiệp sức đề chống lại kẻ thù chung, tất nhiên có nghĩa-lý và hiệu-năng hơn lối bắc nhờ trong pháp-lý hay trong đời sống sự phân-biệt các nòi giống. Phải chịu khó đặt mình trong địa-vị người dân thiểu-số, dù Gia-lai hay Nùng, Thái, dù Minh-hương trước kia, hay người Việt gốc Hoa ngày nay, phải tưởng-tượng đến tình-cảnh ngẫu nhiên của họ, mới đoán được phản ứng tự-nhiên và thắm kín trước mọi hình-thức đề cao hay kỳ-thị chủng-tộc với mục phiêu xây-dựng quốc-gia Việt-Nam. Thuyết chủng tộc lỗi thời và sai lầm, có thể khuyến khích sự chia rẽ và ly khai, mà xưa nay, ngoại bang thù nghịch thường khai thác, mỗi khi thuận-tiện và có lợi cho chúng, và như vậy đưa đến kết quả ngược với những điều đáng mong ước : cho cộng-đồng quốc-gia. Trong cuộc-diện chung, quan-niệm quốc-gia là dân-tộc, hay dân-tộc là quốc-gia, đã sinh ra hiện-tượng phân-hóa trong thế-kỷ 19, khởi đầu từ Âu-châu, và tiếp-diễn tại Á-phi. Không có lý do nào để ngăn cấm những dân-tộc khác dựa vào quan-niệm ấy để đòi hỏi việc nhìn nhận quốc-gia mới khai-sinh của họ.

Tiếng ta còn, nước ta còn

Đối với dân một nước, không gì chính - đáng bằng việc dùng quốc-ngữ. Không có phương - tiện

chuyên-thông hiệu-nghiệm nào cho thành-phần một cộng-đồng bằng những dấu-hiệu, biểu-tượng, định-thức, được mọi người trong cộng-đồng chấp-nhận, cùng nhau sáng tạo và tô-bồi. Ngôn-ngữ mỗi nước có di-vãng, ý-niệm, tình-cảm, hiệu-năng của nó. Khó cho một người ngoài cộng-đồng có thể thấu-triệt được tất cả nghĩa-lý hay cái hay đẹp của ngôn-từ dùng trong một nước, khi ngôn-từ ấy không phải là những dấu hiệu của khoa-học hay toán-học. Ngay trong một nước, các giới nghề-nghiệp, đám sinh-viên, học-sinh hay các gia-đình nữa, vì có một cuộc sống riêng, một lịch-sử riêng, thường tạo nên một thứ ngôn-ngữ đặc-biệt không dễ cho người lạ hiểu được. Có thể nói ngôn-ngữ một nước cũng là một thứ « tiếng lòng » đối với người ngoại-quốc. Và cũng không nên ngạc nhiên trước cảm-nghĩ của người trong nước đối với người ngoài học hay dùng tiếng của mình. Một dân Anh nói với một sinh-viên ngoại-quốc đã học tại Anh năm bảy năm ngôn-ngữ và văn-chương Anh-quốc : « Bạn mà đọc Shakespeare à ? » Tại Hà-nội dưới thời Pháp-thuộc, một viên thanh-tra Pháp đã chỉnh một giáo-sư Việt, có bằng tẩn-sĩ văn-khoa Pháp, khi thấy ông này giảng bài thơ *Le cimetièrre marin* của Valéry : « Chính anh đã hiểu Valéry chưa mà dám đem ra giảng dạy ? » Và người Việt-Nam cũng không khỏi mỉm cười, hoài nghi, khi đọc bản *Kim-Vân-Kiều* do René Crayssac dịch ra thơ Tây, vì nghĩ rằng người Pháp làm sao hiểu nổi Nguyễn-Du. Trong những cảm-nghĩ ấy, có sự kiêu-hãnh tự nhiên của người đối với tiếng mẹ, là một điều chủ-quan, nhưng cũng có điều khách-quan, là nhìn nhận tánh-cách không dịch-được của bất cứ ngôn-ngữ nào. Xét cho cùng, thì ngôn

ngữ văn-chương của một tác-giả đã khó diễn đạt, khó thấu-triệt đối với những đồng-bào xử dụng một thứ tiếng, huống chi đối với những người khác ngôn-ngữ.

Giá-trị quan-trọng của ngôn-ngữ, về phương diện trên, không thể chối cãi. Những sự khó khăn xuất hiện khi buộc phải dùng ngôn-ngữ để chuyển-đạt ý-tưởng giữa những người khác cộng-đồng. Lại nhiều vấn-đề được đặt ra khi tự-ái quốc-gia về ngôn-ngữ làm cho quan-hệ giữa các nước trở nên khó khăn, khi ngôn-ngữ riêng biệt được xem là một yếu-tố để cấu-tạo quốc-gia, khi một đám người cùng nói một thứ tiếng nghĩ rằng họ phải được kết hợp dưới một chính-thể.

Lịch-sử cho thấy sự hợp-nhất quốc-gia không đi đôi với sự hợp nhất về ngôn-ngữ. Không có ngữ *aryen* cũng như không có chủng-tộc *aryen*. Tiếng Pháp không định biên-giới quốc-gia Pháp, vì Bỉ, Gia-nã-đại, Thụy-si cũng dùng tiếng ấy. Tiếng Anh là quốc - ngữ của Hoa - Kỳ cũng như của Anh-quốc. Tiếng Tây-ban - nha và Bồ-đào-nha được dùng tại những giải đất mênh mông ở Nam-Mỹ, lớn gấp mấy lần diện-tích của Tây và Bồ, chẳng có liên-hệ chính-trị gì với những nước này. Trái lại, Thụy-si, một nước có tinh-thần quốc-gia khá mạnh, dùng đến bốn thứ tiếng chính-thức (Đức, Pháp, Ý và romanche). Như thế, ngôn-ngữ chẳng phải là một yếu-tố khần yếu để làm một quốc-gia trong nghĩa hiện-dại. Ngôn-ngữ là một phương-tiện kỳ diệu để gắn bó tâm hồn của những người trong nước, để xây dựng tinh thần ái-quốc, để phát-triển tài-năng riêng của một dân-tộc, để cổ võ chí khí hiên-ngang bất khuất cần thiết cho sự bảo vệ quê hương. Câu "tiếng ta còn, nước ta còn" có lẽ đã được hiểu như thế. Nhưng xử-dụng một tiếng nói, dù

phong phú hoa-mỹ đến đâu, cũng không đi đôi một cách tất nhiên với việc gìn giữ chủ quyền đất nước, và trái lại, dùng một ngoại-ngữ làm quốc-ngữ cũng không phải là một dấu hiệu lệ-thuộc. Quốc-gia Hoa-Kỳ dùng Anh-ngữ như Cộng-Hòa Liên-bang Ấn-độ, hay Phi-luật-tân đã và đang dùng, Tunisie, Sénégal dùng Pháp-ngữ, nhưng vẫn là những quốc-gia độc-lập với đầy đủ chủ-quyền. Lý luận ngược lại sẽ vô-nghĩa, không phải bằng cách mượn một tiếng nước ngoài làm quốc-ngữ, một quốc-gia sẽ giữ được độc-lập và chủ-quyền của mình !

Chấp nhận cho một cộng-đồng ngôn-ngữ đủ tư-cách để thành lập quốc-gia sẽ làm cho số quốc-gia trên thế-giới còn tăng vô số kể, và hiện-tượng này không hẳn có lợi ích gì cho nhân-loại hay cho chính đám dân liên-hệ. Hai trăm ngàn thổ-dân ở Úc-châu dùng đến năm trăm thứ tiếng. Trong bốn mươi vạn cây số vuông của miền Californie, người ta tính ra 35 nhóm ngôn-ngữ và 135 thổ ngữ ! (5) Tại những nơi khác, những nhà ngôn-ngữ học có thể kéo dài bảng liệt-kê thêm nữa.

Quốc-gia và tôn-giáo

Tôn-giáo và quốc-tịch ngày nay cũng là hai sự thể khác nhau. Trong thời xa xăm, đoàn-thể tôn-giáo là đơn-vị chính-trị, vì lúc nguyên-thủy những tôn-giáo, những lối thờ phụng là của những gia - đình và cộng-đồng nhỏ, những nhóm thuần nhất về nhiều phương-diện. Thời Trung - cổ ở Âu-

(5) Theo Gordon Child, **What happened in History**, Penguin Books, London.— Bản dịch tiếng Pháp: **De la préhistoire à l'histoire**, Arthaud, Paris, 1961

châu, vài cộng hòa, tuy cùng một tín-
 ngưỡng cũng có sự sùng kính khác nhau
 để tỏ rõ sự phân-biệt : một công-dân
 tốt cộng-hòa Venise phải thờ cách riêng
 thánh Marc, một công dân tốt ở Amalfi
 phải xem thánh André cao trọng hơn các
 thánh khác. Hai trào-lưu kết-hợp và lập
 dị mãi mãi chi-phối cuộc sống con người;
 Khi trên thế-giới xuất hiện những
 tôn-giáo đại-đồng, nhờ mặc - khải hay
 nhờ một khái-niệm mới mẻ về Thượng-
 Đế, những cộng - đồng thuần - nhất
 trước kia chung hòa đời sống trong
 một sự thờ kính và tin-tưởng chung.
 Biên-giới những nước nhỏ đã lu mờ hay
 biến mất trong những văn-minh Đông-
 Phương, Trung-Hoa, hay Ấn-Độ, văn-
 minh Tây-phương trong hoài-vọng hoà-
 bình chung quanh La-Mã (*Pax Romana*).
 Quyền lợi riêng hay lòng tự ái của một
 vài quân-vương chống lại giáo-quyền,
 những lối nhận-thức và dẫn-giải khác-
 biệt về kinh-sách, đã đưa lại sự chia rẽ
 và phân hóa. Nhưng, với ý-niệm thuần-
 lý về quốc-gia xuất hiện trước và sau
 cách-mạng Pháp, thì những tôn-giáo phổ
 quát bị thu hẹp trong biên-giới nhỏ hẹp
 của đơn-vị chính-trị. Quốc-giáo được
 xem như là một biểu-hiệu cho chủ-quyền
 dân-tộc, và vì được dùng như một
 phương-tiện chính-trị, không tránh khỏi
 những hành-động bất công tàn-ác, phi-
 nhân, đối với ngoại-giáo, ngoại bang, trái
 ngược lại với quan-niệm nguyên-thủy về
 nhân-loại và vũ-trụ. Thay vì thực hiện
 và truyền bá tình-thương để xoa dịu phần
 nào những sự đau khổ mà cuộc sâu-xé
 vì quyền-lợi vật chất gây thêm cho
 người, tôn-giáo lại góp sức mình vào
 cuộc sâu-xé ấy, Muốn đạt được mục-
 phiêu trần-tục, tôn-giáo quên hẳn lối
 thương tha-nhân như mình vậy, tôn-

giáo không còn lo sự giải-thoát cho tất
 cả chúng-sinh mà chỉ lo một cách hẹp
 hòi cho sự vinh-thắng của những người
 quy-tụ chung quanh mình. Đa-số người
 khao-khát chân-lý, hướng tâm về cao cả,
 không khỏi ngã lòng, hoài-nghi khi tôn-
 giáo phải dùng đến ngôn-ngữ của bạo-
 lực và hận-thù. Khái niệm về Thượng-
 Đế, nếu còn có khái-niệm, trở thành
 tầm thường hơn trước. Lắm khi, chỉ có
 một sự vay mượn những danh-từ
 duy-tâm, duy-thần, dùng cờ biển thiêng
 liêng để che đậy đường hướng duy-vật.
 Quả thật, người ta có tôn-giáo mà không
 còn có đạo. Thượng-Đế bị hiểu lầm và
 bị phỉ báng khi bị một quốc-gia, một
 dân tộc thôn-tính, dùng Thượng-Đế
 làm phương-tiện tuyên-truyền hay kích-
 thích trong những xung-đột và chiến-
 tranh giữa người với nhau. Văn-hào
 Đức Curtius có quyền mỉa mai khi
 thấy người Pháp tự cho cuộc chiến
 chống Đức của họ là chính-nghĩa và thần
 thánh, tác-giả ấy dùng làm nhan đề
 cho một cuốn sách ông một câu
 hỏi lý thú : « Thượng - Đế có phải
 là người Pháp không ? » (*Dieu est-il
 Français ?*). Mọi sự thu hẹp tôn - giáo
 đại-đồng trong phạm-vi nhỏ hẹp với mục
 phiêu chính-trị cũng đưa đến phản-
 ứng tương-tự. Có ai lại không lo ngại
 cho thứ Thiên-chúa-giáo chấp nhận việc
 kỳ-thị màu da, và không cho da đen
 ngồi chung với da trắng trong một nhà
 thờ ? Phải chăng thiên-đàng cũng sẽ dồn
 những người da đậm vào một phía, bằng
 không người da trắng sẽ không lên ?

« Điều gì của César, trả cho César ;
 điều gì của Thượng-Đế, trả cho Thượng
 Đế ». Lối phân-định ấy vẫn còn giá-trị.
 Trong viễn-ảnh về thế-giới ngày mai,
 không thể nghi giáo-quyền đoạt lại thế-

quyền, hy vọng đặt tôn giáo làm quốc giáo cũng là ảo mộng. Trong số những người cùng chung một tôn-giáo, đã có những dị biệt về giáo lý, về phương-thức hành đạo, hướng chi về chính-kiến cũng như về quyền lợi thế-tục, còn thêm khác biệt và mâu-thuẫn nữa. Tôn-giáo vượt lên những biên-giới quốc-gia, và vì thế sẽ là một yếu-tố liên-kết nhiều đám dân chúng, xây dựng những cộng đồng tinh-thần rộng lớn. Tôn-giáo là lương-tri cho nước và cho nhân-loại, tôn giáo có thiên-chức và khả-năng đưa đẩy những hình-thức tổ-chức chính-trị phù hợp với nhận định cao cả về bác-ái, công bình, tình huynh-đệ giữa những người bất luận màu da hay quốc tịch.

Quốc-gia và truyền-thống

Truyền - thống cũng thường được nhắc đến như một yếu tố tình-cảm để kết hợp dân-tộc, xây dựng quốc gia. Ngôn ngữ, tôn giáo được đặt trong phạm vi truyền-thống, cũng như các phong-tục, tập quán riêng biệt khiến cho một đám người không phải như đám người khác.

Bất cứ cộng-đồng xã-hội nào cũng nhắc đến truyền thống mình. Không nói gì một nước có lịch-sử trên mấy ngàn năm hay được vài thế kỷ rồi, nhóm người trong một hội thể thao hay trong một gia đình vẫn có tục-lệ, lễ nghi, ngôn-ngữ, một mở kỷ niệm cho thấy sắc-thái khác-biệt với những nhóm khác.

Mọi tập tục thường được gìn giữ vì giá-trị cảm xúc, để liên kết các thế-hệ, nối liền người sống với tiền bối. Nhờ đó, một phần của di vãng không rơi vào cõi hư vô mà truyền lại cho hậu-thế. Có một sự lầm lẫn về công dụng của

tập tục, truyền-thống, di vãng hay lịch sử đã khiến cho thời-gian trở thành một tiêu-chuẩn giá-trị và sự trung thành với nếp sống cũ kỹ cần thiết cho sự sống còn của đoàn thể.

Truyền-thống là thói quen của đoàn-thể, xuất phát từ một sự cần thiết đưa đến một giải-đáp. Giải đáp được mọi thành phần chấp nhận vì lý do phục tòng một uy-quyền tối-thượng khôn ngoan hơn mình, hay vì giải-đáp có hiệu-năng thật sự, tránh cho người phải tốn thì giờ và công khó để nghĩ đến những đường lối khác.

Ảnh-hưởng của truyền thống thật tế-nhi. Loại trừ trường hợp người phải theo kỷ luật của cộng-đồng nếu không thì bị khai trừ hay trừng trị, hay trường hợp người xử dụng một cách máy móc tài bất chước, từ khi bé cho đến lúc già, cũng bởi một lẽ nhi-thái để sống còn, người ta vẫn đón tiếp truyền-thống vì tin-tưởng nơi cái hay cái đẹp của nó, người ta bằng lòng chịu ảnh-hưởng tự-nhiên của truyền-thống như vui vẻ sống dưới ảnh-hưởng bạn thân, bậc thầy hay cha mẹ, mà chẳng sợ mất nhân-cách hay bản-ngã của mình.

Nhưng trong cuộc sống người có thể gặp những vấn-đề riêng biệt mà cộng đồng không có lời giải, hoặc người ý-thức được những giá-trị khác với những giá-trị thông-thường của đoàn-thể, người không tự xem bị gò bó trong truyền thống, mà đặt ra trước cho mình, cho một số người suy nghĩ như mình, một nếp sống mới, mà sau này có thể được mọi người khác trong cộng đồng chấp nhận.

Dù sao người không thể thoát khỏi

truyền thống được, vì không có tác-động, tư-duy nào của người hoàn toàn mới mẻ cả. Cho nên nói « trở về truyền thống » là chẳng nói gì cả, trừ phi xem truyền-thống là điều bất di dịch, truyền-thống có giá-trị tuyệt đối, vĩnh viễn với lẽ là đã thuộc một giai-đoạn nào đó trong thời gian. Đã là truyền thống thì không có sự dừng lại. Truyền thống tiếp tục biến đổi theo dòng lịch-sử. Khi khung cảnh xã-hội biến-đổi, khi tri-thức và kỹ-thuật của người được phong-phú, thích hợp với sự đòi hỏi mới, thì người tất nhiên có những lối xử-thế khác với những bài học tổng quát của tổ-tiên, ứng dụng trong hoàn cảnh khác. Thật không có gì ngờ ngẩn bằng đánh giá những tập-tục theo tiêu-chuẩn lâu đời của nó như người ta đánh giá bình sứ, tử chè, rượu hay nước mắm. Thật không gì phi-lý bằng đặt sự phán-đoán chân-lý lệ thuộc sự xét đoán tình-cảm, và muốn cho con người hiện tại không nên theo nhịp sống của thời-đại mà trở về lẽ lối cổ hủ của mấy mươi thế-kỷ trước, vì lẽ bậc tiền bối phải khôn ngoan hơn mình bây giờ.

Bảo-thủ chính trị cũng như bảo-thủ xã-hội dùng truyền thống như thành-trì trang hoàng với ảnh-tượng khả-kính của ông cha, để chống lại mọi sự thay đổi cần thiết cho cộng-đồng, không nghĩ rằng những điều mới mẻ sau này do cảnh-vực đòi hỏi, cũng sẽ là truyền-thống cho những người mai hậu.

Vai trò của truyền-thống trong sự kết hợp một dân-tộc, thành lập và bảo vệ một quốc gia phải được nhìn nhận. Điều quan hệ là không nên để cho di-vãng che lấp và ngăn chặn mọi đường hướng đưa cộng-đồng đến một tương

lai tươi đẹp. Có thứ ý-niệm về quốc-gia quanh quẩn nơi những kỷ-niệm huy hoàng của thời qua cũng làm cho cuộc sống quốc gia lâm vào ngõ bí, ngập ngừng lưỡng lự giữa sự canh-tân cần thiết và sự hoài cổ thâm tình. Khoa-học cận-đại cho loài người thấy tánh-cách tương-đối của những hiện-tượng vật-lý. Với chút ít tinh thần khoa-học, nghĩa là tôn trọng sự thật, người ta phải công nhận những hiện-tượng xã-hội, chính-trị do người dựng nên, lại còn tương-đối nhiều hơn nữa. Có thể, trong thời-đại ngày nay, người ta sẽ đủ can-đảm xét lại những nhận-định và chủ-thuyết về quốc-gia, đề dựa vào những công-trình và tổ-chức sẵn có, tiến đến những hình-thức kết-hợp khác, thích nghi với khúc quanh mới của lịch-sử nhân loại.

(Còn tiếp)

CUNG GIỮ NGUYÊN

Kỳ tới : Quốc gia là ai ?

SÁCH MỚI

Lao vào lửa tập truyện của Nguyễn-thị-Thụy-Vũ do Kim-Anh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 124 trang, gồm 3 truyện : Chiếc giường, Lao vào lửa ; Đêm nôi lửa. Phụ bản : Thụy-Vũ dưới mắt Duy-Thanh — Bản đặc biệt không đề giá.

— **Mưa đào** tập thơ của Huyền-Linh-Thy do tác giả xuất bản và gửi tặng gồm gần ba chục bài thơ. Không đề giá bán.

— **Dại một giờ** tập truyện của Vũ-Duy do Tri Âm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 164 trang. Giá 60 đ.

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Dạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24.38

B P N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central
Téléphones : 23 — 2171 (8 lignes)

P O Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 291 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F., Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

TRUYỆN DÀI

ĐỒ - TIẾN - ĐỨC

MÁ

HÔNG

4 Sáng hôm sau tôi thức giấc với những sự mệt mỏi rã rượi từng thớ thịt. Đạt tới năm với tôi từ mười một giờ rời ra đi, chiếc xe Jeep rú trong đêm tối, lúc ba giờ. Mai có cuộc hành quân lớn, tụi tao phải tham dự. Đến tâm sự với mày biết đâu chả là lần chót. Tôi nói lấy lệ sao gỡ miệng thế. Đạt cười khò khan nếu nói mà chết được thì tao đâu cần đi bắn chúng nó.

Chúng tôi đã thủ thi biết bao nhiêu chuyện. Nhiều lần, tôi phải bịt miệng sợ cười quá lớn làm bên nhà Huyền mất ngủ. Tôi cũng để ý xem có tiếng đặng đặng của Huyền, nhưng không thấy. Vậy không rõ Huyền không có thói quen đặng đặng hay không biết thao thức. Chắc Huyền cố không gây tiếng động để chúng tôi tự nhiên nói chuyện đây. Huyền tinh lắm.

Lúc Đạt đi rồi, tôi tưởng vùi mặt vào chiếc gối là có thể thiếp đi ngay, nhưng lạ quá, đầu óc tôi tỉnh táo minh mẫn như trong giờ làm việc buổi sáng. Tôi nhớ Đạt. Tôi nghĩ theo từng bước chân anh. Lúc này cha Đạt đang sát khí đặng đặng tập hợp lính rồi nhét vào những chiếc hộp sắt biết bò đây. Mỗi lần đi như thế, Đạt có những cảm nghĩ thế nào về nhiệm vụ, về cuộc đời ? Chưa lần nào tôi nghe anh nói về những đề tài ấy. Anh chỉ nói về đứa em ruột đang học Đại học y khoa Sài-gòn. Trong ví anh, tấm ảnh của Tùng nằm trong ngăn mi ca, chắc chiu như hình của người yêu lý tưởng.

Có một lần nào, tôi được nghe vài người nói về Đạt với sự tiết lộ của viên quân y sĩ. Đạt là loại người không bình thường. Anh ái nam ái nữ. Chi tiết ấy khiến nhiều người tò mò hỏi lại nhau. Rồi người nào cũng xác nhận là đúng. Thoạt đầu tôi cũng hay quan sát Đạt để xem cử chỉ của người ái nam ái nữ ra sao. Nhưng sau này, ở gần anh tôi hơi ngạc nhiên và xét lại dư luận trên. Bởi anh có những tình yêu với Thanh. Bởi anh có ăn nằm với Đào hồi tôi còn thuê phòng ở khách sạn. Đạt đã nói hơi nhiều về đàn bà. Nói với những sự thô tục trắng trợn. Tiếp xúc gái làm tiền với những hành động tàn bạo vũ phu. Tôi đã nghĩ một đêm

ngủ chung nào đó, mình giả vờ ngủ say ôm chầm cu cậu soạng ngay một đường thì rõ. Tôi chưa thực hiện điều đó. Tôi phân vân sợ làm Đạt buồn.

Tôi xuống nhà sau, ra bờ giếng rửa mặt. Trời trong sáng và những lá cây rung động nhẹ như những bàn tay từ biệt vẫy nhau xã giao. Giọng bà Phước mắng con vang lên :

— Đầu tóc tụi bây còn bần hơn lông chó. Cái lược vừa rửa sạch đã lại đen thui rồi. Thế mà không chịu gội gì hết.

Huyền cười đáp lời mẹ :

— Má thấy lược đen mà bảo tụi con bần là oan ghê lắm. Tóc ba má đấy. Tóc ba má bạc màu để thành tóc trắng chứ tụi con đâu đã bạc.

Tôi phì cười con nhỏ điều được lắm. Rồi vục tay vào chậu nước vỗ lên mặt. Cái mát lạnh của nước thấm vào da khiến tôi sáng khoái. Tôi lại nhớ thêm về Huyền, về nét khôi hài trước đây. Huyền mang nước cho tôi rồi nói tụi cháu không thích nước đun sôi để nguội. Uống nhạt lắm. Thua xa nước mưa hạ thổ. Huyền chúm chím cười thế chú chưa được uống nước mưa hạ thổ. Thật đáng tiếc cho chú. Hôm nào tiện cháu sẽ mang biếu chú chút ít. Rồi đến một hôm gặp nhau ở chỗ này, Huyền sáng mắt hỏi tôi chú muốn uống nước mưa hạ thổ chưa. Tôi gật đầu nói muốn rồi. Lập tức Huyền chỉ tay xuống giếng nói đấy tha hồ, chú cứ tự nhiên múc uống. Từ đó mỗi lần ra giếng, nhìn những gàu nước múc lên tôi lại bật cười nhớ Huyền. Hôm nào mình viết thư cho Dung, nói nước mưa hạ thổ xem cị có hiệu là gì không.

Lát sau, anh Hải đã gõ cửa gọi tôi đi làm. Ngồi trên xe tôi cố ý nhìn liếc vào chiếc gương chiếu hậu xem sau một đêm không ngủ khuôn mặt gầy và nhăn thêm bao nhiêu. Bàn tay tôi hay vuốt xuôi hai bên má, cảm thấy quả có mỏng vào chút ít.

Khi xe tới quận thì ở sân mọi sự chuẩn bị cho buổi chào cờ súng carbine đứng đối diện trước cột cờ. Hai nghĩa quân khác cũng đã ôm cờ ngay dưới chân cột với sợi dây lòng thòng. Nhân viên quận vồn vện năm người chụm lại thành một dóm ở đầu hiên. Trong số này chỉ có hai người là thư ký. Ba người là nghĩa quân biệt phái làm việc văn phòng. Người nào cũng có sức học khá và thừa năng lực trong nhiệm vụ. Đó là những thanh niên không muốn thi hành nghĩa vụ quân sự nên xin vào nghĩa quân để được ở gần nhà và không nguy hiểm.

Chiếc máy thu thanh của chi thông tin tâm lý chiến bắt đài phát thanh Sài Gòn mở thật lớn, kêu vang sân quận. Người xướng ngôn đã báo hiệu sắp đến giờ chào cờ. Đại úy quận trưởng vẫn chưa tới. Tôi đứng im thêm một lát rồi theo thông lệ bước ra trước tiểu đội nghĩa quân dự lễ thượng kỳ. Bài quốc thiều từ chiếc máy thu thanh vang ra. Tôi nghe có nhiều tiếng động khác, tiếng máy nổ, tiếng kèn xe hơi ngoài đường lạc vào những cung điệu bài quốc ca.

Chào cờ xong tôi vào thẳng phòng làm việc. Chiếc bản đồ bình định tỉnh treo

trên tường là vật tôi nhìn thấy đầu tiên. Tôi chợt nhớ Quang. Xì Hương Long của anh chàng Quang ở đâu đây. Tôi tới gần tìm thấy không khó khăn hai chữ Hương Long trong vệt màu xanh đã bình định xong với một con đường bò ngoằn ngoèo như sợi chỉ vương dưới chân bàn máy may. Không ngờ cái chấm tròn li ti và màu xanh hiền hòa này lại có những trường hợp như của Quang. Quả như Quang nói, anh kẹt thật. Mình có địa vị đó cũng không cách nào hơn là bỏ nghề. Thà tình nguyện vào lính cũng còn sướng hơn và bảo đảm hơn nhiều.

Công việc ngoài phòng đã rộn rã với tiếng máy đánh chữ lách cách và những tiếng nói. Tôi đưa mắt ra ngoài cánh cửa chắn gió. Chỉ có màu nâu xẫm của chân chiếc bàn gỗ. Thiếu mất những mảng màu trắng của hai ống quần và đôi bàn chân Chi. Hôm nào ít việc phải ra trại tạm trú thăm em Chi mới được. Phải lấy cung xem em có đích là bồ của anh trưởng ty bưu điện không mà kín đáo quá thế. Mọi câu chuyện khác, Đạt thường là người biết đầu tiên. Cái gì anh không biết thì anh có thể kể như phịa. Nhưng chả nhẽ Huyền lại nói sai?

Bỗng có tiếng chuông điện thoại reo. Tôi nhắc máy.

Tiếng ở đầu giây bên kia :

— Đạm phải không?

— Đạm đây.

— Tân đây.

— À, kính chào cụ phó trưởng ty cảnh sát. Có gì không, cụ?

Tân hỏi ăn sáng chưa. Tôi trả lời chưa và nói nếu được cụ mời thì đi ngay. Tân ô kê hẹn năm phút nữa tới. Tôi đặt máy xuống rồi bê cả chồng công văn đặt trước mặt lật ra coi có cái nào khẩn thì cho đi. Khẩn có nghĩa là những vụ cần giao thiệp với tòa hành chánh, tức đưng tới ông Côn. Xong tôi thơ thẩn ngồi vừa làm lại rai vừa chờ Tân, chờ chiếc xe Jeep màu xanh đỏ ngoài cổng quận.

Một thoáng sau, Tân đến. Tôi trèo lên xe, dơ tay bắt bàn tay đã dơ sẵn. Khi nhìn nhau, tôi chợt thấy dạo này Tân gầy hơn trước. Hai chiếc răng cửa hàm trên khá lớn, mọi khi còn chịu nằm trong hai làn môi chúm chúm khép, nay đã he hé ra ngoài. Tân cho xe chạy rồi hỏi định ăn ở đâu. Tôi biết anh thích quán Hương Giang nên bảo tới đấy. Ngày trước, cả tỉnh đồn Tân yêu cô chủ quán Hương Giang. Tân chỉ cười, thích thú vương nét tự hào về tính hào hoa của mình. Anh không cãi chính cũng không chịu nhận. Nhưng đến khi cô chủ quán kết duyên với một anh thiếu úy, thì thiên hạ mới biết Tân không có gì với thiếu nữ ấy. Anh không buồn khi đi dự tiệc cưới. Cô dâu cũng không nét cảm động khi thấy anh nhìn lúc đứng nép bên chồng chụp ảnh kỷ niệm trước cửa nhà thờ.

Hôm nay tôi thấy Tân buồn thật. Anh ít nói, mơ màng nhia ly cà phê sữa chấp chờn bốc hơi cùng đĩa trứng chiên sống, màu bánh mì khô. Tôi gọi chuyện :

— Có tin gì mới không?

— Lộn xộn lắm rồi đó. Tối qua mới bắt được mấy tên định cho nổ plastic nhà máy đèn. Chúng khai tùm lum cả bảy năm nội tuyến trong thị trấn. Mình đang cho kiểm chứng lại.

Tôi nhắc lại :

— Phá nhà đèn à ?

— Kế hoạch của tụi nó là gây khủng hoảng ở thị xã, đồng thời làm tịt cái đài phát thanh để chúng tuyên truyền với nông dân là đã chiếm được đây rồi.

Tôi đoán ngay được kết luận :

— Thế là mấy anh cán bộ xã ấp tự động đem súng và tài liệu ra nộp chính quyền giải phóng. Hay lắm.

Tân húp một ngụm nhỏ cà phê rồi mặt hơi nhăn lại :

— Đã thế mà chính phủ sắp sụp rồi mới buồn chứ. Vẫn cái điệu ba tháng một nội các thì đánh với đám chó gì. Nghĩ buồn ghê.

— Tôi cũng thức cả đêm qua. Cha Đạt lại phá, trời trăng ít lời đề sáng nay mang thân cho người ta bắn.

Tân vẫn tiếp câu của anh :

— Mình nghĩ nếu được sống như mấy thằng cha ba tàu trong kiếm hiệp thì khoái biết mấy. Đếch cần gì ở cái cuộc đời này hết.

Tôi khôi hài :

— Nó không cần vì nó xin được vàng của tác giả để ra nó. Nếu không thì nhất định là nó đã có mặt tại tỉnh này xin việc ông rồi, ông tin đi.

Vừa lúc ấy, Lâu bước vào. Tôi và Lâu, Tân đều reo lên a a. Đó là thói quen chào khi gặp nhau chứ không diễn tả một sự mừng rỡ nào khác. Lâu kéo ghế ngồi chung bàn với chúng tôi :

— Trong giờ làm việc mà các anh tụ tập ở đây, hả ?

Tôi cười với giọng bắt chước tiếng ông Côn của Lâu gần đúng :

Dạ. Tụi con đói quá, xin Côn Cho tha thứ . . .

Sau những nghi thức ăn chơi đó, anh trưởng ty thanh niên mới dấn vào vai khá mạnh :

— Bị em Huyền xịch cò rồi hay sao mà bỏ hội vậy, bồ ?

— Đang mong thế mà em chưa chịu xịch mới buồn chứ.

Lâu rít hơi thuốc rồi vừa thả khói vừa nói :

— Từ hôm mày về đây, tụi này kệt hết. Mấy ngày trước bắt được một em khá lắm. Em ở Sài Gòn ra kiếm chồng nhưng chồng đã đổi đi nơi khác. Tụi này tán

ăn quá nhưng đêch có nhà. Tiếc ơì là tiếc. Chửì thề màì như ðiên. Bộ màì sợ con Huyền ðến ðộ không ðám ðem các em về chỗ màì nữa à, nhỏ ?

Chi tiết trong câu chuyện của Lâu khiến tôi sực nghi ðến Thủy. Hay Thủy ra tìm mình ? Tôi hồi hộp hỏi Lâu hình dáng em ðó ra sao. Lâu cười híp mắt nói ngon lăm, người nam, trông như nữ sinh. Hỏi thêm về tóc, về khuôn mặt, Lâu không tả ñời. Anh ðực mặt hiện rõ vẻ nông phu trong từng thờ thít. Tân mau lẹ phá ngang :

— Tường bồ của anh ra chắc ? Hỏi kỹ thế.

Tôi lúng túng, nhưng vẫn không gạt khỏi sự ám ảnh người thiếu nữ ấy có thể là Thủy. Trước ðây, không có ðịa chỉ, Thủy ðã gửi thư ra. Bây giờ, nếu Thủy có ði tìm mình thì cũng chỉ là việc ðã có. Tôi ðịnh hỏi Lâu nửa ðùa nửa thật rằng trông bụng em có to không, nhưng thấy ðôi mắt xum xụp toàn những thít kia lại thôi. Nếu bụng ðã to có thể Thủy ra ðây thật. Hôm trước không phải thì một ngày nào ðó. Như hôm nay. Như ngày mai. ði ðề trốn ông anh, trốn gia ðình. ði ðề hy vọng tìm thấy cái cay ðắng khác cho cuộc ðời. Và biết ðâu Bắc sẽ ðích thân ðưa con em nó ði. Nó sẽ ðầy Thủy vào lòng mình. ðôi hàng lông mày chõi xè của nó dương xắc lên. Cái khuôn mặt ðầy mụn trứng cá vụt ửng ðỏ như chiếc bánh trắng ðặt trên bếp than hồng.

Ðưa ly cà phê lên, tôi uống ực một hơi. Thôi không nghi gì hết. Không cần biết thằng cha Bắc sẽ nói gì lúc này. Chờ cái ngày gặp nhau sẽ hay. Tôi lấy miệng ly quét những vệt nước còn dính trên môi :

— Thôi ði.

Lâu ðang ðút miếng bánh mì vào miệng, vội ngừng nhai hỏi ði ðâu. Tôi nói về quận làm việc. Mục ðích ðề Lâu khỏi ðòi theo. Thằng cha này có biết gì và có việc gì ðề làm ðâu. Cả ngày ngồi trong chiếc xe con cóc nhỏ, chạy vo ve mấy em bán hàng trên phố, hoặc tới ðài phát thanh ðón ðưa những em muốn làm ca sĩ, muốn ðược thiên hạ gọi là ca sĩ.

Xe tới ngã tư, Tân hỏi lại tôi :

— Về quận ngay hả ?

— Còn mục gì nữa không. ði ðâu cũng ðược. Coi như có công vụ, sợ gì xếp.

Tân cho xe chạy về hướng quốc lộ :

— Thế thì ra phi trường xem máy bay Air Việt-Nam tới. Có chuyến từ Sài gòn ra sáng nay.

Tôi vội hỏi lại :

— Chắc ðón ai phải không ?

Tân thản nhiên, vẫn nhìn về phía trước :

— Không. Mình có cái thú là được nhìn cái máy bay tới rồi ít phút sau lại cất cánh. Tưởng như mình ngồi trong đó sắp về tới Sài-gòn xả hơi vài ngày. Không nghĩ gì cả. Không có bồn phận gì cả.

Nghe Tân nói, giọng thủ thỉ với tấm kính, tôi nghĩ nhất định là anh chàng này đang đau vụ gì đây. Mọi ngày cu cậu đâu có cái điệu thắm mệt này. Xe chạy mỗi lúc một mau. Trong tôi một chút hối hận nhỏ đã nảy mầm. Chuyển đi thật không hứa hẹn sự gì mới lạ. Chờ đợi để nhìn chiếc máy bay hai máy lượn vài vòng tìm chiều gió rồi xà xuống phi đạo. Một lát lại lết ra đầu phi đạo, đứng thử máy rồi xẹt lên. Cá thể thôi, thú vị ở chỗ nào? Để mua cái cảm giác nhạt nhẽo, phải bỏ lại quận bao nhiêu công việc. Rồi quan lớn quan nhỏ hỏi đi đâu lại tha hồ giải thích bịp bợm. Tôi nhìn Tân ao ước một lý do vu vơ nào đó anh chợt đổi ý cho xe quay về thị xã. Nhưng Tân vẫn thản nhiên, đầu hơi nghiêng, nhìn vào ô kính. Một bàn tay nắm hờ hững trên vành bánh lái, một tay đặt trên đùi.

Nhìn cử chỉ điềm tĩnh của Tân, tôi nói trong im lặng, anh chàng chọn thật đúng nghề. Tư tưởng đó nổi dài thêm bằng một thắc mắc tại sao Tân lại rủ mình đi ăn và đi xem tàu bay? Tôi chơi với Tân không có gì thân thiết lắm. Trước kia mỗi khi gặp nhau thì bắt tay, cười cười trao đổi vài câu vu vơ về nắng mưa, giá cả đường ai nấy đi. Cho đến một buổi họp thường lệ hàng tuần, Trung tá Tỉnh trưởng mặc đồ vàng thay vì đồ trện, trang nghiêm đọc những lời tuyên dương và trao cho Tân tờ giấy khen thứ nhất của đời ông thì bao nhiêu vốn liếng của sự thân hữu giữa tôi và Tân tiêu tan hết. Tại sao Tân lại hãnh diện tới mức đó, trong khi chúng tôi còng lưng tới ngày mà vẫn chỉ được nghe những lời hăn học, đe dọa, chỉ được nhìn bộ mặt đỏ rần như chiếc bắp hoa chuối. Một người mĩa mai, tao có ngỡ nó đang thất tình hay bị dồn nén gì đấy chứ. Người khác tiếp tao gặp nó la cà cả ngày ngoài đường mà làm ăn gì để được khen là siêng năng cần mẫn? Cuối cùng dư luận cay độc hơn, cho rằng Tân đã báo cáo mật những hành động và những câu nói của anh em với Côn Cho. Riêng Tân, rõ ràng là anh không ưa nguồn phán xét ấy. Anh tìm gặp người này, người kia để jân la cải chính. Và câu chuyện anh tự thuật luôn luôn bắt đầu bằng câu thẳng cha Cho nhằm đấy. Hẳn thấy moa phóng xe trong giờ giới nghiêm hoài nên tưởng tờ chăm đi tuần, chớ đâu hiểu tờ muốn tập lái xe, và cũng vì không biết làm gì cho hết giờ. Tôi tin ngay, rất thông cảm với Tân. Nhưng lúc này một chút hoài nghi bỗng nhen nhúm trong lòng tôi. Tân có thật sự thành thật không. Hay Tân nhận được báo cáo mình có điều gì khả nghi. Và bày đặt cuộc đi chơi thân hữu để âm thầm điều tra. Bất giác tôi quay nhìn Tân. Tân chột như nghiêm trang hơn, lặng lẽ hơn.

Giữa lúc đó, một tiếng nổ chát chúa bỗng vang lên. Âm thanh ào ào như cát bay trong cơn lốc. Như từ dưới lòng đất hất dội ngược vào thình không. Tân thốt nhanh :

— Min.

Chúng tôi nhìn ngay thấy một cuộn khói trắng đang dùn lên và tỏa rộng. Từ chỗ ấy tới chúng tôi không xa hơn ba trăm thước, Tân cho xe đỗ lại. Tôi nói không suy nghĩ :

— Min thật sao ? Có thấy chiếc xe hơi nào lên mạn đó đâu ?

Tân vẫn ngồi yên, bàn chân gếch lên bờ thủng xe. Hai mắt anh hơi cau lại như theo dõi quả banh trên sân cỏ có nhiều chân linh động. Đám khói bốc lên thật cao. Trắng như mây. Phía dưới đất vẫn không có một biến động nào tiếp theo. Một lát, Tân đặt tay vào cần sang số, nói :

— Lại đây xem.

Chiếc xe bỏ quốc lộ rẽ sang con đường đất dẫn vào ấp Nguyên Lăng. Tim tôi đập hơi mạnh. Tôi muốn nói với Tân nên dè dặt sợ bất ngờ có gì không kịp chạy. Nhưng chợt nhớ khuôn mặt và câu nói trung úy Lạc khi đi ấp Lạc Quang, không có hộ tống à. Tôi lại thôi. Kệ, đời mình chã nhẽ lại phèo sớm thế này sao. Tôi lảo liên nhìn xung quanh. Cánh đồng rộng trống lãng dăng những màu xanh đậm nhạt. Không một dấu hiệu khả nghi.

Khi tới gần, tôi đã hiểu ngay nội vụ. Chiếc xe ngựa nằm nghiêng dưới mặt ruộng nước. Những đồ vật vung vãi với những tảng đất lớn cạnh chiếc hố khắc sâu giữa đường. Con ngựa đập đập hai chân sau như giật gân. Cái đầu nó ngóc lên lắc lắc. Nhưng chắc nó vẫn chưa nhìn thấy gì. Biển cỏ lớn thế mà vẫn không làm rớt mảnh da che đôi mắt nó. Tất cả năm người nằm la liệt. Đã có những vũng máu đỏ thẫm loang trên đất. Chỉ nghe thấy một giọng rên khóc xiên xiết.

Tôi kinh hoàng bước xuống xe. Hết nhìn con ngựa cổ gượng cái đầu khỏi sợi dây cương, lại nhìn những con người nằm bất động như ngủ ngon. Một chiếc bánh xe văng tới giữa ruộng. Một cái cẳng chân người không có vải che chìm một nửa dưới làn nước. Tại sao lại thế này ? Tại sao những người này và con ngựa lại chết ? Tôi không còn một chút tinh thần can đảm nào trong thân thể. Những đầu ngón tay tôi rung rung hết cả. Đôi mắt tôi dại ngây nhìn những hạt bắp vàng tươi vãi vung trên mặt đất từ chiếc thúng rách nát. Những bó rau cải tươi xanh bên những vết máu thâm tím. Màu máu người không ngờ lại xấu và bần đến thế. Mỗi lần rút tay, máu ứa ra đỏ tươi kia mà.

Trong khi đó, Tân vẫn loay hoay với đứa con gái còn rên la và còn biết kêu đau quá. Tóc anh xõa ngoèo một bên trán khum khum như chiếc lông gà sống thiếu. Chiếc áo trắng đã loang nhiều vết máu. Hai cánh tay đứa bé dơ lên chơi với muốn ôm bám lấy Tân. Không biết nó bị thương ở những chỗ nào. Hấp người nó bê bết máu và đất bột. Tôi vụt kêu lên :

— Cho nó lên xe về nhà thương đi, chờ gì nữa.

Tân đặt đứa bé xuống. Anh hấp tấp đi lom khom tới sờ lên ngực những người

nằm xung quanh. Không thấy đầu anh lắc hay gật và cử chỉ mau hay chậm hơn. Đứa bé vẫn rên đau quá, đau quá, trời ơi. Chân tay nó co rúm và giật giật. Như con vịt vút vào rồ sau khi cắt tiết xong. Tôi nhìn hai cánh tay của nó run run chập choạng. Như đang cố với trái đồi trên cành cao quá tầm tay. Nó cũng đã kiễng hết chân lên rồi. Ô kìa, nó la lên. Chắc nó vui vì sắp hái được trái cây rồi đấy.

Chợt tôi nghe tiếng Tân hét chói tai :

— Lại đỡ nó mau. Mơ mộng cái gì kỳ vậy.

Khi máu dây vào người tôi, sự sợ hãi của tôi bỗng như tan biến, sau một cái rùng mình lợm giọng. Chúng tôi đặt đứa bé lên băng ghế phía sau. Nó vẫn rên trời ơi, đau quá, chết mất, Nhưng riêng con ngựa thì bây giờ không cựa quậy cái đầu nữa. Mảnh da vẫn đeo chặt trên mắt nó nên không biết khi chết đôi mắt nó nhắm hay mở. Bốn người còn lại nằm dang chân dang tay, dáng điệu thật thảnh thơi. Mình vẫn thích có căn phòng riêng để khi ngủ được nằm thảnh thơi như thế này. Lăn lộn thả cửa. Không giật mình vì sợ ai nhìn thấy cái mồm há hốc, nước miếng nước rãi chạy rớt trên gối. Màu lúa non dưới ruộng, trên cánh đồng bao la gió xanh thơm như mẹt cốm dưới trăng rằm trung thu.

Tân vừa quay đầu xe lại thì phía trước một chiếc xe Jeep không mui chập chờn trước tới. Tôi nhận ra không lâu, một chấm màu hoa gạo ở đằng sau lần kính.

— Trung tá.

Tân cho xe chạy ép sát vào bên đường và chậm chậm tìm chỗ hơi rộng để đậu. Chiếc xe kia một thoáng đã tới trước chúng tôi. Chiếc mũ biệt động quân trên đầu trung tá tình trường càng đỏ rực vì mảnh da đầu cạo trắng hếu. Ông bước xuống xe rất nhanh rồi xoay đi thật mau tới chỗ chúng tôi. Ông hỏi ngay các anh đi đâu. Tân trả lời chúng tôi ra phi trường, chợt nghe tiếng nổ nên chạy tới. Ông hỏi tiếp tại nó đề mìn tự động phải không. Chúng tôi gật đầu dạ. Sau đó, Tân vuốt vuốt những vết máu trên kẽ tay, vừa kể lại sự vụ vừa xảy ra. Trung tá Cho chỉ đứng cúi đầu im lặng. Cho đến khi Tân nói xong, ông mới ngừng lên buột miệng một tiếng bỗng rồi nói với giọng ra lệnh :

— Bây giờ anh chở con nhỏ về bệnh viện. Riêng anh Đạm nói ông đại úy tới đây ngay, tôi chờ. Nhớ kéo ông trưởng ty tâm lý chiến và anh chàng chụp ảnh đi cùng. Mình sẽ triển lãm tội ác của tụi côn đồ đề đồng bào thấy tận mắt.

Từ đấy cho tới lúc ăn cơm về, tôi không sống được phút giây nào xa cách hình ảnh buổi sáng. Chiếc xe ngựa gãy vụn. Bốn cái xác nằm phơi bên chiếc hố phá toang mặt đường. Những hạt bắp vàng tươi. Những bó rau cải xanh non. Thế là có nhiều người mất bữa ăn trưa nay. Thế là có bốn người đã không kịp về tới nhà. Đề bế đứa con, cho nó miếng bánh mới mua trên chợ. Đề chiên những con cá, làm chén nước mắm chanh ớt thật ngon cho người chồng vừa ốm khỏi ăn lại bữa. Đề . . .

Không biết trước lúc mình nỡ, những người ấy đang nói chuyện gì với nhau? Tôi bàng hoàng không thể tin nổi giữa sự sống và sự chết lại chỉ có một biên giới mỏng manh đến thế. Nhất là con người. Con người lớn lên với bao nhiêu nuôi nấng và nước mắt. Con người thấy chiếc móng tay hơi dài đã cắt, thấy tóc hơi dơ đã gội, thấy có nốt mụn đã vội tìm thuốc. Vậy mà chỉ trong khoảnh khắc mọi sự chăm sóc: ấy vụt tan rã. Cái hơi thở thơm tho vì xúc miệng hàng ngày đã mất, đã hết, làm sao tôi tin con người lại chết dễ như thế được? Bốn người nông dân. Một con ngựa. Bốn cái xác nát bầy. Một con ngựa gục đầu dưới nước, và mảnh da vẫn bít kín đôi mắt.

Lúc Huyền mang nước sang, hỏi tôi sao chú không ngủ trưa. Tôi mỉm cười muốn kể câu chuyện buổi sáng. Nhưng thêm một người nữa biết thì có ích lợi gì. Nhất là Huyền. Đừng làm Huyền buồn thêm nữa. Huyền ngập ngừng hỏi tiếp:

— Chú uống nước nhé. Nước còn nóng.

Tôi thấy trong người khô ran:

— Chú sợ nước nóng lắm. Huyền cho chú ly nước mưa hạ thổ.

Huyền há mồm cười rồi nói chịu chơi. Phút chốc bước chân đã thoát ra ngoài cửa hậu. Phút chốc, hình ảnh bốn cái xác, một thân ngựa cạnh chiếc xe nát vụn lại in lên trong óc. Tôi cau mặt lắm lắm thật bản thủ, thật đốn mạt. Thế mà cũng đòi nhân danh một quyền lợi, một lý tưởng để tranh đấu. Tôi đón ly nước giếng từ tay Huyền, uống ừng ực. Chết lạnh thấm vào cơ thể, lan ra máu, tới tay chân. Tôi nhìn Huyền, chợt thấy màu má trắng như miếng cùi dứa xiêm và đôi môi mọng đỏ. Nếu mình được hôn lên đôi má ấy, đôi môi ấy không biết sẽ sướng đến độ nào. Nhưng lại vụt nhớ ngay đại úy Trọng, Lâu, Đạt, với những cái mồm cười thoải mái, con ấy tốt lắm, nó ở với tao suốt tối qua, đụng nhau đến năm trận, mệt lử. Tôi ngược nhìn Huyền, thiết tha se sắt, có thật thế không em. Có thật thế không em, Huyền. Bỗng nhiên nước mắt tôi muốn trào ra. Huyền ơi, anh vẫn chỉ dám mong được hôn em một lần, thật nhẹ, thật nhẹ lên má em, rồi thôi. Anh ao ước thật tầm thường không em. Có thể em sẽ cười, sao anh không nói với em. Và người khác đã ôm em chắc không bao giờ nghi tới.

Huyền đặt bông hoa xuống bàn, nhìn tôi. Vẫn cái nhìn lặng lẽ thật dài:

— Chú có gì buồn trong buổi sáng nay?

Tôi trả lời:

— Bây giờ chú mới chợt buồn đấy chứ.

Huyền nghiêng đầu, nhướng đôi mắt:

— Thế ra cháu làm chú buồn? Chú cho cháu biết để cháu xin lỗi.

Tôi cố bình tĩnh để nói một câu mà chính tôi chưa muốn nói nhưng đã định nói từ lâu:

— Tại sao Huyền không gọi chú là anh cho thân ?

Huyền lặng im, hai chiếc răng cắn mơn trớn vào làn môi. Rồi đầu Huyền gật gật :

— Một vấn đề đấy nhé. Chắc chú không còn thích có một đứa cháu bé bỏng như cháu Huyền của chú nữa ? Thật đáng thương cho cháu lắm.

Câu chuyện không ngờ chấm dứt thật đột ngột sau câu nói ấy. Tôi cố nói những câu bào chữa thật vụng về. Có thể Huyền đã biết ý định của mình. Tự nhiên tôi thấy tiếc, mình xố sàng quá, trăm phần trăm là bị Huyền khinh tãi đi rồi. Tôi trốn tránh mặc cảm bằng cách bỏ đi làm sớm. Mọi công văn giải quyết quả nhiên đã làm tôi vui và quên hết. Những nét chữ ký đậm mực hơn và cứng hơn mọi khi. Đến bốn giờ thì đã không còn gì để làm. Ở phòng ngoài, chuyện ồn ào. Tuy thế chưa thấy lời nào về chiếc xe ngựa bị mìn, bốn người và một con ngựa chết tại chỗ, một đứa bé bị thương nặng. Tại họ chưa biết hay biết mà không nói vì đã quá quen ? Mình hãy cố được như họ. Không nghĩ gì hết. Không nhớ gì hết.

Tôi ra sân định gọi anh Hải lái xe ra trại tạm trú thì gặp Dũng đang hăm hở đi vào. Bữa nay Dũng mặc đồ trập rần rần, cũng có một cây súng Colt lủng lẳng bên sườn với viên đạn vàng tươi như hạt bắp. Tôi reo lên mừng rỡ :

— Về bao giờ thế ?

Dũng nhe răng cười, làn da ở hai má anh nhăn lại thành nhiều đường vòng như phát họa một mặt nước gợn sóng. Tôi chột se sắt và một hơi thở vuột ra dài thê lương, không ngờ Dũng gầy đến thế như vậy.

— Vừa tám trực thẳng tới đây này. Buồn quá ông ơi, mẹ, cứ cảnh khổ sai ở miền núi mãi thì sống sao nổi. Cậu sướng quá.

Tôi cười mím :

— Chắc không ?

— Ít nhất tớ thấy cậu còn mặc đồ trắng.

— À, hình thức.

— Còn tinh thần thì cũng vậy. Thằng cha quận của tớ quá trời, cậu ơi. Khủng khiếp lắm.

Hai đứa chúng tôi dắt nhau vào phòng. Tôi nhìn Dũng, chạnh lòng hồi tưởng những ngày cùng nhau ngồi trong mái trường học tập, với những lý thuyết cao xa, những hoài bão to lớn vượt trời cho dân cho nước. Chột Dũng lại nhe răng cười :

— Ở ngoài đó, tớ chưa chết mà sáng nào cũng chỉ được hưởng một xôi nếp với một trái chuối. Không tu hành mà cả tháng cũng chẳng có sợi thịt kẹt trong khe răng để được hưởng thú cơm nước xong ngồi cầm cây tằm quẹt quẹt. Đã thế súng

nó đặt ngay ở đầu giường bắn cả đêm. Ngủ không nổi. Mà thức thì không có việc gì làm.

Tôi nói :

— Bù lại thì phó quận châu thành này được đời chiếu cố luôn luôn. Hốt rác cũng tới mình. Bắt đi cũng mình luôn,

Dũng đập đánh đét vào đùi tôi :

— Còn ao ước gì nữa cha. Mấy tháng nay tớ có biết đàn bà là cái gì đâu. Quên hết rồi, Trời sinh ra của quý mà quanh quần chỉ dùng để đi đái.

Rồi anh xuống giọng :

— Tối nay có chỗ nào kéo tớ đi với. Cậu chắc nhiều hả ?

— Tớ bỏ hết rồi. Bây giờ thuê một căn nhà, học hành đêm để hy vọng chuyển nghề... Nhưng tớ nghe thiên hạ đồn tên quận của cậu đào hoa lắm cơ mà.

Dũng gật đầu :

— Chứ sao. Cậu nhớ là mỗi ấp nó đều có một em nằm vùng chờ đó. Nhưng mình thì sợ mủi gì nếu không nói là thêm việc làm để nó long nhong du hí. Thôi, tớ nói thật, tối nay đưa tớ đi một chút nhé.

Không biết sao, tôi bỗng buột miệng nói :

— Tối tớ bận tổ chức học tập ở ngoại trại tạm trú rồi. Cậu tới mấy thằng trưởng ty kia coi xem.

Dũng cúi mặt như nhìn theo một niềm vui vừa từ đôi môi anh rớt xuống :

— Bết quá nhỉ. Mai tớ phải về rồi. Cha quận giao hẹn chỉ cho đi mỗi một hôm với nhiệm vụ lãnh văn phòng phẩm. Thôi, để tớ tới thằng Lâu, thằng Trai vậy.

Ngồi tâm sự với nhau chừng hơn một giờ, Dũng mới đứng lên. Tớ ngủ ở công quán, nếu cậu về sớm thì tới chơi. Anh em mình mỗi đứa một nơi, nhiều khi nghĩ lại cái ngày còn học mà nước mắt cứ ứa ra như được tin bố chết. Buồn quá, phải không cậu. Đời chúng mình bơ vơ như con chim trên trời. Tôi nhìn Dũng nhưng vội quay đi. Một cảm giác tủi hổ cũng vừa dâng lên bùng bùng trong tim tôi đến ngọt ngọt. Tôi vội bắt tay Dũng và nắm bàn tay lạnh giá ấy thật lâu. Rồi bước ra sân, gọi xe đi trại tạm trú.

Buổi tối, tôi ở trại, ngủ với ban quản trị. Chi gặp tôi đứng nhìn trời âm u hỏi ông phó không sợ cô cháu giận ư, mà dám không về nhà. Về nhà. Mình có nhà đâu mà về nhỉ ? Chỉ có một gian nhà thuê giá sáu trăm đồng một tháng. Chỉ có một chiếc giường gỗ của chủ nhà cho mượn. Một chiếc bàn nhỏ. Một chai nước. Một chiếc ly. Thế là nhà đấy. Thế là nơi an nghỉ sau những giờ phút làm việc mỗi mệp đấy. Cũng đã nhiều lần Huyền hỏi sao chú không mua đồ

đặc thêm để tiếp các cô tới thăm. Tôi cười buồn nhưng liệu ngày mai chú có còn ở đây không mà mua cho nhiều.

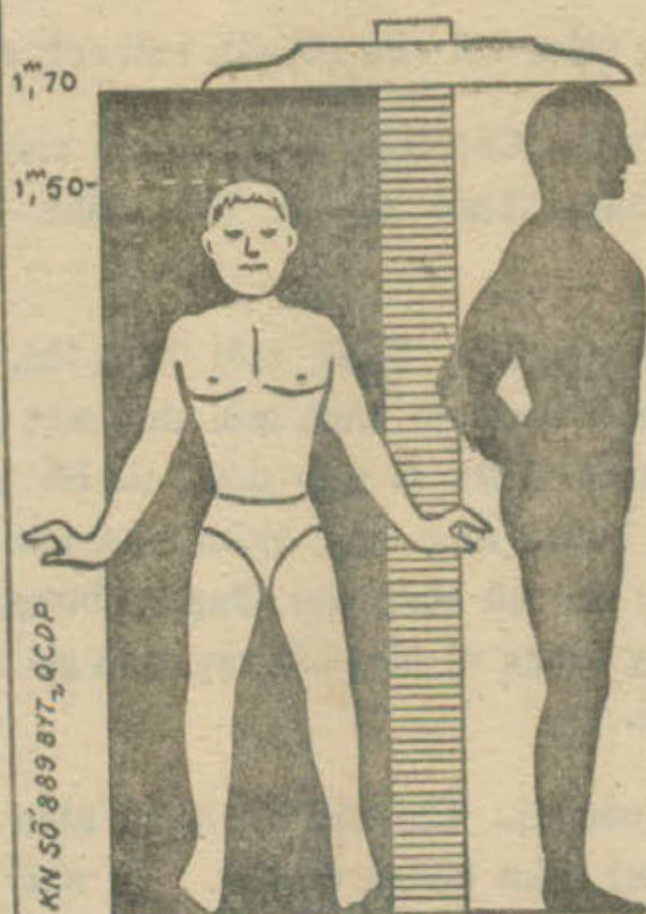
Trời về khuya, đạn đại bác từ thị xã bắn đi yểm trợ ì ầm xao xuyên bóng tối và rung rinh ánh sao. Lác đác những trái hỏa châu bùng nổ trong màu đen như chớp, chao chao rơi như những ngọn đèn bão lớn. Tôi liên tưởng tới những vì sao đổi ngôi. Những vì sao rớt rụng thật chậm để đủ thời gian cho một lời nguyện cầu. Nhưng biết nguyện cầu điều gì trong muôn vàn mơ ước chẳng chặt cho cuộc đời người dân công lưng tối mắt vì thảm họa ?

(còn tiếp)

ĐỖ-TIẾN-ĐỨC

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO - MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ỒNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THẾ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

TIẾNG HÁT

Tôi nằm đã dụi trên căn gác trọ chịu nóng suốt buổi chiều. Sức nóng từ mái tôn dồn xuống mà chiếc quạt điện nhỏ để trên đầu giường không đủ sức chống lại. Tấm nệm nhồi bông gòn dày cộm tiết ra một sức nóng nhẹ nhẹ như căn rút dưới làn da lưng tôi. Tôi lăn trở liên miên, không thiết đi phổ vào chiều hôm nay. Tôi muốn nằm yên ở nhà sống lơ mờ về kỷ niệm. Mấy bức màn xanh nhạt đứng yên trên khung cửa. Tôi kéo tấm màn bằng satin màu da trời qua một bên để đón gió. Lâu quá rồi tôi quên ngắm mấy bức tranh của các nhà lỵ sĩ đẹp biểu dương bắp thịt. Tôi mê loại đàn ông vai u thịt bắp. Chỉ nghĩ đến nếu người tình của mình có cái thân mỏng như bộ ngực đa số các nhà văn ở nước ta và bộ đùi lạnh lẽo, màu da xanh mét là tôi cảm thấy buồn nôn.

Nắng hè còn cào tâm hồn tôi. Tôi khao khát điều gì lơ mờ lắm. Một người tình trên bãi biển? Một chiếc áo mới? Một dạ-hội khiêu vũ? Không, tôi thêm một kỷ niệm nào đó mà tôi sống hồn nhiên bình lặng suốt thời thơ ấu. Tôi ngồi dậy, nằm mãi trên giường hình như máu trong người sắp đông đặc lại. Tôi tìm chiếc nui giẻ lồi mấy bức tranh xuống lau bụi. Cảnh hoa hồng nhưng đỏ thắm vươn lên giữa đám lá xanh, cắm vào chiếc giỏ lam bằng mây đan nằm trên chiếc bàn con giữa mấy cái ghế mây màu nước biển. Tôi yêu màu xanh nhất. Trong phòng tôi, màu xanh chiếm gần trọn hết từ rèm màn, đến drap, gối, mền mùng. Ngoài giờ làm việc ở sở, tôi đắm mình giữa màu xanh, màu trời, biển màu của tự do vẫy vùng như cuộc sống của tôi hiện tại.

Tôi xếp tập ảnh và cất lại một kỷ niệm. Tiếng giầy gõ đều trên bộ cầu thang, căn gác hơi lắc lư mỗi khi có người leo lên. Tôi đứng dậy thò đầu ra cửa nhìn xuống. Linh reo lên mừng. Tôi bước đến tặng vào vai nó một cái đấm nhẹ. Linh rối rít như chim non giục tôi sửa soạn đi chơi rong. Tôi đưa Linh vào nhà, nó ngả người trên ghế mây kêu nóng. Tôi vội rinh cái quạt điện đặt trên bàn đối diện nó. Những mẩu chuyện vặt từ một tháng nay được dịp tuôn ra ò ạt. Tiếng cười nói xôn xao của Linh làm tôi tạm quên những ám ảnh đang lảng vảng trong tâm trí tôi suốt buổi xế chiều. Linh là con ông anh chú bác tôi, ngoài cái tình gia-tộc nó cho tôi cái tình bạn bè. Cả giòng họ bên nội của tôi, tôi chỉ còn bầu vùi vào nó. Linh cũng bỏ nhà lên đây đi làm cho một trường tư thực.

Tôi đã thay áo xong. Chiếc áo dài màu rượu chát hồ bờ vai ôm lên cái thân hình có nhiều đường nét gợi cảm của tôi. Với cái lưng thon, ngực cao, mông đầy, đùi dài và

kèm theo tướng đi có vẻ ung dung nhàn hạ. Tôi mỉm cười trước gương mãn nguyện...

oOo

...Buổi chiều vẫn còn ứ tràn sức nóng. Trời cao thăm. Mãi đến tháng tư rồi vẫn chưa có cơn mưa nào. Hai bên hè phố những cô nữ sinh áo trắng vừa trong một giáng đường bước ra, tay cầm quyền thánh kinh, đôi guốc Đakao gõ dòn dã trên đường. Tôi sức nhớ là từ lâu, tôi không hề xưng tội hoặc lai vãng tới nhà thờ. Tôi đã lao vào cuộc sống truy hoan mê mết nên xem chuyện cứu rỗi linh hồn mơ hồ lắm. Ra đời với một mặc cảm bị người tình ruồng rẫy thuở đầu, với sự thiếu thốn tình yêu cha mẹ, với ám ảnh dục tình nóng bỏng, tâm hồn tôi sao mang nhiều hành lý kèn càng như vậy ?

Chúng tôi ngồi trên taxi hướng về phía cư xá Lữ-Gia. Tôi nhìn Linh, hôm nay nó mặc chiếc áo màu lá cầm, chiếc ví đen nằm trong bàn tay dài trắng lạnh. Linh là một họa sĩ trẻ, hình như nó lãnh huy chương bạc trong mùa triển lãm năm nào. Tôi không biết chi về nghệ thuật chỉ nhìn những bức họa của Linh qua óc tưởng tượng. Khi đứng trước mấy bức họa của Linh tôi vụt kêu lên :

— Mày vẽ cái gì giống như con đũa ở củ hủ dừa vậy ?

Nó cười rử rồi giải thích đó là những nét vẽ đông phương. Tôi nhìn kỹ lại, chẳng thấy gì gọi là đông phương, tây phương cả. Chỉ hình dung đó là một con cuốn chiếu, con trùn đất đang thu hình trên khung vải màu vàng nhạt. Tôi nghĩ thầm : Có lẽ chỉ có người đông phương ăn con đũa củ hủ cho nên Linh kêu nó là bức họa đông phương chẳng ?

Bọn họa sĩ bây giờ vẽ thứ chi quái gỡ mà đặt tên cho bức họa thì kêu lắm chẳng hạn như : hạ trắng, mẹ xanh, lời than của đá...Chưa bao giờ tôi xem lấy một quyển sách hay đọc một tờ báo nào, trừ khi bắt buộc phải nhai các loại sách giáo khoa ở bậc trung học. Văn chương nghệ thuật đối với tôi như một thế giới nào xa lạ không thú vị. Những thứ nhảm nhí đó chẳng mang đến cho tôi sự tươi mát của đời sống, một lối ve vuốt ở tâm hồn. Đôi khi tôi nghĩ rằng nếu không có nghệ thuật thì cuộc sống của mình cũng chẳng hề hấn chi. Tôi thích Linh ở những lúc tán gẫu về chuyện thời trang. Phải mặc màu áo gì cho thích hợp với làn da nâu hồng, cho ăn khớp với thời tiết, phải đeo những món nữ trang nào có giá trị và tân thời nhất trong đám con gái làm chung sở, phải làm cho chúng bạn ghen hờn nhan sắc và cuộc sống xa hoa của mình. Thỉnh thoảng trong khi nói chuyện phiếm Linh đem tôi ra nhiecc :

— Tư tưởng mày luôn đóng khung trong những ô vuông trên thân áo, trong những cành hoa rải rác trên xấp lụa.

Tôi đâu chịu thua nó, tấn công lập tức :

— Còn mày, lúc nào cũng cọ màu, khung vải chưa hết còn leo qua mê vẩn

thằng này hay, khoái thơ con nọ có hình ảnh, tối ngày như con ốc mượn hồn.

Linh nhụt cả hào khí không cãi nữa. Nhưng lúc sắp sửa tranh luận những chuyện tào lao đó, nó nhìn tôi vì nó thừa biết rằng có tay hùng-biện cừ khôi nào mà thắng được cái thuyết nói ngang ba làng cãi không lại của tôi.

Chiếc xe sắp lướt ngang chợ Trần Quốc Toản, mùi tanh tươi, buồn nôn len vào mũi chúng tôi. Tôi rút nhanh chiếc khăn tay lụa mỏng trong ví chụp vào mũi sợ mình sẽ nôn mửa. Cuộc sinh hoạt ở đây vào buổi chiều vắng vẻ hơn. Tôi hỏi Linh đưa tôi đi đâu? Nó nói là đến nhà của nữ văn sĩ ở cư xá Lữ-Gia vì hôm nay bà ấy có tổ chức một buổi tiệc mời anh em văn nghệ sĩ tới đó dự. Nó còn thêm là có mục hòa nhạc và ngâm thơ. Thoạt nghe tôi phản đối ngay vì nơi đó không phải là môi trường của tôi. Tôi sẽ bị chìm lỉm, bỏ quên. Linh trả lời không phải toàn là nghệ sĩ mà còn có một số bạn bè giới trẻ trung nữa. Nó còn thêm :

— Mấy nhất định sẽ chọi chan.

Ừ, thử bi đến đó xem bọn nghệ sĩ làm gì. Hãy tìm màu sắc lạ cho cuộc sống, thử đổi cái bối cảnh từ sở về căn gác hẹp xem sao. Lại nữa, tôi mơ màng hi vọng nhan sắc mình nhất định sẽ là đề-tài cho đám nhà văn, sẽ là nàng thơ của lũ thi sĩ, sẽ là người mẫu lý tưởng của bọn họa sĩ. Nghĩ đến đó tôi mơ ước muốn cho chóng mau đến nơi.

Chiếc xe đỗ lại một khu phố gạch hai tầng. Chúng tôi chui ra. Linh nắm tay tôi đi vào cổng. Cái cổng bằng bê tông xây dưới dàn bông giấy đỏ chiếm từ cổng đến mái nhà tạo thành một cái mái đan bằng hoa đầy đặc che rợp cả khoảng sân vuông nhỏ. Quan khách đã có mặt đầy đủ. Tiếng cười nói xôn xao lẫn trong tiếng nhạc êm đềm. Mọi người quây quần ở phòng khách rộng dưới hai cái quạt trần. Vài bức tranh lập thể gán rải rác trên tường. Chiếc bình bằng thủy tinh cắm hoa lan trắng đặt giữa bàn. Mấy đĩa bánh ngọt bằng sứ tàu màu ngọc thạch xếp thành hàng dài.

Chúng tôi bước vào giữa tiếng chào mừng. Hình như Linh nó quen biết gần hết những người có mặt nơi đây.

Nó gi vi thiệu tôi với một loạt người quen biết. Nữ văn sĩ chủ nhà đơn đã mời tôi ngồi gần một nhạc sĩ. Bà đã lớn tuổi, quí phái ở nước da và da cảm ở gương mặt bầu bĩnh. Có một thời nào đó, lối văn mềm mại, ấm áp của bà đã thu hút khá nhiều độc-giả. Nếu không viết văn, nhan sắc của bà cũng đủ chiêu mộ bọn anh hùng ma giáo quí dưới chân, cần gì tới nghệ thuật.

Khi ngồi yên nơi, Linh đi một vòng nói chuyện với bọn họ. Họ bu quanh nó hỏi thăm và bàn bạc tin nghệ-thuật trong tuần. Tôi ngồi yên, quan sát từng nhân vật một. Thỉnh thoảng họ liếc về phía tôi. Tôi đâm ra ganh ghét sự săn đón của bọn đàn ông vây quanh Linh. Lâu quá rồi, mãi lo ngắm dung nhan mình, mà tôi quên đề ý đến nó. Nó không hẳn đẹp nhưng trời dền cho nó cái duyên dáng vừa vặn. Linh ăn mặc giản dị, kín đáo. Tôi có thể ganh tị với các con bạn trong sở của tôi từng tiếng họ, nhưng với Linh tôi có mặc cảm tự tôn.

Bao giờ nó cũng là một bóng mờ đứng bên tôi để hào quang của tôi nổi bật. Tôi tự trách mình không trang điểm kỹ hơn lúc đi phố. Soi vào chiếc gương nhỏ trong ví, mặt mũi tôi nhợt nhạt dưới ánh đèn. Tôi liếc nhìn những người con gái có mặt nơi này, họ đều trang điểm ăn mặc tỉ mỉ hơn. Tôi có cảm tưởng mình đang bị nhận chìm. Phải dè tôi được Linh báo trước là hôm nay đi dự dạ hội. Tôi sẽ mặc chiếc áo đỏ rập rờn ánh sáng. Chắc chắn tôi sẽ làm bà hoàng trong buổi tiệc này. Trong đám họa sĩ trẻ, nổi lên những tiếng thì thầm nào là... ấn tượng, màu nóng, màu nguội, thời kỳ lam, thời kỳ hồng v. v. . . và bọn nhà văn dùng những chữ... thân phận, bài ngã, bài thể hiệu siêng v. v. . . Tôi cảm thấy mình lạc loài trong đám danh từ lạ mà hằng lâu tôi chưa có dịp nghe đến. Không khí này không lôi cuốn tôi chút nào. Tôi nhìn bọn nghệ sĩ, đa số gầy gò, khô khan, một loại người khó làm cho da thịt tôi nổi sóng. Phải làm cho họ điêu đứng vì nhan sắc mình. Ý định vào đây đại náo tâm hồn bọn nghệ sĩ theo kế hoạch vạch sẵn của mình làm tôi lảo đảo. Tôi khai thác đôi mắt trữ tình, mời mọc của mình triệt để.

Linh trở lại rủ vào tai tôi :

— Mày ưng người nào trong đám này tao mang lại tặng.

Tôi nhìn qua một lượt rồi lắc đầu.

— Ồm đời cả, không có anh chàng nào hợp goût với tao. Tại cán của họ ăn không được phải không Linh ?

Linh mỉm cười, vỗ nhẹ lên vai tôi rồi kéo ghế ngồi cạnh chàng nhạc sĩ trẻ với đôi kiếng cận thị, với nét mặt buồn rầu một cách bệnh hoạn. Linh nhắc lại tên chàng một lần nữa và quảng cáo kịch liệt những bản nhạc của chàng. Nụ cười chàng man mác buồn nhưng chiếc răng khềnh của chàng có vẻ tinh nghịch.

Đây là chàng du-ca, thi sĩ chiếm hết ba phần tư trong tâm hồn chàng ; phần còn lại để dành cho âm nhạc. Chàng đã từng vác cây đàn Tây-Ban-cầm len lỏi vào dân gian, hát lên nổi nhạc nhấn đất nước. Dân chúng ái mộ chàng, đàn bà đắm say chàng. Tôi nhìn chàng, cảm thấy mình chờn vờn muốn ngã vào sóng mắt mơ màng của chàng. Thật ra, tôi đã gặp chàng ở nhà Linh vài lần. Chàng đã hát «mặt trời đã chết» giọng áo não như lời van vỉ của loài người lúc tận thế. Tôi đã cùng chàng tán gẫu về một tin vật vừa nghe lũ bạn đồng sở kể ở trên báo rất tương đắc và được chàng mời đi ăn kem vài lần.

Lấy hết tất cả sự dục dằng, tôi nói :

— Anh Hà không được khỏe lắm đó. Hãy tĩnh dưỡng

Nhạc sĩ Hà nói :

— Nguyệt đạo này chín mộng như trái nho.

Tôi bắt đầu thăm hỏi công việc trình diễn của chàng. Hà bảo tuần sau chàng sẽ đáp phi cơ ra Huế để hát tại trường Đại-Học Văn Khoa

Chiếc bàn được mang đầy các thức ăn. Thực đơn gồm có: chả, cơm nắm, bánh tôm chiên, cháo lòng và trái cây tráng miệng. Nhà văn nữ làm khỏ-chủ truyền lệnh cho anh em văn nghệ sĩ và các bạn trẻ hãy bắt tay vào bữa tiệc « self service » theo lối Mỹ. Những chiếc ghế được cho lui chỗ khác vì số người bằng hai số ghế đã định. Người được chính thức mời còn kéo theo một vài người hộ tống nên nữ sĩ chủ nhà có ý kiến mới, rất công bình, là mạnh ai nấy tự lấy thức ăn. Dĩa nhạc êm dịu được thay bằng một bản nhạc vui tươi hơn. Tất cả đều đứng khít nhau, quây quần bên hai cái bàn giao đầu. Mỗi người tay cầm dĩa, chén, thủ thế. Họ chỉ chờ lệnh khai mạc của chủ nhân thì bắt đầu mở cuộc thanh toán các món ăn hâm hấp nóng đang bày trước mặt. Nữ sĩ chủ nhà đứng ở đầu bàn. Bà gọi cho tất cả chúng tôi một nụ cười thân mật và vồn vã mời nhập tiệc. Bà pha trò :
— Các bạn nhớ ăn nhanh, ăn cho thật nhiều, kéo về nhà sẽ hối hận.

Tiếng cười dòn dã nổi lên. Tôi xông vào gấp vài thức ưng ý bỏ vào chén. Các ông lặng lẽ tấn công ồ ạt hơn các bà. Tuy nhiên các ông thua các bà ở chiến thuật trường kỳ. Tôi nhấm nháp vài ba miếng chả và một ít cháo rồi rút lui vào phòng rửa mặt. Linh kề tai tôi.

— Mày muốn giữ eo hả ? Ăn ít, ăn nhiều gì cũng mang tiếng ăn.

Tôi nguyệt Linh và đi thẳng. Tô xong đôi môi loang lổ vết son, tôi trở ra chỗ uống nước. Vài người đã ăn xong ngồi nhâm nhi bên tách trà ướp hoa sói. Tôi chọn một chỗ ngồi đối diện với chàng nhạc sĩ. Linh còn mãi ăn. Tôi hơi sốt ruột vì cái tật ăn lâu và ăn khoẻ của nó. Ngồi một mình với những người xa lạ, tôi có cảm tưởng mình bị lạc lõng, bỏ rơi. Tôi bung tách trà kê lên môi hớp từng ngụm nhỏ. Mùi thơm dịu xông vào mũi tôi. Chàng nhạc sĩ ung dung rút chiếc pipe đen trong bao da ra nhồi thuốc vào rồi đánh diêm. Khói thuốc tuôn ra từ đôi môi buồn, quyến là là qua nét mặt mệt mỏi của chàng. Linh đã tiến về phía bàn đi bên cạnh một người đàn ông có chiếc áo sơ mi trắng và chiếc quần màu xanh đen. Chiếc áo hơi rộng khoác lên cái thân ít thịt nhiều xương của chàng. Miệng chàng lúc nào cũng toe toét cười mở. Linh ném người bên cạnh tôi, trên môi nó còn vắt chiếc tăm xia răng. Nó chỉ sang người đàn ông:

— Đây là họa sĩ Tiếp thuộc về trường phái siêu thực.

Chàng khom người một cách trịnh trọng chào tôi, điệu bộ có vẻ hài hước. Cách chào của chàng thuộc vào thể kỷ mười bảy. Tôi cố nhin cười. Chàng kéo ghế ngồi cạnh tôi, rót trà thêm vào tách tôi. Hình như mọi người đang hướng về tôi và mỉm cười trước sự bỡn cợt của Tiếp. Thoạt đầu tôi cảm thấy hài lòng về lời khen của chàng nhưng một lúc sau Tiếp tôn vương nhan sắc tôi bừa bãi quá khiến tôi làm đề tài giải trí cho những người chung quanh.

Nhưng không sao, tôi phải làm cho họ chú ý đến tôi bằng mọi cách để trả thù cái hờ hững, bỏ quên của họ từ lúc tôi vào. Kia, sao các bà chụm đầu vào nhau thì thăm và len lén nhìn tôi. Hình như họ không mấy thích nét mặt kiêu hãnh và cái điệu bộ lạnh lùng lập dị của tôi. Nhà viết, kịch họ Trần đôi mắt đỏ ngầu vì đã uống quá nhiều whisky. Hắn tiến về tôi

hai tay xoa vào nhau như có vật gì nóng đang nằm giữa lòng bàn tay. Hấn tì tay lên thành ghế tôi, đòi xin chữ ký. Tôi hất mặt lên kiêu hãnh nhìn lâu vào mắt hấn rồi lặng thinh. Được dịp Trần vỗ vai Tiếp trách :

— Này Tiếp ! Ta với mi vốn không thù không oán... Có sao mi rở...

Trần định ca vọng cổ. Mùi rượu nặc nồng. Tôi cau mặt và quay sang Linh căn nhắc về thái độ hỗn láo của họ Trần. Linh hạ thấp giọng đủ cho riêng tôi nghe :

— Tính anh ta vậy đó. Vả lại này giờ hấn đâu có nói gì. Chính whisky nói đó thôi. Thôi bỏ qua đi !

Tôi nhìn Hà, chàng hình như không buồn để ý đến cách tán gái nham nhở của họ Trần, thì thầm với một thi sĩ ngồi cạnh.

Tiếp vỗ vai Trần :

— Đáng lý mày phải thêm một nghề khác ngoài cái nghề soạn kịch nữa.

Người đàn ông ngồi bên Hà chen vào :

— Thăng Trần đáng lẽ còn là một diễn viên hài kịch trên sân-khấu cải-lương nữa mới phải.

Họ Trần chẳng kém :

— Đó là cái chắc, tao sẽ lãnh giải Thanh-Tâm năm nay.

Đoạn hấn quay qua tôi đùa :

— Bao giờ lãnh thưởng, tôi trân trọng mời người đẹp đi dự.

Tôi cười xòa, sửa lại nhánh tóc vừa rớt trước ngực. Những người ăn chậm nhất cũng đã rời bàn ăn, quây quần uống trà nghe nhạc. Cái đèn neon sáng quắc giữa phòng được thay bằng mấy ngọn đèn mờ dính trên tường lồng trong cái chụp màu đỏ thẫm. Ánh sáng mờ ảo nhuộm lên người chúng tôi. Hà được mọi người yêu cầu hát một bản nhạc do chàng sáng tác. Cả phòng yên lặng. Cây đàn Tây Ban cầm tiết như bị cuốn hút. Tôi liếc ra một nhạc điệu trầm buồn và tiếng hát mỏng mịn của Hà diu dặt. Tâm hồn tôi sang Hà, hình như chàng quên rằng chàng có mặt nơi đây. Hà dồn tất cả sự rung cảm vào bài hát. Thực ra, tôi chưa bao giờ vẽ trong đầu mình một thần tượng, mỏng manh về thân xác phủ ngoài bằng tài hoa. Mẫu người lý tưởng của tôi không đòi hỏi ở cái tài mà phải là một anh chàng có cái thân cuộn cuộn bấp thịch ẩn dưới làn áo thun. Tôi là loại người không sống bằng tinh thần. Tâm hồn, tài hoa đối với tôi chỉ là những từ-ngữ thừa trong quyền tự điền của mình. Tôi có cuộc sống khác Linh. Nó thờ cúng kỷ niệm, quá khứ, ca tụng đời sống tinh thần cơ hồ như bỏ quên thực tại.

Tiếng vỗ tay rào rạt, tôi giật mình bỏ rơi những ý nghĩ vụn đang rải rác

trong đầu. Đèn chính lại bật sáng sau khi Hà chấm dứt bài hát. Tuần trà thứ hai được nối tiếp. Họ xúm nhau bình về thi ca, tán tào tọng Hà. Chàng chỉ nhếch mép cười nhìn tôi rồi châm lửa vào đầu pipe.

Tiếp quay nhìn tôi :

— Cô Nguyệt ! Tôi có cái hân hạnh được cô ngồi mẫu cho bức họa của tôi để triển lãm vào mùa thu năm nay không ?

Tôi gật đầu ưng thuận và kiêu hãnh nhìn vào lũ con gái, tiếp :

— Nếu anh cần vẽ tranh lửa thề tôi cũng có thể giúp anh.

Sau câu nói ấy, tôi nhận thấy vài tia mắt vừa mĩa mai lẫn ghé hờn của bọn người ngồi quanh.

Khi tôi từ nhà vệ sinh đi lên, bọn con gái muốn trả đũa tôi bằng cách xúm nhau ca tụng Linh. Tôi đứng dậy bỏ đi ra sân nói dối với chủ nhà là tôi cảm thấy khó thở cần đổi không khí. Linh theo tôi ra hành lang, tôi đề nghị với nó nên đi về sớm. Tôi sẽ không còn can đảm ngồi lại đây để thấy một cái thế giới nghệt thở của lũ đàn bà nhỏ nhen trong đó có cả tôi nữa.

oOo

Thi sĩ Tùng lái chiếc Peugeot 403 đưa chúng tôi về. Hà cũng rút lui theo chúng tôi. Vừa ra khỏi nhà, Tùng rủ đi chơi rong quanh thành phố. Trời tối đặc, con đường rộng thênh thang, hai bên giầy đèn bóng đục tỏa ra một thứ ánh sáng mỏng trải trên mặt đường. Tùng vịn tay lái nghêu ngao ngâm vài bài thơ tiền chiến. Giọng thồn thức, rên siết quá mức thành khôi hài. Tôi ngồi bên Hà khi Tùng vừa dứt tiếng ngâm. Linh yêu cầu Hà hát. Tôi tựa lưng vào thành nệm, tóc bay bay choàng qua má Hà. Chàng vẫn đề yêu cho nhánh tóc tôi ve vuốt trên má chàng. Tôi nhìn sâu vào mắt Hà, ngọn đèn nhỏ trong xe tắt phụt. Bóng tối trong dần, mắt Hà sáng ướt và bàn tay chàng chạm phải những ngón tay thon dài của tôi. Mùi khói thuốc từ môi chàng tiết ra trong lời hát và hơi ấm từ chiếc áo len xông ra làm tôi bỏ rơi quan niệm cũ. Tôi nhận thấy chàng có một cái gì siêu thoát cái tầm thường của những gã đàn ông vai u thịt bắp mà tôi đã trót ngã vào vòng tay họ từ trước đến nay.

Tôi liếc nhìn đồng hồ, quá giờ giới nghiêm rồi, chiếc xe queo sang đường Trần Quý Cáp. Phố xá đã đóng cửa chỉ còn rải rác vài nhân viên công quyền. Tùng dừng xe trước một cửa tiệm còn hé hé mở. Chúng tôi ủa vào quán. Bà chủ nhe hàm răng hô chào. Bà quở sao lâu quá không thấy tâm dạng của Tùng. Tùng gãi đầu và kêu bốn đĩa cơm tấm bì. Hà bảo chúng tôi nên uống chút cà-phê cho đỡ buồn ngủ. Linh che miệng ngáp, nước mắt sóng từ khoé mắt của nó ứa ra, có lẽ nó không quen thức khuya. Tùng xúc cơm ăn ngấu nghiến. Khi nửa đĩa cơm vơi, thì bao tử Tùng được trấn an. Tùng tỉnh táo hẳn. Tôi xúc vài muỗng cơm cho vào miệng. Nhìn sự nhộp nhúa của quán cơm bình dân tôi muốn lợm giọng. Nền gạch ẩm ướt, chén đĩa vớt lên từ cái thùng cây lênh bênh mỡ, những hạt cơm vương-vãi trên nền xi măng, mấy cái bàn gỗ không có một miếng vải phủ, kem ớt nổi meo trắng, mùi tanh nhẹ từ chiếc muỗng nhôm làm cổ họng tôi ứ nghẹn. Tôi bỏ muỗng xuống nói dối là còn no lắm. Linh vẫn tiếp tục cuộc hành

hương trên đĩa cơm đầy ăm ắp. Hà cúi cúi nhai có vẻ ngon lành. Tùng gọi thêm hai chai bia 33. Bà chủ cầm chai bia ướp lạnh rót thêm vào ly Tùng. Chàng nheo mắt nhìn bà chủ quán :

— Nè cô Hai, ông chủ nhà đâu vắng ?

Bà chủ nhìn xuống chân đáp :

— Dạ, nhà em thôi em lâu rồi.

Nói xong bà sờ soạng lên thành ghế, đôi mắt thoáng buồn.

Tùng cười hóm hỉnh :

— Vậy có ai phụ cô Hai buồn bán không ?

Bà chủ quán chỉ con bé còn kẹp tóc nói rằng nó là cháu của bà, phụ giúp bà. Tùng ngó Linh, nụ cười bốn cợt :

— Vậy bà mượn tui về phụ chạy bàn cho bà. Tui không lãnh lương chỉ xia một ngày ba đĩa cơm tấm.

Bà chủ khoảng ba mươi, nhưng gian khổ đã đào sâu những đường nhăn trên vầng trán xám nắng.

Khung cảnh một cái quán khuya thấp đèn vàng vọt và nếp sống quạnh hiu của người đàn bà làm tôi rời rã thêm. Tôi quay sang Hà. Trán chàng cao và sáng bóng như mũi giày mỏ vịt. Tôi nhớ lại tiếng hát của chàng ở phòng khách lúc nãy. Tôi tưởng chừng mình gần gũi chàng thêm, để không sợ hãi khi bị ám ảnh cô đơn. Tự nhiên tôi muốn ngã vào vòng tay Hà, để ngủ một cách thanh thản trong hơi thở đầm ấm của chàng suốt đêm nay.

Chúng tôi trở ra xe tiến về phía trường Colette. Đến ngã tư Lê-văn-Duyệt và Phan-đình-Phùng thì tiếng còi rít lên. Hai người cảnh sát lù lù từ sạp báo bước ra hỏi giấy tờ. Hà nói rằng vì bận đi trình diễn tận Thủ-Đức và xe hỏng máy dọc đường nên chúng tôi về trễ.

Hai giờ khuya !

Hai người cảnh sát khám xe cho có lệ rồi cho chúng tôi chạy luôn sau khi nhấc sơ vài câu. Hà đề nghị nên đỗ xe bên hông trường Colette chờ hết giờ giới nghiêm sẽ tiếp tục cuộc rong chơi ở ngoại-ô thành phố. Để giúp vui, Tùng ngâm thơ, ca vọng cổ, hát theo kiểu kịch động nhạc v... v... Hà hát những bản nhạc do chàng sáng tác và những bài hát tiền chiến. Ánh sáng quạnh hiu trên đầu điều thuốc Hà lóe lên giữa khoảng bóng tối, lóe vào tâm hồn tôi một thứ ánh sáng dịu dàng.

Tấm thân mảnh dẻ của Hà, vẻ mặt hiền hậu, đa cảm của chàng, ánh mắt hững hờ khó hiểu của chàng, làm tôi đổi khác quan-niệm về đàn ông.

Tôi đã từng say mê một ánh mắt, nụ cười trên khuôn mặt gã đàn ông hoặc khi tôi khoái một cử chỉ nhỏ nhặt của hắn là tôi có thể hiến thân một cách dễ dàng. Rồi thì sau đó, tôi lặn ngụp trong cái chán nản mênh mông. Bây giờ trước mặt Hà, tôi tự hỏi : Mình yêu Hà ở cái đẹp tâm hồn và ở cử chỉ hay là mình bị cơn bùng bột của nhục-thề hành hạ ? Mùa hè thường gieo dao động hoang mang ở tư tưởng và ở thân xác tôi, và tôi đắm đuối trong cơn nóng sốt đui mù, không thể ngoi lên.

Linh ngoẻo đầu bên của kính ngủ lơ lơ. Tôi cảm thấy ngồi bên chàng nghe chàng hát thì không còn gì đắm thắm hơn nữa. Thịnh thoảng Tùng gọi giật Linh, cấm nó không được ngủ trộm. Linh mỉm cười rồi ngồi yên như tượng đá. Gió hiu hắt từ khung cửa kiếng hẹp, Tùng úp mặt vào tay lái thì đua nhau ngủ gật với Linh. Hà quăng điếu thuốc ra cửa kiếng. Sương xuống ẩm ướt, ngấm vào da thịt làm tôi rùng mình kéo cửa kiếng. Trong sự im lặng tuyệt đối, ngồi cạnh Hà, tế bào tôi thao thức từng cơn khi mùi thơm từ đôi môi bụi ngùi và ánh mắt mỗi một của chàng nhìn lâu vào mặt tôi. Tôi chờ đợi vòng tay chàng mở ra, tôi sẽ ngã vào đó, buông xuôi khoảng đời còn lại của mình.

Linh dụi mắt ngơ ngác, tôi buông Hà ra và giữ thế ngồi cũ. Nó phát nhẹ vào vai Tùng :

— Bốn giờ rồi, ta có thể tiếp tục cuộc hành trình.

Tùng lè nhè quay lại đằng sau :

— Hà ! mày có ngủ được chút nào không ?

Chàng gật đầu ngó tôi mỉm cười. Tôi quay đi để tránh nụ cười lém lỉnh trợn lẩn ngạo nghệ của Tùng.

Con đường xa lộ phẳng phiu như một vệt lụa căng thẳng đen ngòm. Đoàn quân xa rầm rộ nối đuôi nhau. Tùng ghì tay lái mắt chiếu thẳng về phía trước. Ánh đèn pha ngược chiều rọi vào bên trong. Giọng ngâm thơ của Tùng róng rả nổi lên. Linh nhìn ra nền trời mông mênh, nổi lên những chấm sao lấp lánh như bột kim tuyến rắc trên tấm lụa đen. Con trăng lưỡi liềm đơn độc bên khóm mây xám có hình giống như con sư tử với cái bờm nhuyền, mềm mại.

Hà kêu lên :

— Xem đám mây kia ! Có phải nó giống như một con thú rừng giỡn trăng không ?

Tôi mỉm cười thú vị và ngạc nhiên về ý-nghĩ của Hà sao tương tự như ý nghĩ của tôi. Linh thì cho là cái áo choàng bằng lông chồn của cô đào Liz Taylor thường dùng để đi dạ hội. Tùng sau khi chê chúng tôi lãng mạn rôm, kêu đói ầm lên.

oOo

Cây đèn dầu hôi trong quán nhả ra một vệt ánh sáng vàng vọt lung linh trước gió. Tùng cho xe leo lên tiến thẳng vào sân một cái quán nhỏ cách đường chính khoảng hai mươi thước, rồi bước ra khỏi xe chui vào quán. Người đàn ông, trong chiếc quần đùi và cái áo bà ba vải đen, bê ra sân một cái bàn tròn thấp tránh vệt ánh sáng của ngọn đèn dầu. Nét mặt hắn đen xạm chìm lơ mờ trong bóng tối và tôi chỉ thấy hàm răng trắng bệch nổi bật giữa màu da chúng tôi ngồi quây quần bên bốn ly cà phê sữa bốc khói. Vầng trăng non nhả ra một thứ ánh sáng lơ mờ. Bên

kia đường các nhà máy điện, giăng mắc vô số bóng đèn. Từ chỗ chúng tôi ngồi đến đó chỉ cách nhau một con đường rộng mà tôi tưởng chừng như hai thế giới khác biệt.

Linh đứng dậy đi vào quán để tìm thức ăn điếm tâm. Sương xuống làm tóc tôi ẩm ướt và chiếc áo dài mỏng manh không đủ chống lại dưới sức lạnh rì rả của màn sương trên đầu. Tôi rùng mình, gai ốc nổi đầy đặc trên làn da. Hà đưa chiếc áo "ba-đơ-su" màu xanh thẫm trùm lên người tôi. Sức ấm dần dần phục hồi trên da tôi. Mùi Eau de lavande từ thân áo thoang thoang. Linh đã trở ra bê trên tay một đĩa bánh bao bốc khói. Trong bóng còn mờ tối, mắt nó ngồi lên kèm theo nụ cười lém lỉnh. Chút cà phê đã làm nó tỉnh táo và tươi tắn hơn. Nó đặt vào lòng bàn tay tôi chiếc bánh nóng trắng ngần. Bốn chúng tôi ngồi ăn yên lặng. Thỉnh thoảng Hà gọi về tôi một tia nhìn triu mến và bàn chân chàng rút ra khỏi giày sờ soạng trên chân tôi. Trong khung cảnh xám nhạt, đường nét trên khuôn mặt Hà thanh tú. Nụ cười của chàng mất đi vẻ buồn ngao ngán quyến rũ. Một chút đi tinh hiện lên cặp mắt bốc lửa. Hình như bàn chân chàng nóng và run rẩy trên mu bàn chân tôi. Linh chốc chốc lại nhìn tôi mỉm cười. Nụ cười đầy tinh quái và trêu chọc. Bóng tối trong dần. Những nét mệt nhọc và những con mắt đờ đẫn hiện rõ. Linh bảo chúng tôi nên đến đài chiến sĩ chờ xem mặt trời lên. Sau rặng cây xanh, những cụm mây trắng đục từ từ nhuộm hồng và những tia sáng bắt đầu le lói xé dần khoảng bóng tối mờ mờ đang giăng mắc không gian.

oOo

Tùng đưa Linh về nhà, còn tôi mời Hà lên thăm căn gác trọ của tôi. Chúng tôi đều mệt mỏi và cần một giấc ngủ êm đềm. Trong lúc tôi đi rửa mặt để tìm lại chút ít tỉnh táo thì Hà ngã người lên chiếc giường đơn độc của tôi, hút thuốc. Khi tôi trở lại ngồi cạnh chàng, chàng kéo tấm rideau qua một bên và vật vô tri đó thân nhiên chứng kiến Hà lên thăm thân thể tôi. Tôi lão đảo ngã quy trong cảm giác cũ kỹ . . . Rồi tôi thiếp đi giữa cơn mệt lả người. Tôi lạc vào một khung trời xa lạ có nhiều cây cối, chim chóc và một giòng suối trong như mắt mèo. Chàng rủ tôi xuống ngâm mình dưới giòng nước mát. Tôi có cảm tưởng là hai đứa không còn liên lạc với thực tại, đánh rơi cả quá khứ và tương lai. Hà ngồi tựa bên gốc cây rợp bóng, ngheu ngao hát. Tôi chạy tung tăng với bàn chân trần trụ dẫm lên bãi cỏ xanh êm, hái những bông hoa dại đem đến tặng thưởng tài nghệ chàng. Tiếng hát chàng vi vút và thể thắm thắm và xương da tôi một áng sương lạnh cóng. Khi tôi trở lại tay cầm một bó hoa màu tím ngan ngát và thơm đến choáng váng, một loài hoa mà tôi chưa biết tên, định kết thành vòng quàng vào cổ chàng thì bỗng nhiên tiếng hát chàng tắt mất. Tôi chạy nhanh và tìm kiếm quanh chỗ chàng ngồi nhưng Hà đã tan trong làn khói tím. Tôi thất thểu, lạc loài trong một vũ trụ thuần một màu tím lai láng. Tôi gào thét cho đến khi giật mình biết rằng tôi vừa thoát cơn mê.

Tôi mở mắt và đầu óc tôi xoay dần như bịtới vào cánh quạt điện đang quay hết tốc lực. Tôi trở mình qua nhìn Hà. Chàng vẫn ngủ say, nét mặt xanh hai hàm xao, cái thân hình mỏng manh và miệng há hốc để phô trương rằng thiếu trật tự đầy bọn đen của khói thuốc. Tiếng ngáy của Hà ò ạt như

cửa gỗ, đôi chân khăng khiu của chàng làm tôi vụt buồn nôn. Tôi vớ tay lên ngăn kéo bàn đêm đặt ở đầu giường để xem lại bản lịch an-toàn. Tôi thắc mắc không hiểu mình đang lúc bị thai hành hay là kinh tởm cái cơ-thể tổ cáo sự trụy-lạc của Hà, cái thân hình phản-ảnh cuộc đời tôi hiện tại.

Con đường tráng nhựa phẳng phiu như giải lụa, bóng đêm huyền ảo, lời ca ru hồn dưới ánh trăng non dịu dịu biến Hà thành một ông hoàng của hồn tôi. Bây giờ chàng đối diện dưới ánh sáng trần trụi ban ngày làm tôi có cảm tưởng mình nằm bên một kẻ ốm đói, không nhà cửa, co rúm bên vỉa hè thành phố.

Tôi đã sa ngã vào trong nhiều vòng tay khao khát, và tôi đã tỉnh dậy để nhìn lại cuộc đời trống rỗng, thiếu tình thương của mình. Tôi đã gặp rất nhiều gã, trước khi trèo lên giường tôi, đã ăn kẹo sô-cô-la mà người ta thường bán lén lút. Tôi cũng đã chứng kiến nhiều gã sau đêm sống bên tôi, vội đi uống sô-đa trộn hột gà. Tôi là gì ? Một con đỉm ? Đàn ông xử tệ với tôi quá nhiều. Tôi muốn nôn mửa cuộc đời hư hỏng của tôi. Một lũ đàn ông thú vật như nhau

NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ

QUÝ-VỊ HÃY ĐẾN ĐĂNG LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐĂNG CHỮ LÂM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU



HERMES

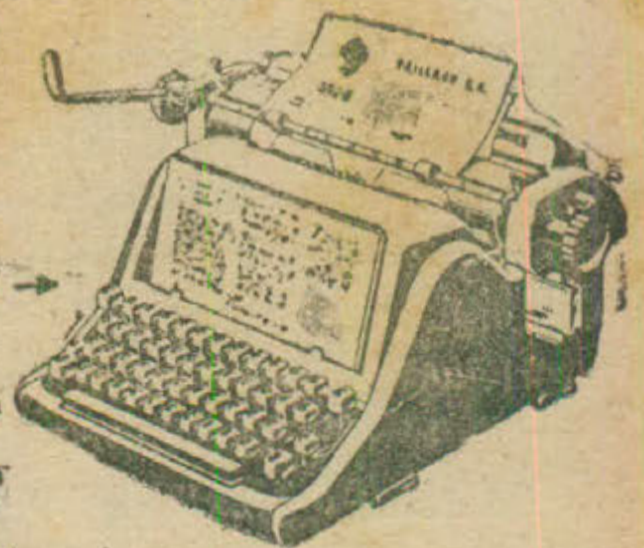
LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sĩ — Téléphone 120.821 — SAIGON



Một loại từ hoa Việt-Nam

SỐ LƯỢNG

Số lượng trong tiếng Việt, nhất là trong thi ca, không phải là số lượng hiểu theo ý nghĩa thông thường mà hầu hết là một loại từ hoa. Nếu trong toán học, những con số 1, 2, 3 có địa vị, chỉ thị một số lượng nhất định thì con số trong văn chương thường chỉ dùng để mô tả một mức độ nào đó, biểu diễn một ý trù tượng hoặc tổng quát, một trạng thái tâm lý nào đó. Người Việt xưa cũng như văn học xưa, không thoát ly đời sống thực tế, từ ngữ Việt (tiếng nôm) không phong phú về danh từ trù tượng (lý do có sự xâm nhập của nhiều tiếng Hán Việt cũng như sau này sự nghèo nàn về tiếng khoa-học đã mở cửa cho tiếng Âu-châu mà có lẽ sẽ thành Âu-Việt (1) như xà phòng, bia v.v...) nên cần được cụ-thể-hóa trong nhiều trường hợp phải phát biểu điều cảm nghĩ của mình. Trong văn-học bình dân, lối cụ-thể-hóa bằng số lượng hoặc bằng tỷ-lệ sự vật khách quan càng phong phú hơn hết để đạt tới sự thông cảm dễ dàng và sự phổ biến nhanh chóng.

Số lượng trong tiếng Việt có lẽ phát xuất đầu tiên từ ngôn ngữ hàng ngày rồi đi vào tục ngữ ca dao. Gần như không có người Việt nào không sử dụng số lượng trong ngôn ngữ thông

thường hằng ngày trong gia đình, trong xã-giao, trong lúc rầy la : *chờ tôi một chút, ngồi chơi một tí ; ba con yêu ! ba con ranh ! cả vạn người trông đợi chờ riêng gì tôi !* Nhiều trường hợp, ta có thể chắc chắn người ngoại quốc không thể nào hiểu được những câu nói đại loại như : — *Thưa chú, cha cháu năm nay là bảy mươi lăm. Tội nghiệp, ông mới trăm tuổi tháng trước.*

Từ cái ngôn ngữ thông dụng đó, văn chương làm sao khỏi chịu ảnh hưởng sâu đậm. Do thể số lượng hiện diện ở mọi hoàn-cảnh, trường hợp và tất nhiên như đã nói trên, chỉ có một số ít chỉ-thị số lượng chính xác còn hầu hết ta phải tùy tình thần của câu nói để mà hiểu cho rõ cái ý muốn nói gì, nhất

(1) Tôi n hĩ về loại tiếng Âu-Việt là lối xác nhận một trạng-thái biến hóa cần tiết và hữu hiệu khi phải thu nhận tiếng khoa học Âu-Tây như xưa kia ta từng thu nhận và biến hóa tiếng Hán-Việt (mà đúng ra phải gọi Việt-Hán và Việt-Âu) chứ không nghĩ đó là một sự xâm nhập bừa bãi, chấp nhận cầu thả những tiếng Âu Mỹ kiểu « Ô kê », một hiện tượng mà ngay ở Pháp cũng đã có người la hoảng và mệnh danh nó là *Franglais*. Nhưng chú ý là *Franglais* lại không phải loại tiếng Việt Âu theo tinh thần tôi đề nghị trên kia.

là trong tục ngữ, ca dao và thi ca.

Chúng ta có thể bắt đầu bằng con số « nửa ». Vì chữ *không* tuy cũng hay dùng nhưng nó là một danh-từ hoặc trạng-từ hơn là một con số. Số « nửa », thường cũng đúng là một phần hai của một khối lượng nào đó, nhưng cái phần hai đó không nhất định là chừng nào : « nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng » (N. Du) « nửa in dưới nước, nửa cái trên không » (ca dao mặt trăng) « nhìn bằng nửa con mắt » (thành ngữ hoặc tục ngữ). Có khi « nửa » không tuân theo luật pháp nào của phân số : « Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngòm, nửa đười ươi » (Cao Bá Quát).

Con số « một » là con số được dùng nhiều nhất. Nó thường chỉ định cái gì chỉ có *một* hoặc tiêu biểu cho số ít, sự riêng lẻ, sự cô độc :

Một mình vừa chổng, vừa chèo.

Không ai tát nước đỡ nghèo *một*
phen.

(Ca dao)

Một mai, mai *một* nhớ chừng

Nhớ sông sông rộng, nhớ rừng rừng
cao.

(Ca dao)

Những chữ « một mai : mai một » diễn cái ý vòng quanh không lối thoát vì trở lực thiên nhiên. Ý nghĩa cũng như câu thơ của Nguyễn Du : « *một* mình mình biết, *một* mình mình hay » trình bày đúng chu kỳ của niềm cô độc. Cũng như câu : « *Một* trời thu, đề riêng ai *một* người » (Nguyễn Du) thì những chữ *một* ấy chỉ cốt ý làm nổi bật sự cô độc. Chữ *một* thường đi với *một* hoặc nhiều con số khác để biểu thị cái phần ít, phần nhỏ : « *một* cây làm chẳng nên non, *ba* cây

chụm lại nên hòn núi cao » (ca dao) ; sự yếu đuối của thân phận : « *một* mình lo *bảy* lo *ba*, lo cau trồ muộn, lo già hết duyên » ; sự cam chịu một nguyên-tắc luân lý, tập tục : « *năm* thê *bảy* thiếp, gái chính chuyên *một* chồng » (tục ngữ), « *một* ái nhà là *ba* cái cửa, anh có vợ rồi, vợ *nửa* cũng xong (ca dao) » ; có khi dùng để nhấn mạnh : *một* lần ; *hai* lứa *một* sống, *hai* chết, « *một* thương *hai* nhớ, *ba* sầu, ăn cơm bỏ đũa ăn trầu bỏ vôi (ca dao) », « *một*, *hai*, *ba*, *bốn* em *không* lấy chồng (ca dao) ».

Con số « hai » cũng thường dùng để chỉ số ít. Nhiều lúc tùy trường hợp nó biến thành *đôi*, *đòi* hoặc *vài*. « *Đòi* phen gió táp mưa sa » (N. Du) « *Giếng* vàng đã rụng *một* *vài* cành ngô » (N. Du). Thường số hai đi với số một để chơi chữ, để diễn sự biến ảo, sự nhớ nhưng rất tài tình :

Nghi đi, nghi lại *một* mình.

Một mình thì chớ, *hai* tình thì sao ?

(N. Du)

Mình với ta tuy *hai* mà *một*

Ta với mình tuy *một* mà *hai*

(N. K. Hiếu)

Vì chàng : lệ thiếp nhỏ *đôi* ;

Vì chàng : thân thiếp mồ côi *một* mình

(C. P. Ngâm)

Ít khi trong thơ Việt, có những câu nói về con số linh hoạt mà đầy xúc cảm như vậy.

Con số « ba » thường có thể chỉ một số lượng khá nhiều, vững chắc như :

Ba phen quạ nói với diều

Nơi mô tre rậm thì nhiều gà con

(Ca dao)

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao
(Ca dao)

Nhưng cũng có khi biểu diễn số ít,
nhỏ nhoi :

Ba đồng một quả trâu cay
Sao anh không hỏi những ngày còn
không.

Thường, ba cũng hay kết hợp với
những con số khác để biểu-thị một số
lượng có ý nghĩa thích nghi hơn :

Ba bốn năm ăn ở trên rừng,
Chim kêu, vợ nứ, nửa mừng nửa lo
(Ca dao)

Thương nhau cau sáu bửa ba
Ghét nhau, cau sáu bửa ra làm mười.

Sự thương ghét, biểu lộ phân minh
đến thế thật chất phác và ngộ nghĩnh !

Nhưng phần lớn là ba kết hợp với
bảy (1) để diễn cái ý nhiều, phong phú,
dồn dập, phức tạp: ba cha, bảy mẹ —
ba lần, bảy lượt — ba chìm bảy nổi chín
lênh đênh — Đếm bảy ngày ba vô ra
không kể — lo bảy lo ba (Thành ngữ, tục
ngữ) và ca dao :

Một liều ba bảy cũng liều
Cằm như con trẻ chơi diều đứt dây

Âm thanh «bảy, ba» trong tiếng Việt
quen thuộc đến nỗi nó còn đủ sức để
dẫn theo con số khác có âm thanh giống
hệt :

Con gái mười bảy, mười ba
Đêm nằm với mẹ, chuột tha mất...

oOo

Từ số bốn trở lên số tám, rải rác vẫn
được dùng đến, nhưng không có những

số thật tiêu biểu và quen thuộc. Phải
đợi đến số chín mới lại được dùng như
thể, tại sao ? Có lẽ số chín gần số mười
cho nên nó có thể diễn cái ý hoặc nhiều,
khá nhiều, hoặc gần trọn vẹn trong khi
chính số mười biểu-thị sự đầy đủ, sự
trọn vẹn đó :

«Chín con chưa gọi là chồng» (T.N.)

«Một câu nhin, chín câu lành» (T.N.)

«Dù xây chín bậc phù đồ

Không bằng làm phúc cứu cho một
người» (C. D.)

Và khi đi với mười :

Chín bồ lèm mười (T.N.)

Chín người, mười ý (T.)

Như thế, khi chỉ có số mười thì
không còn có gì bàn cãi vì tính cách hoàn
toàn : của Phật mắt một đần mười.

Mười voi chưa được một bát nước
xáo (T.N.)

Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn
mười (N. Du)

Từ số mười, ít khi dừng lại ở một
con số nào khác mà đi ngay đến số trăm.
Số này biểu-thị một số lượng trọn vẹn
như mười, nhưng dồi dào, phong phú,
chưa dễ đã đạt được, nghĩa là còn bao
hàm ý thậm xưng :

Trăm hay không bằng tay quen. (TN)

Trăm điều hãy cứ trông vào một
ta. (N. Du)

Trăm năm dầu lỏi hẹn hò

(ca dao)

Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng,

Mà duyên không lọt, má hồng không
phai (cadao) (Nhưng đôi khi trăm vẫn
chưa đủ sức để diễn số nhiều, thật nhiều,

(1) Có khi lẫn lộn lời dịch chữ Hán :
Quả mai ba, bảy đang vừa (N. Du).

nó cũng cần kết hợp hoặc đi đôi với số ngàn số vạn để diễn cho rõ ý hơn :

*Trăm, ngàn, đồ một trận cười như
không
(Ca dao)*

*Trăm, ngàn năm, này mãi sợi tơ lòng
(Thế Lữ)*

*Trăm kẻ bán, vạn người mua
(Tục ngữ)*

*Trăm, nghìn, vạn mở đề vào đầu
(T.T. Xương)*

Hồi trước, chưa có những con số quá lớn nên văn chương ta chưa thấy ghi lại. Từ khi Văn hóa Âu-Tây tràn sang, các con số mới cũng bắt đầu đi vào văn chương :

« *Biên nhân người thành ức, triệu vánh khuyên (X Diệu)* ».

oOo

Trên đây, chỉ là những con số trình bày lại một cách tổng quát để cho người đọc dễ nhận xét. Nếu có ai tìm hiểu cặn kẽ, con số còn hiện ra dưới nhiều hình thức phổ diễn một cách kỳ thú. Chẳng hạn, rải rác đây đó, ta tìm thấy một loại tính trừ rất kỳ khôi của một Trần-Tế-Xương :

« *Một trà một rượu, một đàn bà,
Ba cái lãng nhãng nó quấy ta.
Trừ được cái gì hay cái ấy
Họa chẳng trừ rượu với trừ trà* ».

Nhưng người nông dân ít khi làm tính trừ tế-nhi như thế. Họ chỉ thích nói những con số cố định, chắc cứng như đinh đóng để diễn-tả cái ý quả quyết, chung-thủy, chắc-nịch như chính con số đó.

« *Một nong tằm là năm nong kén ;
Một nong kén là chín nén tơ
Anh thương em chín đời mười chờ
Bây giờ dứt mối, lia tơ sao đành ?* »
(Ca dao)

Hay :

« *Ba với ba là sáu
Sáu với bảy : mười ba.
Bạn nói với ta không thật, không thà
Đồng đình ra trái nửa già, nửa non.
Bạn nói với ta chưa vợ, chưa con
Con ai nó đứng đầu non tê tê
Bạn nói với ta chưa có «hiền thê»,
«Hiền thê» mô đứng đó, bạn trả lời
thề cho ta » (Ca dao)*

Thật vậy rồi, nếu phải diễn tả bằng cách khác họ đã dùng tỷ lệ :

« *Bạn với ta như riu chém xuống đá,
Như rạ chém xuống đất,
Như mật rót vào tai.
Bây giờ bạn đã nghe ai
Gặp ta nghiêng nón che vai không
chào ».*

Một đôi lần người bình dân Việt Nam e nói mãi tiếng Việt, con số bằng tiếng Việt hoặc nó nhảm, hoặc không được trang trọng. Cho nên trong tình yêu, thấy họ cũng đổi cách : nói bằng tiếng Hán Việt. Nhưng cái chí định vững chắc vẫn không vì thế mà thay đổi, có khi lại tăng thêm là khác :

*Thương em tam, tứ núi cũng treo
Thất bát giang cũng lội
Thập nhị đèo (anh) cũng qua.*
(Ca dao)

oOo

Như trên, ta thấy « lượng số » được

dùng trong tiếng Việt phần lớn chính là Từ hoa (1), chứ không phải lượng số đơn thuần. Ngày nay, Từ hoa đó có bớt dùng phần nào vì thi ca càng ngày càng rời bỏ địa hạt cụ-thể để đi vào trừu tượng. Cả trong văn xuôi, những ý niệm quả quyết, cô độc, dỗi dằn v. v... cũng dần dần được diễn tả bằng danh từ trừu tượng, hoặc hình ảnh, hoặc tỷ lệ. Nhưng nó chỉ ít đi chứ nó chưa hết. Nó còn được dùng hơn điển-tích hay hợp loại v.v... Tìm hiểu kỹ thêm những

lối phát biểu vốn có nguồn gốc trong tinh thần dân tộc vẫn là một điều cần thiết.

Tạp bút

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

(1) Chú ý những lối từ-hoa lượng số có tính cách so sánh, thậm xưng, dễ nhận thấy, nhưng có một số lớn từ-hoa lượng số có tính cách đối chiếu, tức là hễ có số trước phải có số sau để nổi bật cái ý muốn diễn tả. Những số này nếu tách rời hẳn ra thì sẽ không còn là từ-hoa.

TIN MỪNG

Được thiếp báo tin chị *ĐOÀN-NGUYỆT-ẤN*, trưởng nữ Ông Bà Đoàn-Thêm đã làm lễ đính hôn ngày 14-5-1967 với anh *PHAN-XUÂN-HOÀNG* và hôn lễ sẽ cử hành tại Ba-Lê.

Xin trân trọng mừng Ông Bà Đoàn Thêm và chúc chị Nguyệt-Ấn cùng anh Hoàng trăm năm hạnh phúc.

LÊ-NGỘ-CHÂU

BỔ PHỔI - BỔ XƯƠNG
BỔ MÁU - BỔ GAN

THUỐC ỒNG UỐNG

RUBICAL

Calcium B12

Sorbitol

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON
75, Đường NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM
DƯƠNG-THÀNH-QUỚI DƯỢC-SU

SỐ KIỂM NHẬN 2.039 ngày 26-2-66

CHUỖ ĐẤM

Phân-tích căn-nguyên sự chậm tiến về khoa-học tại Á-châu thời Trung-cổ

NGUYỄN - TRINH - DZOANH

LƯỢC DẪN :

Những phát minh cơ bản như thuốc súng, đá nam châm v v.. đều khởi thủy ở Á-Châu mà nay một phần lớn vẫn phải cậy tay người da trắng trong công việc đào tạo nhân-tài và áp dụng khoa-học kỹ-thuật trong mọi ngành sản xuất. Tác giả viện lý để cắt nghĩa tại sao khoa học và kỹ-thuật ở Á-Châu thời Trung-cổ không bành trướng được như ở Âu-Mỹ.

So sánh khoa học Âu và Á, ta tự hỏi nguyên do sự chậm tiến về khoa học ở Á Châu là bởi đâu ? Phải chăng là dân Á Châu chỉ thích mơ mộng từ-chương mà sao lãng việc kiếm tìm sự thật trong vũ-trụ. Hoặc là quan niệm văn minh của người da vàng có đặc điểm quan trọng nào khác người da trắng. Một lý mà ta có thể nêu ra là phong trào triết học mạnh mẽ thuở xưa ở Á-Châu phần nhiều chú trọng đến " nhân vị". Song liệu yếu tố đó có gây nên được bằng chứng xác đáng không, ta khó mà trả lời thỏa đáng.

Ta chỉ có thể nói một cách chắc chắn là cấu tạo xã hội, chính trị và tư tưởng triết học thừa xưa đã làm cản trở rất nhiều cho sự phát triển khoa học. Biết bao nhiêu sự khám phá khoa học đã tìm thấy trước ở Á đông nhưng không được khuyến khích và tổ chức đề khuyếch trương, thành thử mai một. Trái lại người Âu-Châu nhờ có hoàn cảnh thuận tiện và được chính quyền giúp đỡ nên họ đã lợi dụng một số khám phá

khoa-học sơ-thủy của người da vàng làm nền tảng mà bành trướng môn học của họ.

Trước khi nghị luận về hoàn cảnh xã hội, tôi muốn bàn về một căn nguyên thuần túy khoa học đã cản trở sự tấn bộ khoa học không ít. Căn nguyên này phát nguyên từ sự thiếu toán-học cao-cấp thuần túy hướng dẫn cho khoa học tấn bộ.

1 - Tại sao khoa-học cần toán-học thuần-túy.

Những ai đã khảo cứu trong phòng thí nghiệm đều nhận thấy một cách rõ rệt rằng, nếu khảo cứu khoa học không có toán học cao cấp làm cứu cánh thì không thể xuất sắc được. Khoa học thực nghiệm và toán học ví như là người thám hiểm vào hang tối với bó đuốc. Không có bó đuốc, ta cũng dò dẫm đi được dăm ba bước sang phải sang trái. Nếu cố công chịu khó vượt những khó khăn cản trở thì may ra đi thêm được đôi chút, song không hy vọng đi thật

sâu một cách chắc chắn được. Điều này lịch sử khoa học đã chứng minh giùm ta một cách rõ rệt. Thật vậy, vào thế kỷ thứ 15, nhà khoa học đại tài Leonard de Vinci đã làm những công việc vĩ đại cho khoa học, giúp ích thật nhiều cho kỹ thuật bành trướng. Song sự nghiệp của ông, xét cho cùng, cũng không thể mở rộng và xán lạn như người đương thời mong đợi ở thiên tài như ông. Nguyên do là vì thiếu toán học cao cấp hướng dẫn. Phải đợi đến thế kỷ thứ 16, khi phương pháp dung hòa toán học và thực-nghiệm của Galilée ra đời mới giải quyết được những vấn đề phức tạp và làm bàn đạp cho nền tảng tiến triển khoa học sau này.

Theo phương pháp của Galilée, ta phải lần lượt :

- 1) Chọn trong các hiện tượng khoa học mà ta nghiên cứu, những thành phần nào có thể biểu diễn ra lượng được.

- 2) Lập nên giả-thiết làm cho những thành phần trên liên lạc với nhau bằng một hệ-thức-toán-học.

- 3) Từ các giả-thiết đó, dùng trí thông minh mà suy luận ra sự giải đáp hay một kết quả tất yếu của các giả-thiết trên,

- 4) Dem kết quả suy-luận ở trên ra thí nghiệm xem có phải là kết quả thực sự không.

- 5) Nếu là kết quả thực sự, nghĩa là hiện tượng tiên đoán qua giấy trắng mực đen, có thực trong trời đất, thì các giả-thiết trên là đúng. Ngược bằng kết quả không đúng như tiên đoán nghĩa là giả-thiết phải sửa đổi hay bỏ hẳn, tùy theo sự minh mẫn của người khảo-cứu.

Xem thế đủ biết người ta đã áp

dụng toán học để liên-hệ các yếu-tố có thể đo lường được, dùng kiến thức khoa học mà lập nên các giả-thiết rồi dùng toán học mà suy luận trường hợp hơi tương tự như khi ta giải một bài toán ở bậc sơ-học. Thí dụ :

« Vừa gà vừa chó ba mươi sáu con
bớ lại chợ tròn một trăm chân chẵn. »

Hỏi có bao nhiêu gà ?

Nếu dùng phép tính thường nghĩa là số học, thì thấy quanh co khó giải, song nếu dùng đại-số-học mà giải thì thấy dễ như trở bàn tay, chỉ cần làm cho các lượng liên lạc với nhau bằng một phương-trình đại-số học bậc nhất. Sự quan trọng của toán học ngày một lan rộng. Ngày nay ta thấy toán học được dùng cả trong các ngành hóa-học, sinh-vật-học và cả... xã-hội-học, chính-trị-học, kinh-tế-học... Phải chăng là các nhà xã-hội-học, kinh-tế-học... đến thế kỷ thứ 20 mới bắt đầu hiểu Galilée ?

Tuy toán học được dùng trong khoa học như bóng với hình, song toán học vẫn được khai thác biệt lập hẳn với thực nghiệm và lúc nào cũng dùng trong mọi trường hoàn toàn trừu-tượng. Điều này rất quan trọng vì những tấn bộ trong trừu tượng dễ có thể phát triển mạnh mẽ và đi xa được vì không bị ngoại cảnh chi phối làm cản trở. Cũng vì thế mà Galilée đã nói rằng : « Sự chuyển động của một vật sẽ luôn lưu loát không ngừng nếu không bị gì ràng buộc cả, và không có gì liên quan dính líu đến cá thể của vật ấy. »

Quan-niệm này sâu sắc, đã làm đảo lộn cả tư tưởng khoa-học buổi đương thời và cũng là bước tiến mở đường cho khoa-học tấn bộ. Thật vậy, từ tư-

tưởng của Galilée mà suy rộng ra ta thấy nếu người khảo cứu toán học chỉ tìm sự hợp lý, rồi từ sự hợp lý này mà suy luận ra sự hợp lý khác, cứ như thế mà khuếch trương toán học thì dễ tiến xa hơn là bị gò bó bởi ý nghĩ: «*Tìm tòi toán học để dùng vào việc đã định trước*». Vì sau khi đã thỏa mãn cái ý định, người ta dễ ngừng bước, hai nữa bị gò bó mất hết cả hứng thú, những ý tưởng hay khó bộc phát ra được.

II — Tình-trạng toán-học thuần-túy tại Á-châu thừa xưa.

Nhìn lại khoa học Á-Châu hồi xưa, ta thấy khuyết điểm căn bản là không có toán học thuần túy hướng dẫn. Thật vậy, trình độ toán học xưa rất thấp, chỉ có Đại-số học là còn khá hơn cả. Song phần nhiều phát biểu dưới hình thức thơ phú đại loại như :

Một trăm con trâu

Một trăm bó cỏ

Con đứng ăn năm

Con nằm ăn ba

Còn những con già

Ba con một bó

Hỏi : có bao nhiêu trâu đứng, bao nhiêu trâu già và bao nhiêu trâu nằm.

Giải : $x =$ trâu đứng, $y =$ trâu nằm, $z =$ trâu già

$$x + y + z = 100$$

$$5x + 3y + z = 100$$

3

Phương trình có nghiệm-số bất định. Đọc bài thơ lên vần điệu nghe vui tai thật, song trái hẳn với nguyên-tắc giản dị và minh bạch của khoa học. Muốn

làm ra những bài thơ «toán» đó, tác giả vừa phải am hiểu toán học lại vừa phải mất thì giờ gọt rũa cho thành nhịp điệu. Hơn nữa đề-tài lại phải rất cụ-thể và thiết thực đi sát với sự sống, thành thử óc tưởng tượng không được phóng khoáng phải luẩn quẩn quanh những cái mắt thấy tai nghe. Ngay Toán học của Trung-hoa được coi như là tiêu-biểu cho toàn thể Á-đông hồi xưa cũng đại loại như vậy, không được hoàn toàn trừu tượng. Người ta lấy làm lạ tự hỏi tại sao một dân tộc đã biết dùng phép tính có số thập phân vào khoảng thế kỷ thứ IV trước Thiên-chúa giáng-sinh mà không có một chỉ-hiệu nào được đặt ra để biểu diễn những công thức Đại số. Phải chờ đến thế kỷ thứ XVI, khi các cố đạo người Âu Tây đến mới bắt đầu thành lập ký-hiệu. Thậm chí ngay hình thức phương trình cũng biểu diễn một cách gián tiếp, không có cả cái dấu bằng (=). Phần nhiều là dùng bàn tính và giản đồ để tính toán. Trong một phép tính ta chỉ thấy có kết quả còn số trung gian đều xóa bỏ không còn dấu vết. Trên bàn tính, nếu các con cá được xếp đặt thích hợp, ta cũng có thể dùng để biểu diễn các ẩn số, lũy thừa, v. v. . . . Song xét cho cùng, những phương-trình biểu diễn lúc nào cũng chỉ tượng trưng mật thiết một vấn đề cụ thể, không có một lý thuyết tổng-quát nào về phương trình được thành lập. Cho nên mặc dầu kết quả của bàn tính mỹ mãn thật, song đưa tình trạng vào con đường bế tắc làm cản đường sự mở mang của toán học.

III — Tình-trạng chính-trị liên-hệ đến sự bế tắc về toán-học ra sao ?

Một vài nhà triết-học cho rằng toán

học thời xưa ở Á-đông sở dĩ không bành trướng được là vì thiếu quan niệm về chính xác và bằng chứng xác đáng. Họ căn cứ vào sự-kiện nào để kết-luận như vậy. Phải chăng là vì luận lý hồi đó chưa được đề cập tới một cách hẳn hoi như ngày nay. Một điều chắc chắn là toán học xưa thường bị tư tưởng chính quyền kiểm chế. Thật vậy, việc làm ta chú ý nhất là toán học xưa thường liên lạc mật thiết tới niên lịch. Không có một nhà toán học danh tiếng nào là không được mời ra để thành lập hoặc sửa đổi niên lịch. Hồi đó, người ta tin rằng vận mệnh của một người hay một nước đều có liên quan đến các vị hành tinh. Do đó việc thành lập niên-lịch chỉ có vua chúa là được biết. Những nước chư hầu muốn tỏ lòng trung thành chỉ việc chấp nhận niên lịch đã đặt trên. Khi có loạn hay hạn hán đói kém, người ta thường cho rằng tại niên-lịch xấu nên mời các nhà toán học làm lại. Xem thế thì thấy cái vấn đề sửa đổi niên lịch là cái nguyên cơ chính làm cho các nhà toán học mất hết trừu tượng. Là một việc quan trọng được nhà vua giao phó nên lúc nào họ cũng bận tâm tới, thứ nhất ở cái thời-đại mà Quân, Sư, Phụ được nêu cao. Nhìn lại quá trình lịch sử toán học ở Á-châu, ta thấy bộ «Chín chương toán-học» của người Tàu phát hành thế kỷ thứ nhất trước Thiên chúa giáng sinh là được áp dụng rộng rãi trong phép kế toán hàng mấy ngàn năm. Song lý do xã hội làm ràng buộc chặt chẽ với hệ-thống nhà nước. Suốt đời các nhà toán học chỉ quanh dưng để giúp mấy ông công chức giải quyết một vài vấn đề đại loại như tính kích thước vựa thóc, xây đê đào ngòi, lập thuế má và đổi chác tiền tệ, vv...

Xem vậy chỉ những vấn đề thực hành

được coi là quan trọng còn toán học thuần túy thì rất ít. Nói thế không phải là các nhà toán học hồi đó không chú trọng sự thật, song sự thật đó không có tính cách trừu tượng hoặc có hệ thống hẳn hoi.

IV — Ảnh-hưởng của giai-cấp và tổ-chức xã-hội tới sự tiến triển khoa-học.

A. Giai-cấp

Thuở xưa dân chúng phần nhiều là mù chữ, không bao giờ được nhìn thấy những cuốn sách toán quý giá do Chính phủ cho chép làm nhiều bản và chỉ gửi tới các trung-tâm hành-chánh để tiện dùng trong việc kế-toán thường thức. Những nhà tiểu-công-nghệ trợ trợ, dù khéo đến đâu cũng không bao giờ được gần gũi những nhà học giả thông thạo từ chương. Thành thử giữa giai cấp sáng tạo và giai cấp áp dụng lúc nào cũng có bức thành kiên cố ngăn đôi.

B. Tổ chức xã-hội

Ngoài ra, tổ chức xã hội hồi xưa còn thấp kém và eo hẹp không biết thu thập những tài-liệu khoa học quý giá rải rác khắp nơi làm tài-liệu chung và đem phổ-biến cho dân chúng dùng. Thậm chí những người tìm ra một phương pháp hay nào để thực hiện một việc gì thì giữ kín làm của riêng. Rồi cha truyền con nối từ đời này qua đời khác, phần lớn thì truyền miệng khi tập việc. Giả thử một vài người có ghi thành sách thì cũng đem hủy đi nếu không có người nối dõi. Chẳng hạn, khoa giải-phẫu của Hoa Đà và Biền-Thước ngày xưa đã cấp tiến biết bao, chẳng kém gì Âu-Tây, ấy thế mà cũng không truyền được cho hậu thế,

V-Ảnh hưởng của tư-tưởng triết-học và quan-niệm trí-thức tới sự tiến bộ Khoa-học.

Một điều làm ta quan tâm không kém là quan niệm triết học của người Á-châu hồi xưa đối với các định-luật của tạo hóa. Triết-học-gia ở Á-Châu thời xưa không tin có đấng thiêng liêng tạo ra vạn vật. Đối với họ, toàn thể vũ trụ chỉ là một một hệ-thống hữu-cơ và do đó nảy ra quan niệm về thứ tự tổng quát. Theo quan niệm này ta không thấy có một chuyên hướng gì về các luật của tạo-hóa. Như thế rất khó có thể áp dụng toán học vào cái thế-giới thể-chất vì ít nguyên-lý quá (1).

Ngoài ra, khoa học còn bị sao lãng vì quan niệm trí thức của người Á-đông thuở xưa. Muốn là trí thức chỉ cần am hiểu: Cầm, Kỳ, Thi, Họa. Người ta không nói rõ ràng, song hầu như là am hiểu khoa học đối với người xưa không phải là trí thức. Khi nói đến khoa học người ta có cảm tưởng như là hạ mình từ cấp bậc trí thức xuống cấp bậc một anh thợ trường bách-nghệ mới ra.

Ngày nay, sau bao cuộc thử thách với nước ngoài, họ mới công nhận rằng phải đẩy mạnh phong trào bành trướng khoa-học và kỹ thuật mới mong theo kịp bằng người.

Lược qua quá-trình tiến-triển của khoa-học, ta thấy dễ hiểu tại sao thuốc súng được khám phá ra ở Á-châu hằng ba bốn thế kỷ trước Âu-châu mà rồi người da vàng phải chịu khuất phục trước áp lực khí giới tối tân từ phương Tây tràn tới. Cả tính chất từ-diện của đá nam châm cũng tìm thấy trước mà đến nay, thế kỷ thứ XX, một

phần lớn công cuộc đào tạo điện lực và cả cách tiêu thụ điện trong mọi ngành kỹ nghệ vẫn còn phải cậy tay người Âu Tây giúp sức. Thật là một điều đáng tiếc.

Mong rằng những bạn trẻ sắp đưa mình vào thế-giới khoa-học mịt mù sẽ thông cảm phần nào những sai lầm thuở trước. Hãy bước chân vào con đường khoa học với lòng thiết tha tìm hiểu-định luật của tạo-hóa và nhìn rõ sứ-mệnh người khoa học trong giai đoạn khó khăn của nước nhà.

NGUYỄN TRINH DZOANH

(1) Người ít học thì lại dị đoan, tin các thần thánh, v.v..

SÁCH MỚI

— **Bảng lược đồ văn-học Việt-Nam Quyền hạ** của Thanh-Lãng trình bày và trích tuyển, Trình-Bày xuất bản và gửi tặng. Bảng lược đồ văn-học V. N. gồm 2 quyền; Quyền thượng: nền văn học cổ điển (Từ thế-kỷ XIII đến 1862) Quyền hạ: Ba thế hệ của nền văn-học mới (1862-1945). Quyền hạ dày 830 trang gồm có: Văn-học thế-hệ 1862, thế-hệ 1913, thế-hệ 1932. Bản đặc biệt. Bản thường giá 340 đ.

— **Mẫu hệ chàm** của Nguyễn-khắc-Ngữ do Trình Bày xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 190 trang thuộc Tủ sách Khoa-học Nhân-văn, trình bày về nguồn gốc, nội dung và nhận xét về chế-độ mẫu hệ Chiêm thành, biên soạn công phu có thêm phụ lục: Nguyên - bản dự - thảo Hộ-luật Chàm Bản đặc biệt. Bản thường giá 90 đ.

Thế giới, trong những tuần qua

• TỪ TRÌ

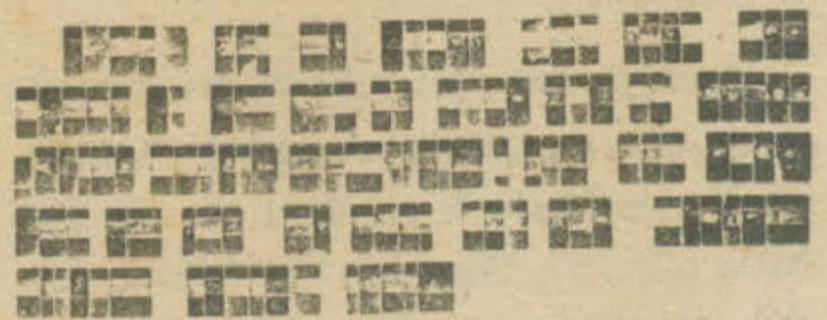
Trong những tuần vừa qua dư-luận quốc-tế đã đặc biệt chú ý tới vụ Thống Tướng Westmoreland trở về Hoa-kỳ và tới các bài diễn văn sôi động của ông trước Quốc-Hội và trước những ký-giả Mỹ tại Nữu-ước. Đó là bằng chứng sự lo ngại của cả Thế-giới trước tình hình chiến cuộc Việt-Nam.

Trong khi đó tại các lục-địa khác trên thế giới, tình hình chính trị đã trầm lắng hơn.

Mỹ-châu : Thống Tướng Westmoreland trước Quốc-Hội Mỹ :

Ông đã dùng đủ mọi chiến lược, ông "xuống thang" để tỏ thiện chí hiểu hòa, đối phương làm lơ, ông « leo thang » đối phương vẫn tiếp tục đem quân vào Nam Việt. Tháng trước, chính phủ Mỹ quyết định leo thang thêm một bậc nữa. Phi cơ Mỹ đã phá vỡ những nhà máy của Bắc-Việt ở Hải-Phòng, nơi mà trước đây chính

phủ Mỹ cấm không cho oanh tạc ; vùng « tam giác kỹ-nghệ » sát Hà nội giờ cũng bị phi cơ Mỹ tấn công. Không lực Mỹ lại còn cắt đứt đường xe lửa nối liền Bắc-Việt với Trung-Cộng. Hơn nữa hai phi-trường dành cho máy bay Mig của Bắc-Việt cũng bị tấn công.



Tại Hoa-thịnh-Đốn Tổng thống Johnson từ xưa tới nay dựa vào sự ủng hộ của Đảng Cộng-Hòa trong khi nhiều nhân vật của Đảng Dân-Chủ như các Thượng nghị sĩ Mansfield, Robert Kennedy lên tiếng chỉ trích ông. một số Thượng - Nghị - sĩ Cộng - Hòa nhắc lại rằng Tổng thống Eisenhower và Đảng Cộng-Hòa chỉ hành động ở Việt-Nam một cách hết sức giới hạn. Chính Đảng Dân-Chủ cùng các ông Kennedy và Johnson đã tham gia vào chiến cuộc Việt-Nam tới mức hiện nay. Bản giác-thư này còn cho rằng đảng Cộng-Hòa, nếu tiếp tục ủng hộ ông Johnson nữa, thì đảng này sẽ phải chịu

trách nhiệm về những lỗi lầm của Đảng Dân-chủ.

Trước sức chống đối đang lên tại quốc nội, Tổng thống Johnson tìm ra một phương-sách để bịt miệng phe chống đối bằng cách đưa tướng Westmoreland về Mỹ để trình bày về chiến tranh Việt - Nam. Theo Tổng thống Johnson thì không ai có thể giải-thích chiến cuộc Việt-Nam bằng Thống tướng Westmoreland, một vị tướng đã có công trong cả ba trận chiến : Đệ Nhị thế chiến, chiến-tranh Triều-tiên và chiến-tranh Việt-Nam. Cao, đẹp, tính tình khắc khổ, gương mặt quắc thước, Tướng Westmoreland còn là hiện-thân của truyền-thống quân-sự Hoa-Kỳ. Vì vậy mà cuối tháng 4 vừa rồi tướng Westmoreland trở về nước đã ra Quốc-Hội trình bày trước các vị đại diện quốc dân về tình hình chiến-cuộc tại Việt-Nam. Theo ông, quân đội Mỹ sẽ thắng ở Việt-Nam nếu được sự ủng hộ ở quốc nội của dân chúng. Ông cho rằng đối phương đang hy vọng thâm được trong lãnh vực chính trị, những thành quả mà họ không thể đoạt được trên bãi chiến trường.

Ông nói : « Đối phương muốn khai thác sự chống đối của phe phản chiến để bắt Hoa-Kỳ phải nhượng bộ. Họ không hiểu rằng nền dân chủ Mỹ lấy sự tự do bàn cãi làm căn bản. Họ coi những lời phản kháng của một vài phần tử như là phong trào đối lập của toàn thể dân chúng. Sự tin tưởng này khuyến khích họ kéo dài chiến tranh và có nghĩa là còn nhiều sinh mạng của Mỹ và Việt Nam sẽ bị tổn thất ».

Được vỗ tay cổ vũ tới 19 lần, nhưng

chưa chắc bài diễn văn của tướng Westmoreland có thể mang lại cho Tổng thống Johnson những kết quả mong muốn. Và các dân biểu chỉ muốn vỗ tay hoan hô quân đội viễn-chinh Mỹ qua tướng Westmoreland mà thôi. Nhiều nghị-sĩ đã tỏ vẻ khó chịu trước việc mời Westmoreland ra trước Quốc Hội. Thượng nghị sĩ Mc. Gwern cho rằng : « Khi gán cho phe phản-chiến trách-nhiệm xúi dục Bắc-Việt tiếp tục chiến tranh, chính phủ đã thú nhận những nhược điểm của mình. Chính phủ không sợ ảnh hưởng của phe phản chiến, mà chỉ sợ những mâu thuẫn của chính mình mà phe phản chiến đã nêu ra. »

Thượng nghị sĩ Fulbright lại cho rằng Tướng Westmoreland không có thẩm quyền đề bàn về chính sách đối ngoại của Hoa-kỳ ở Đông-Nam-Á.

Tướng Westmoreland đã thâm được những kết-quả gì cho chính-phủ Dân-chủ Johnson tại quốc-nội, ta chưa được rõ. Nhưng qua những lời chỉ trích và qua những lời tán thưởng ta thấy hiện giờ dân chúng Mỹ rất chia rẽ về vấn đề Việt-Nam.

Trong khi dân chúng Hoa kỳ ở Bắc-Mỹ đang phân vân trước việc ủng-hộ chính sách đối-ngoại của chính-phủ, thì tại Nam-Mỹ dân chúng Ba-Tây đang đặt rất nhiều hy vọng vào chính phủ của họ. Thật vậy Thống-chế Costa e Silva vừa lên thay thế Thống chế Castelo Branco trong chức vụ Tổng-thống đã tỏ ra hết sức dân chủ khiến cho dân Ba-Tây ngạc nhiên. Từ khi quân đội đảo chính lật đổ Tổng thống Joas Goulart năm 1964 tới nay, dân Ba-Tây sống dưới chế độ độc-tài. Khi thống chế Costa-e-Silva nhậm chức, người ta tưởng ông sẽ tiếp tục chính sách cũ, nhưng ông làm cho mọi người ngạc nhiên bằng cách dùng những biện pháp rất được lòng dân. Ông đã ra lệnh tái tuyển 1.500 công chức bị chính

phủ trước phế thải. Chính phủ của ông muốn tăng cường sức mạnh của các nghiệp đoàn công-nhân để có thể kiểm chế phe chủ nhân-Costa-e-Silva phu nhân lại còn can-thiệp để chính-phủ phải hứa tăng cường sự trợ giúp cho các trường Đại-học để có đủ chỗ cho sinh viên học.

Âu-châu : Anh chính thức gia-nhập thị-trường chung

Tại Âu-châu, một nước cũng đang ở dưới chế-độ độc-tài quân-sự là Hy-Lạp. Tuy tình hình đã trở lại bình thường, nhưng dân chúng đang sống trong một bầu không khí ngột ngạt. Đề bảo vệ thuần phong mỹ tục, Chính-phủ cấm con trai để tóc dài và con gái không được mặc váy ngắn. Số phận của André Papandréou đang bị đe dọa. Người ta đã lo ngại rằng André Papandréou có thể bị hành quyết mà không được xét xử. Các giáo sư Đại-học Mỹ và Tổng Thống Johnson đã can thiệp để André Papandréou được đưa ra tòa định tội, ngõ hầu tránh sự hành quyết hấp tấp. Chính phủ lại còn cấm 279 tổ chức nghiệp-đoàn, hội thể-thao... Các quan sát viên nhận thấy có sự bất đồng ý-kiến giữa tướng Pattakos, lãnh đạo cuộc đảo chánh và Đại-tá Papadopoulos, Tổng trưởng Phủ Thủ-tướng. Việc bất hòa này báo trước sự tiến triển của tình-hình Hy-Lạp trong những ngày sắp tới.

Tại Pháp, dân chúng cũng tỏ ra rất công-phẫn trước chính sách của De Gaulle. Như ta đã biết, cuộc bầu cử Quốc hội vừa qua đã cho De Gaulle một đa số rất nhỏ tại Quốc - Hội. Trong khi đó chính-phủ phải đối phó với những khó khăn kinh-tế. Số người thất nghiệp đã lên tới 370.000, mức phát triển xuống

thấp. Ngoài ra đến tháng 7/1968 Pháp bắt buộc phải bỏ hàng rào quan-thuế giữa Pháp và các nước hội-viên của Thị-trường chung. Muốn như vậy phải tổ-chức lại các xí nghiệp, các ngành sản-xuất. Nhưng những biện pháp của De Gaulle nếu đưa ra bàn cãi ở Quốc-Hội tất gặp khó khăn do thiếu số gây ra. Do đó De Gaulle quyết định xin phép Quốc-hội để được quyền dùng sắc-lệnh chứ không phải qua Quốc-hội nữa. Đã có một cuộc đình công trong một ngày để phản-đối tinh thần phản dân-chủ của De Gaulle.

Tại Anh, chính phủ Wilson quyết-định chính-thức xin gia-nhập Thị-trường chung. Chính-phủ Anh lần này hoàn toàn chấp-nhận các điều-khoản của thỏa-hiệp tạo lập chứ không xin sửa đổi như khi còn Thủ-tướng Mac Millan. Tuy Pháp làm khó dễ nhưng các quốc-gia hội viên khác sẽ vui lòng chấp nhận đơn của Anh vì họ cho sự gia nhập của Anh là một phương-tiện để kiểm-chế ưu-thế của Pháp trong tổ-chức.

Trung - đông : Nasser tiếp - tục tranh-đấu chống Tây-phương

Tại Trung-Đông, phe Nasser và phe thân Tây phương tiếp tục đấu tranh. Nasser hy vọng làm chủ được các vương quốc nhỏ ở miền Nam Ả-Rập sau khi quân đội Anh rút khỏi Aden vào tháng Giêng sang năm. Vì vậy Nasser không ngần ngại giảng hòa với cựu quốc-vương Arabie Séoudite là Saoud. Trước đây khi còn tại vị, Saoud là kẻ thù của Nasser. Sau đó, em của ông là Fayçal truất phế Saoud, lên ngôi và cải-tò quốc-gia với sự ủng hộ của Mỹ. Sự ổn định của Arabie Séoudite dưới quyền lãnh đạo của Fayçal là một mối đe dọa lớn cho Nasser, vì vậy Nasser đã súi dục

Saoud sang thăm Yemen nơi mà quân của Fayçal còn đóng rất đông để giúp cứu quốc vương Yemen là El Badr chiếm lại ngai vàng. Nasser thì hy vọng Saoud sẽ bắt buộc được, quân đội Arabie Séoudite rút về mà Saoud thì hy vọng Nasser sẽ đưa mình về nước chiếm được lại ngôi nên ưng thuận.

Canh bạc ngoại-giao này chưa đủ, Nasser luôn luôn sợ Mỹ phá mưu toan thôn tính miền Trung Đông của mình, nên đã súi bầy chính phủ Yemen chống lại Mỹ. Chính phủ Yemen, lấy cớ rằng Mỹ âm mưu lật đổ chính-thể Cộng-hòa Yemen, đã bắt giữ hai nhân viên của phái bộ viện trợ Mỹ ở Zaiz và tổ chức biểu tình phá trụ sở của phái-bộ Hoa-Kỳ. Hiện nay việc bang giao giữa Hoa Kỳ và Yemen hết sức căng thẳng.

Á Châu Cam-bốt trở lại trung-lập.

Tổng Thống Phác-Chánh-Hi vừa được dân chúng Đại Hàn tái cử làm Tổng Thống. Lần này Tướng Phác Chánh Hi đã thâu được một thắng lợi chính trị đáng kể; ông đã được tới 45 phần trăm số phiếu của toàn thể cử tri, so với 55% của 5 ứng cử viên khác. Sở dĩ Tổng thống Phác Chánh Hi được đắc cử một cách vẻ vang như vậy là vì trong 5 năm trời cầm quyền, ông đã lượm được những kết quả rất khả

quan trọng lãnh vực kinh tế với số gia tăng của lợi-tức quốc gia là 11,9% và trong lãnh vực chính trị với một chính phủ vững chắc.

Trong khi đó Thái tử Cam-Bốt Sihanouk cố tìm một thể quân bình giữa hai lực lượng tả và hữu. Tháng 11 vừa qua, sau cuộc bầu cử Quốc hội, đại đa số dân biểu được bầu đều khuynh hữu và Chống cộng. Tướng Lon Nol được bầu làm Thủ tướng. Để cứu vãn tình hình kinh tế Lon Nol, cho phép máy bay của hãng Pan American Airways đậu ở Nam-Vang, tại một trường bay do chính Trung-Cộng xây giúp. Ông còn dự tính cho phép những lính Mỹ tham chiến ở Việt-Nam được quyền sang nghỉ mát ở Cam-Bốt để được thêm ngoại-tệ.

Trước chính sách «thân Mỹ» của Lon Nol, tả phái nhao nhao đòi Sihanouk thay thế Lon Nol. Sihanouk không muốn thay Thủ-tướng dưới áp lực của phe tả nên ông không những không thay Lon Nol mà lại còn đem quân đi dẹp đảng cộng sản Cam-Bốt ở biên giới Thái-Cam-Bốt. Sau khi tự coi là đã loại trừ được cộng sản rồi, Sihanouk mới quyết định thay Thủ tướng để ông có thể lại áp dụng chính sách trung-lập cố hữu của ông.

TỪ TRÌ

Xin đón đọc :

VỀ TRONG SƯƠNG MÙ

truyện dài

của NGUYỄN THỊ HOÀNG do Thái Phương xuất bản sẽ phát hành trong tháng 6 năm 1967.

TRUYỆN-NGẮN

Tác giả : R. AZCONA

Dịch giả : VÕ LANG

Người hành khất mới

(Rafael AZCONA, sinh năm 1926 ở Logrono (Tây Ban Nha), thi sĩ tiên phong, tiểu thuyết gia, ký giả, họa sĩ, thường phác họa những mặt trái của lớp người nghèo hèn, yếu đuối... Ông là người tượng trưng rõ rệt cho một tinh thần hài hước, đượm khi chất buồn rầu, u uất đặc biệt y-pha-nho !)

Y cổ dẫu điếm nhưng điếm này lại càng dễ nhận thấy : đó là một tên hành-khất mới, hơi chuộng thời trang, tự phụ và còn sót lại nhiều tính chất trưởng giả. Y phơi bày sự cơ cực của y nhiều quá : cái ghét kinh niên, quần áo rách tươm, vẻ nhìn ảo não, tiêu tụy.

Ngủ một đêm dưới gầm cầu, bên cạnh một hạng người như thế, đối với tôi không có nghĩa lý chi cả . . . Người ta vẫn có thể nghèo khổ nhưng vẫn lấy lòng tốt đối xử với vận rủi, tai ương. Đây là một bản tính thiên nhiên mà tôi không bao giờ quên cả. Bản tính này đề cho phép tôi ngủ bên cạnh người hành khất mới kia và quên cả sự hiện diện của y. Tôi vẫn thường hành động như thế trong khi gặp nhiều trường hợp khó chịu : tôi trốn tránh sự thực ! Ví dụ sự thực là một người cảnh binh thời tôi cũng đào tẩu luôn !

Tôi thích cái cầu này lắm. Nó vượt qua dòng sông xanh của một thành phố huyền diệu nước Tây Ban Nha. Ở đây, sự thực thi nghề hành khất thu lượm được kết quả khả quan vì không phải bất cứ ở nước nào người ta cũng hành khất một cách tương-tự. Ở Tây Ban Nha, hành khất không những chỉ là một phương tiện kiếm sống nhưng còn là một môn thể thao rất mê ly và hấp dẫn ! Tôi rất thích đến gần các làng nhỏ bé, xinh xinh, đầy nhóc chó dữ, trẻ con nghịch ngợm và những người lớn biết nói ôn tồn hơn ai hết :

— Thượng Đế sẽ che chở ông !

Trước khi vào làng, tôi thích đọc nhiều lần khẩu hiệu viết trên tường :

« Ở xã này cấm ngặt sự báng bổ và hành-khất ! »

Tôi rất yêu quý nghề của tôi. Các sự khó khăn, trở ngại mà tôi gặp trong khi hành nghề lại càng làm cho tôi say mê, hăng hái thêm. Tôi vào làng này giống hệt như một chiến sĩ gan dạ khi tiến ra sa trường. Những sự cảm đoán triệt để trong các bích-chương vang dội trong tai chúng tôi, tiếng chó sủa um lên khi chúng tôi đi qua, trẻ con ném đá theo chúng tôi... Nhưng các người lớn thông cảm, lịch sử, bảo chúng tôi :

— Chúa lòng lành vô cùng che chở cho các ông !

Tại sao tôi không thấy sung sướng khi, trong bầu không khí cởi mở như vậy, tôi xin được một mẩu bánh mì dù đã ăn dở hay một đồng mười xu, dù là tiền giả?

Nhưng tôi đã đi ra ngoài đầu đê. Tôi đang nói chuyện về người hành khất mới. Tôi nói rằng tôi yêu mến cái cầu ấy lắm vì nó che chở cho cả hai đứa chúng tôi đêm hôm ấy. Đó là một chiếc cầu đá như tất cả các cầu khác biết tự trọng. Tôi rất sợ những cầu kim-khí. Không nói đến những sự bất tiện nữa, chúng lại còn hẹp lượng, lạnh lẽo, kém thẩm mỹ. Dưới những thanh sắt chằng chịt, người ta thấy lo âu, bé nhỏ, vô ích. Dưới một nhịp cầu đá, người ta cảm thấy sự cần thiết phải nhìn ngắm các ngôi sao, hút một mẩu thuốc cuối cùng và sau hết, ngủ một giấc ngon lành như một người đại phúc ! Gió không gào rít, mưa không ướt át, lạnh buốt không len lõi được.

Sau khi lặng ngắm các ngôi sao, tôi vừa lấy chân đạp người lạ mặt, ngầm bảo cho y biết là tôi có ý định dở mình, đổi chỗ để lấy một mẩu thuốc lá ở trong túi-dắt thời tôi liền nhận thấy kẻ ngu dại kia có vẻ quan-trọng-hóa vấn đề. Y nhìn tôi qua hai vai với một điệu bộ khinh khỉnh mà y không thể đoán được rằng dưới bộ quần áo rách rưới của tôi là trái tim của một người nghèo khổ có nhiều chấy rận nhưng trong giòng họ cũng đã có những người chuyên-nghiệp bầy đời hành-khất !

Tôi chịu đựng cái nhìn của y và nghe thấy y làu nhàu :

— Thiệt là ghê tởm!... Không sao thoát được những người lạ mặt !

Tôi không thêm dếm xia tới sự xúc phạm ấy. Tại sao ? Tôi kiêu hãnh lắm : tôi đã ý thức được rõ rệt tôi là ai, giá trị tôi thế nào để có thể hạ mình nói chuyện với một tên vô danh tiểu tốt mới nhập tịch làng hành-khất... Tôi chỉ nhờ xuống đất...

Rồi tôi đánh diêm, châm mẩu thuốc, hút với một vẻ khoái trá, sung sướng và hòa mình với thiên nhiên. Chính ra những người hành khất thực thụ như chúng tôi đều là những nhà bảo thủ. Chúng tôi vẫn biết rằng mọi cuộc cách mạng đều bao hàm một thay đổi nhưng chúng tôi lại không thích có sự thay đổi. Tại sao ? Để cho xã-hội trao tay cho chúng tôi một dụng-cụ ư ? Không ! Chúng tôi vẫn an thường thủ phận và sẽ hoàn toàn sung sướng nếu đời sống của chúng tôi cứ như thế này mãi.

Tôi không hiểu các bạn đồng nghiệp của tôi lý luận ra sao nhưng chắc chắn là họ sẽ cùng một quan niệm như tôi. Trong khi đi hành khát, tôi đã làm đầy đủ một nhiệm vụ xã hội. Nhờ tôi nên thiên hạ mới có thể tận hưởng cảm giác khoan khoái của sự nhân từ, bác ái. Họ càng nhận thấy chân giá trị của cái giường êm ấm và ấm nước nóng sôi trong những đêm đông dài lạnh lẽo khi họ nghe mưa rơi, gió thổi trên mái nhà rồi liên tưởng đến tôi với các bạn đồng nghiệp của tôi đang ở cảnh màn trời, chiếu đất ! . . .

Trời ơi ! Tôi lại ra ngoài đầu đề rồi ! Đây là điểm thường xảy ra cho tôi dù trong khi tôi đang xin của bố thí vì tình yêu THIÊN CHÚA. Chỉ một vài giây phút vô ý là hấp ! tôi lại nói ba hoa, lạc đề ! Thỉnh thoảng mà thoát khỏi lẽ lối sáo cũ cũng là một việc thú vị nhưng có những trường hợp mà sự ưa thích kỳ cục này có thể đem tới nhiều hậu quả trầm trọng. Một buổi chiều đẹp trời kia, trong khi tôi đang hành khát ở vùng Castilles thời sự lạc đề dễ dãi của tôi suýt làm tôi mất mặt. . . Tôi vừa tiến lại gần một căn nhà vừa rên la bằng một giọng thảm thiết nhất ?

— Xin làm phúc cho một người nghèo không thể nào kiếm ăn được !

Lát sau, một thiếu nữ xinh đẹp hiện ra ở cổng. Hồi đó tôi còn là một người trẻ tuổi và ở khắp thế giới, kể cả miền Castilles — đây là một điều hiếm có — tuổi trẻ là mùa xuân. . . Tôi lạc đề (tay vẫn chìa ra, hau háu cầm với sự biết ơn miếng bánh mì của thiếu nữ đưa tặng) và nói một mẩu truyện. . . rồi cả kê dê ngỗng, câu truyện kéo dài. . . Cho đến nỗi chỉ còn chút xiu nữa là tôi sẽ ở lại hái lấy kết quả mỹ mãn và tệ hại hơn nữa, định kết hôn với thôn nữ xinh đẹp kia !

Tôi đang nói về người hành khát mới. . . Tôi nói là tôi đang hút mẩu thuốc cuối cùng trong ngày. Vừa hút tôi vừa nghĩ đến công việc của tôi mà quên khuấy mất con người bị quỷ ám. Y không ngớt trần trọc tìm một thể nằm để ngủ rồi thỉnh thoảng tôi thấy y đứng ngay dậy trước mặt tôi, cúi xuống một cách khúm núm, đê tiện. . . Có lẽ một người bạn nào đó đã nhắc khéo cho y biết rõ ngôi thứ của tôi trong giai cấp những người hành khát, nên con người khốn khổ này mới vội vàng đến xin lỗi tôi.

Đúng như vậy ! Tên hành khát không giai cấp, tên du đang cặn bã, tên bần cùng tạm bợ này ấp úng, ngượng ngập nói với tôi :

— Ông tha lỗi cho tôi. . . Tôi không biết rằng ông. . . Vì có nhiều sự chung đụng, hỗn tạp giữa các giai cấp nên tôi tưởng. . . Nếu tôi đã làm phiền lòng ông. . . Xin ông tin cho rằng tôi không hề có ác ý. . . Tôi rất sẵn sàng. . .

Thiệt là tội nghiệp ! Ở đây, người ta vẫn còn cảm thấy nguồn gốc chánh cống của mình ! Một người hành khát thuần túy, ý thức rõ rệt địa vị của mình, sẽ xin lỗi một cách khác. Tôi cứ để cho y nói mãi đến hết hơi. Y làm cho tôi bùi ngùi, đau khổ—kể cũng hơi khó khăn cho một người hành khát biết thương ai— rồi sau cùng, tôi cho y đồng năm xu, có ý muốn y để cho tôi được yên thân.

Rồi tôi dậy, đi ngủ ở gầm cầu đằng kia. Nếu tôi còn nằm bên cạnh y thời có lẽ suốt đêm tôi không tài nào nhắm mắt được vì ở người y toát ra một sự cơ cực quá đáng để có thể trở nên một người nghèo khổ thực sự !

Người ta có giọng dối, nguồn gốc hay là không.

Dịch giả : VÕ LANG

ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

Cách-mạng và Karl Marx

— Trong bài « Marx là một chính trị gia dân chủ » đăng trên tuần báo Express số 823, ký giả Jean François Revel đã giới-thiệu nội dung 2 cuốn sách. Cuốn thứ nhất nhan đề « Luận về cách mạng » (Essai sur la Révolution) của Hannah Arendt. Cuốn thứ hai nhan đề : « Ý thức hệ lạnh » (Idéologie froide) của Kostas Papaioannou.

Ký giả J. F. Revel đã khéo tóm lược những ý chính của hai cuốn sách đó và nêu bật một số ý-niệm mới về cách-mạng.

Ông viết : « Những cuộc cách mạng thất bại có phải là những cuộc cách mạng mà người ta nói tới nhiều nhất không ? Muốn thần thánh hóa một cuộc cách mạng có nhất thiết phải đưa nó tới độc tài không ? Có phải là vì thất bại mà nó đưa đến việc thiết lập một chế-độ phản-động không ? »

Người ta thấy có vẻ như vậy bởi vì cuộc Đại cách-mạng Pháp và cuộc cách mạng tháng 10 Nga đều là những mẫu mực hoàn hảo nhất về cách mạng, thế mà cả hai cuộc cách mạng đó đều đưa đến một chế độ trái hẳn lại với tự do. Trái lại, cuộc cách mạng Hoa-kỳ hầu như bị lãng quên chính bởi vì nó đã thành công, chính bởi vì nó đã thể hiện một cách trường cửu trong các định-chế. Hannah Arendt đã viết : « Cái sự thực đáng buồn nhất là cuộc cách mạng Pháp đã kết thúc bằng thảm bại, nhưng lại là lịch sử của thế giới, còn cuộc cách mạng Hoa-kỳ tuy thành công rực rỡ nhưng vẫn chỉ là một sự việc chỉ có tầm quan trọng địa-phương mà thôi. »

...Ở Âu-châu, người ta thấy cách mạng thường ngã nghiêng giữa 2 lý tưởng: lý tưởng thứ nhất là tự do chính trị và lý tưởng thứ hai là bình đẳng kinh tế và xã-hội. Điều mà người ta thường thấy định-kỳ xảy ra ở cả Pháp lẫn Liên-xô là người ta đã nhân danh lý tưởng thứ hai để từ bỏ lý tưởng thứ nhất. Mọi người đều biết về những lời phê bình của các người mác-xít khi bàn đến những tự do « hình thức » của các chế-độ dân-chủ tư-sản. Từ kẻ nghèo đến người giàu, từ cái tờ-rớt (trust) hùng mạnh đến cá nhân cô độc, mọi người đều không được võ trang một cách đồng đều để được hưởng sự che chở thực-tế của pháp-luật. Những

lời phê bình đó, đáng lẽ phải thúc đẩy những người theo chủ-nghĩa xã-hội góp thêm cho những « hình thức » tự do đó một nội dung, nhưng oái oăm thay, nó đã thúc đẩy họ đến chỗ từ bỏ cả những hình thức đó.

Vì vậy mà bên cánh tả, người ta đã có một thành kiến sâu sắc rằng những cuộc tranh luận về định-chế về sự thăng bằng giữa các quyền, về sự tham chính, chỉ là những tranh luận nghị-trường suông.

Thực ra chưa bao giờ Marx nói là công-bình xã-hội ở bên này những tự-do tư-sản mà là ở bên kia. Ông chỉ trích sự thiếu sót của các tự do đó chứ không chỉ trích sự hiện-hữu của nó. Chính Kostas Papaioannou trong « ý-thức-hệ lạnh » đã nhắc ta như vậy.

Khi mô tả sự chuyển biến nhanh chóng của cuộc cách-mạng tháng 10 thành sự trái ngược của nó, ông ấy đã đưa ta đến cái chủ-thuyết của ông là : « Chủ nghĩa xét lại thực ra chỉ là một sự trở lại đường lối chính thống của chủ-nghĩa Marx ». Ông nhấn mạnh rằng Marx chưa bao giờ bênh vực lý-thuyết kỳ quái về sự trái ngược giữa tự-do và công-bình.

Papaioannou đã dẫn chứng một câu nói của Lénine trích trong một bài báo. Lénine đã viết sau cái chết của Engels vào năm 1895 : « Marx và Engels đã trở nên những chính-trị-gia xã-hội sau khi đã là những chính-trị-gia dân-chủ. Ở các ông sự căm hờn đối với độc tài chính trị xuất phát từ ý thức dân-chủ rất mạnh mẽ. Cái ý thức chính trị sẵn có đó hòa hợp với một sự hiểu biết lý-thuyết sâu rộng về quan hệ giữa độc tài chính trị và áp bức kinh tế, cùng với kinh nghiệm rời rạc của các ông đã làm cho Marx và Engels rất nhạy cảm trước những sự đổi thay đó »

Khi bỏ lãnh vực hiến-pháp để bước sang lãnh vực xã-hội mà cho rằng người ta có thể có bình đẳng một khi tự-do đã mất, cuộc Đại cách-mạng Pháp đã nhằm. Hannah Arendt đã chỉ cho ta biết ở Âu-châu người ta thường hay lẫn lộn giữa một số ý-niệm : giữa cuộc cách mạng quan niệm như « phát bánh cho kẻ nghèo » và cuộc cách mạng quan-niệm như thiết lập tự-do ; giữa giải phóng và tự do, nghĩa là giữa sự nổi dậy chống lại bất công và sự thiết lập một trật tự làm cho các công dân có thể vĩnh viễn nắm chính quyền ; giữa những quyền tự do cá nhân bảo đảm cho mỗi người khỏi bị chánh quyền xâm nhập vào đời sống riêng tư của họ và quyền tự do chính trị, mà ông Jefferson đã gọi là « hạnh phúc của công dân » nghĩa là đưa người công dân lên địa vị cùng nắm chánh quyền.

Nay chúng ta đều biết rằng việc nâng-cao mức sống của quần chúng không bắt buộc phải giảm bớt hoặc hủy bỏ nền dân-chủ chính-trị. Hơn thế nữa, chúng ta đều có thể lấy lịch-sử chứng minh rằng sự hủy diệt của tự-do bao giờ cũng đưa tới hiệu-quả là sự cáo chung của nền thịnh vượng. Những « bậc lão tổ » của cách mạng Âu châu và những « cha sáng lập » của cách mạng Hoa-kỳ không phải là đã hỏng cả như người ta tưởng, cũng như Condorcet không phải hoàn toàn ngu xuẩn khi ông viết : « Chỉ cách-mạng chỉ có thể áp dụng cho những cuộc cách mạng mà tự do là cứu cánh ».

Thế giới vào năm 2000 sẽ ra sao ?

Dưới đây là lời tiên đoán của ông Herman Kahn, 45 tuổi, về thế giới ngày mai, Herman Kahn là một nhà bác học, một lý thuyết gia quân sự, một chiến lược gia, đã viết về «Chiến tranh nguyên tử» cuốn sách gối đầu giường của các tướng lãnh Ngũ-giác-đài và điện Cẩm linh. Chính ông đã đưa ra con số khủng khiếp : 160 triệu người Mỹ sẽ chết trong một cuộc chiến tranh nguyên tử. Chính ông đã nghĩ đến việc chôn sâu xuống 600 thước đất một cái máy « tận thế », máy này sẽ làm nổ tung quả địa cầu trong trường hợp Hoa kỳ bị địch tấn công. Máy đó, theo ông, phải làm trong 10 năm và tốn 10 tỉ mỹ kim nhưng còn rẻ hơn là giá của cả một hạm đội phóng-pháo-cơ chiến lược của Hoa kỳ.

Ông là một nhà vật lý học, một nhà toán học lại kiêm một lý-thuyết-gia nên những tính toán của ông không phải là không có căn bản khoa học.

Gần đây ông có viết một cuốn sách « Ba mươi ba năm sau » Trái hẳn với cái nhìn bi quan trước của ông, lần này ông có một cái nhìn rất lạc quan. Thế giới sẽ sung sướng trong vòng 33 năm tới. Theo tính toán của ông thì cho tới năm 2000 sẽ không có chiến tranh. Thế giới sẽ bước vào một kỷ nguyên hòa bình và thịnh vượng không tiền khoáng hậu trong lịch sử nhân-loại. Trước khi đi đến kết luận đó, ông có cả một bộ tham mưu gồm hàng trăm nhà toán học, vật lý học họp thành viện Hudson, làm việc với những máy điện tử tối tân, đưa ra hàng trăm giả thuyết và giải quyết theo những con tính rất phức tạp đưa ra những ý kiến đối chiếu với nhau, tính toán lại rồi mới đưa đến kết quả mong muốn. Do lối tính toán phức tạp đó mà ông đã đi đến kết luận rằng chiến tranh nguyên tử không thể xảy ra... Từ nay đến năm 2000 các biên thùỵ vẫn giữ nguyên. Hai nước Đức vẫn còn tồn tại. Các nước cũng hết mộng xâm lăng. Phần lớn các nước đều có định-chế vững vàng. Người ta nói ít về chính trị và nói nhiều hơn về kinh tế và thương mại. Về phương diện kinh tế, cũng sẽ không có những khủng hoảng trầm trọng như vào năm 1930. Nền kinh tế thế giới sẽ cứ tiến triển đều đều và sẽ hết sức thịnh vượng. Người ta sẽ chứng kiến một cuộc cách mạng kinh tế thứ hai : Trước kia máy móc chỉ có thể thay nước đề làm các công việc lao động nặng nhọc. Rồi ra, máy móc sẽ thay người đề suy nghĩ.

Năm 2000, thế giới sẽ có vào khoảng 6 tỉ dân (gần gấp đôi ngày nay). Nhưng đừng tưởng sẽ phải sống khó khăn chật vật đâu. Nhờ sự tiến bộ vượt bực của khoa học, người ta sẽ bước vào kỷ nguyên của sự rỗi rào. Con người ta sẽ làm việc ít hơn và sẽ có nhiều thì giờ ăn chơi hơn. Văn hóa sẽ phát triển mạnh mẽ. Người ta sẽ tìm ra nhiều lối tiêu khiển mới làm cho cuộc sống thích thú hơn nhiều.

Lúc đó Hoa Kỳ sẽ có một dân số khoảng 320 triệu, lợi tức tính theo đầu người sẽ lên tới 10.000 đô-la (1 triệu rưỡi bạc VN). Ngày nay chỉ mới có 3625 đô-la thôi. Nga sẽ có một dân số là 350 triệu người và lợi tức tính theo đầu người sẽ là 5000 đô la (hơn lợi-tức của Hoa-Kỳ ngày nay).

Còn Trung-Hoa thì sao ? Theo ông Kahn tiên đoán thì Trung-Hoa vẫn chưa thoát

ra khỏi tình trạng chậm tiến ngày nay. Lợi tức tính theo đầu người không quá 300 đô la. Sở dĩ như vậy là vì các nhà lãnh tụ cách mạng Trung-Hoa không muốn cho nước họ theo gót chủ nghĩa xét lại. Liên Xô bước chân vào con đường của chủ nghĩa tư bản.

Cả thế giới chỉ còn độ 750 triệu dân (nhất là ở Phi Châu) còn sống trong tình trạng chậm tiến. Các nước như là Mỹ Tây Cơ, Nam Dương, Ai Cập, Hồi Quốc cũng tiến tới một tình trạng trung bình.

Các nước bại trận như Đức, Nhật sẽ ở trong tốp đầu của cuộc chạy đua kinh tế. Nhưng đừng vội tưởng là Hoa-Kỳ và Nga-Sô, 2 siêu cường quốc vẫn là những nước phồn thịnh nhất.

Đến năm 2000, nước phồn thịnh nhất cũng không phải là nước Đức mà chính là nước Nhật. Trong vòng 10 năm nữa, Nhật sẽ vượt Đức về sản xuất kỹ nghệ và đứng hàng thứ ba trên thế giới sau Hoa kỳ và Nga Sô. Đến năm 2000, lợi tức tính theo đầu người của Nhật bản sẽ vào bậc cao nhất thế giới, nghĩa là vào khoảng 10.000 đô la, vượt xa các nước Âu-Châu. Rồi chỉ ít năm sau nữa Nhật sẽ vượt cả Hoa kỳ. Nhưng liệu Nhật-bản, khi cường thịnh tới mức độ đó rồi, có bỏ được mộng xâm lăng ấp ủ từ ngàn xưa không? Từ nay cho tới năm 1975, Nhật có thể sản xuất được 1000 quả bom hạt nhân một năm và sẽ có những hỏa-tiến chính xác không kém gì của Hoa kỳ và của Nga sô.

Nhưng liệu Nhật bản có sẽ là một mối đe dọa cho hòa bình thế giới không? Người Nhật thì nói rằng không, vì họ đã bắt chước Tây phương và đã vượt Tây phương thì ngày nay Tây phương lại phải bắt chước cái lối suy nghĩ của họ để mà bắt kịp họ. Cuộc chạy đua sẽ là một cuộc chạy đua hòa bình.

Ông Kahn cũng chưa lấy gì làm chắc chắn vì ông cho rằng hòa bình có nhiều cảm dỗ nên hòa bình sẽ thắng.

Nhất là tại các nước siêu kỹ nghệ như Mỹ, Nhật, Nga, Tây-Âu, văn minh loài người sẽ phát triển tới một mức độ chưa từng có. Người ta sẽ tiến tới làm việc một tuần 4 ngày, một năm 39 tuần và có 218 ngày nghỉ. Do đó, thì giờ để đi tìm thú vui sẽ nhiều lên và với những phương tiện khoa học thời đó, người ta sẽ sáng chế ra những lối hưởng lạc kỳ diệu.

Tóm lại, cái nhìn của ông Kahn vào năm 2000 là cái nhìn rất lạc quan chứ không phải một cái nhìn «tận thế» như nhiều nhà tiên tri bi quan khác.

Ta hãy cố hy vọng sống tới năm đó, để mà coi. Cũng chẳng còn bao xa. Chỉ 30 năm nữa thôi, một thời gian tuy dài đối với một người nhưng lại rất ngắn ngủi so với xã hội loài người. Ông Kahn chắc khó lòng đoán nổi xã hội loài người 100 năm nữa sẽ ra sao chứ đừng nói 1000 năm nữa. Viễn tượng vẫn đen tối, hãi hùng.

Phi-cơ vận-tải khổng-lồ

Hoa kỳ hiện nay đang bỏ một số tiền khổng lồ là 1 tỷ mỹ kim để thí nghiệm

đóng 2 chiếc phi cơ vận tải khổng lồ, tính đến năm 1970 sẽ hoàn thành. Lúc đưa chương trình này ra thượng nghị viện, suýt nữa thì bị bác vì cuộc chiến tranh VN đã hút mất quá nhiều rồi. Sau T.T. Johnson phải kêu gọi các thượng nghị sĩ rằng đó là một vấn đề sinh tử của nền hàng không Hoa kỳ, lúc ấy mới được chấp thuận.

Chiếc phi cơ chở khách khổng lồ sẽ ra đời đó, được đặt tên là chiếc Boeing 2-707. Nó chở được 300 hành khách, bay nhanh 3000cs/giờ, vượt hẳn chiếc Concorde do Âu châu đóng : 150 hành khách và 2400cs/giờ (nên nhớ là chiếc Boeing 707 ngày nay chỉ chở được 120 hành khách với tốc độ chừng 1000 cây số / giờ). Chiếc Concorde sẽ được đem ra sử dụng vào năm 1971, còn chiếc Boeing 2-707 vào năm 1974. Còn Nga Sô cũng dự định đóng một loại phi cơ chở khách khổng lồ còn đủ tiện nghi và «tư bản» hơn chiếc Concorde. Đó là chiếc TU-144 bay một mạch được 7000cs. Chiếc Boeing 2-707 tuy sinh ra sau nhưng sẽ lớn hơn và mạnh hơn 2 kiểu phi cơ chở khách của Âu Châu và Nga.

Trong vòng 5 năm nữa ta sẽ được đi chặng đường từ đây sang Paris trong khoảng 6 tiếng đồng hồ, chỉ cần đỗ 2 nơi (ngày nay phải đi mất 18 tiếng, đỗ 4 nơi).

Một thí-nghiệm về lưu-thông sẽ được thực-hiện nay mai tại Thụy-Điền (Suède)

Đúng ngày chủ nhật 3-9-1967 sắp tới này, ở Thụy-Điền người ta sẽ cấm hết mọi sự lưu-thông trên bộ trừ xe chữa lửa, xe hồng thập tự và xe buýt chuyên chở công cộng. Sáng thứ hai sẽ bắt đầu cho lưu thông trở lại, nhưng xe cộ sẽ chạy rất chậm. Trong 3 ngày đầu, tốc lực lưu thông sẽ là 40 cs trong thành phố và 60 cây số ở đường trường. Trong một tháng đầu, tốc độ chỉ được phép lên đến 70 cây số giờ.

Tại sao như vậy ? Vì đúng ngày 3-9-67 tất cả quân đội và cảnh sát Thụy-Điền sẽ được huy động để quay ngược lại các bản chỉ đường, bên này đem về sang bên kia, xoay ngược lại hướng đi, kẻ lại tất cả đường vàng cho phép hay cấm qua mặt. Tóm lại vào ngày 3-9-67 người ta sẽ đổi phía lưu thông từ bên trái qua bên mặt trên toàn lãnh thổ Thụy-Điền. Vì từ 4 năm nay, Quốc-Hội Thụy-điền đã biểu quyết một đạo luật đổi phía lưu thông cho phù hợp với các nước Âu-châu khác, cho mãi tới nay mới quyết định đem ra áp dụng. Trong 4 năm qua, người ta đã chuẩn bị rất kỹ càng. Đã 2 lần người ta đem vấn đề ra trưng cầu dân ý. Người ta bỏ ra 600 triệu quan để làm lại các bảng hiệu, để đem các cửa xe buýt từ bên trái qua bên phải. Người dùng radio, TV, báo chí để giáo dục dân chúng quen với lối đi bên phải. Người ta dạy trẻ con thực hành ở nhà trường. Người ta còn nghĩ tới cả cách chỉ dẫn cho những người mù, câm điếc. Chỉ hại cho những người chủ xe phải bỏ tiền túi chuyển tay lái qua bên trái, nhưng chính phủ đã nghĩ đến cách cho họ được trả dần.

Ở Âu châu hiện nay chỉ còn một mình nước Anh là giữ lối đi bên trái. Trong tương lai chưa chắc gì họ đã chịu thay đổi vì

người Anh rất tôn trọng cồ tục và rất hãnh diện giữ được tính cách cá biệt của họ so với Âu-châu.

Còn ở trên thế giới thì ngày nay chỉ có những xứ xưa kia là thuộc-địa của Anh hoặc chịu ảnh hưởng Anh mới theo lối lưu thông bên trái ví dụ như Tân gia ba, Mã Lai, Thái Lan, Hong kong... Nhật bản cũng lưu thông bên trái. Trái lại, Hoa-kỳ cũng là một nước nói tiếng Anh nhưng lại theo luật lưu thông bên tay mặt.

Những điều cần biết ở nước Nhật siêu kỹ nghệ

Nước Nhật ngày nay với 98 triệu 500.000 dân mà đang thiếu nhân công. Các hãng lớn của Nhật đặt phòng giấy tuyển mộ ở cả những vùng thôn quê hẻo lánh nhất để nài ép những thanh niên từ 16 đến 17 tuổi đi làm cho họ. Nhân công Nhật hiện nay chỉ rẻ bằng hơn một nửa nhân công Âu Châu.

Mới cách đây 10 năm, cứ mỗi chỗ làm trống là có 3 người xin việc. Ngày nay, cứ mỗi chỗ trống, chưa tới một người xin việc. Xuất số sinh của Nhật đã giảm từ 34% vào năm 1947 xuống còn 18% ngày nay (còn thấp hơn cả ở Hoa Kỳ và Anh). Như vậy ta tính rằng bắt đầu từ 1975, mỗi năm sẽ có 1.190.000 học sinh ra trường, năm 1966 số học sinh Nhật ra trường là 1.630.000 người.

Việc kéo dài thời gian đi học đến quá 15 tuổi lại làm cho nhân công đã thiếu lại càng thiếu thêm. Các hãng lớn đua nhau gửi các chuyên viên đi thăm các trường để hy vọng tuyển mộ nhân công thanh thiếu niên rẻ tiền hơn. Có nhiều người lại nghĩ cả đến việc nhập cảng nhân công rẻ tiền nữa. Nhưng ở một nước đã quá đông đúc, vấn đề ngoại kiều nhập nội chắc chắn sẽ gặp nhiều cản trở. Do đó mà nảy ra một chủ-trương mới: Nhật tăng cường bỏ vốn đầu tư ở các nước láng giềng có nhân công rỗi rảnh như Đại Hàn, Đài Loan và các nước Đông-Nam-Á. Lúc đầu Nhật còn dè dặt; nếu không gặp phản ứng, họ sẽ tăng cường và họ có thể vượt qua cả biên giới các nước Á Châu nữa. Ngày nay người ta đã thấy bán ở Pháp những máy thu thanh transistor của Nhật làm ở Ai-Nhi-Lan.

Một phong trào mới: Xâm mình

Xưa kia xâm mình là chuyện rất thường. Tên người yêu, tên kẻ thù, thích trên người để ghi nhớ mãi; hình trái tim có mũi tên xuyên qua để kỷ niệm một hận tình, hình chiếc mỏ neo để phô trương nghề sông nước; có người thích cả một cái đầu rồng, một mặt hồ phù, một đôi câu đối trên ngực... Có lẽ chỉ có vua Trần Anh Tông là người thấy Thượng-hoàng gọi tới để thích hình rồng vào đùi thì bỏ

trốn mắt về cung (1). Ngày nay ở Việt Nam lớp người trẻ không ai xâm mình như vậy nữa. Nhưng ở Đan Mạch thì đó lại là một « mốt » đương thịnh hành : 37% những cô cậu dưới 20 đã thích hình, thích chữ trên người. Ở Luân-đôn người ta đã nghĩ đến chuyện cấm những thiếu niên dưới 18 tuổi xâm mình vì các cậu đua nhau thích những hàng chữ tỏ tình mến yêu cha mẹ.

Ở Huê Kỳ phong trào « trang điểm thân xác » trên đây cũng không kém phần sôi nổi mà không phải chỉ giới hạn trong lớp trẻ mà thôi. Nhưng thay vì thích chữ, thích hình bằng kim, bằng chàm để ăn chặt vào da suốt đời thì họ dùng loại giấy để in chữ, in hình trên da như các em học sinh vẫn in trên giấy. Những hình đó in xong, trông như thích vào da thực, nước rửa không phai, bền được tới vài ngày, và có thuốc để lau sạch ngay.

Phong trào in hình trên da ở Huê Kỳ, theo tuần báo L'Express, thì đã lan sang tới Pháp và đem lại cho các nhà buôn một mối lợi không nhỏ. Oái oăm là kẻ nghĩ ra lối in hình đó lại không phải người Mỹ mà lại là một thanh niên Pháp khoảng 30 tuổi, Régis Mialin. Người sáng chế ra lối in hình trên da đã than rằng : « Bốn năm trước thì « mốt » này đối với mọi người còn mới mẻ quá. Thời gian trôi qua, mọi « mốt » đều tiến hóa, người ta che đậy thân xác càng ngày càng ít đi thì phần da thịt phô ra tất phải có cái gì trang điểm vào chỗ đó ».

Điều hòa sinh đẻ

Túi cao su, nắp kim khí, thuốc viên, vòng xoắn... mà bạn Ngọc Vân đã trình bày cùng bạn đọc trong bài « Điều hòa sinh đẻ » (B.K.T.Đ. số 240 ngày 1-1-67) đã cũ rồi. Hội nghị kiểm chế sinh đẻ thế giới họp lần thứ tám tại Santiago xứ Chili với 450 chuyên viên và bác học các nước (đa số người Anh và Mỹ) đã kiểm điểm về sự hiệu nghiệm của các phương pháp hạn chế sinh đẻ áp dụng từ trước tới nay và nêu lên những phương pháp mới.

Phương pháp mới đây là thuốc chích. Bác sĩ Adward Tyler ở Los Angeles đã đưa ra một công thức thuốc chích mà các chất thuốc trong đó cũng tương tự như những chất của thuốc viên vẫn thường dùng, nhưng nếu thuốc viên mỗi tháng phải uống tới mấy chục viên thì thuốc chích, ba tháng mới phải chích có một lần mà kết quả thực bảo đảm : 136 phụ nữ được chích để thí nghiệm đã thấy công hiệu 100%.

Bác sĩ Zanarti xứ Chili cũng chế tạo được thứ thuốc chích gồm hai loại để chích liên tiếp, một thứ 6 tháng chích một lần và một thứ 3 tháng chích một lần.

Giờ đây người ta chỉ còn đợi xem tác dụng về lâu về dài của các thứ thuốc này đối với người dùng có gì nguy hại cho sức khỏe hay không mà thôi.

BÁCH-KHOA T.Đ.

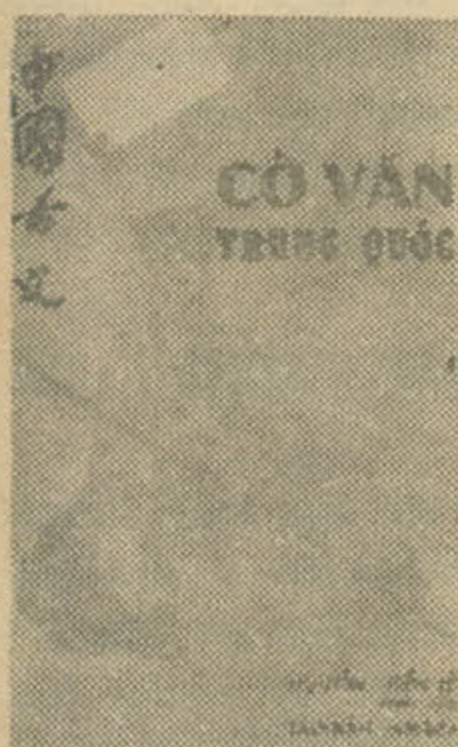
(1) Xem bài « Người gốc Hoa làm Vua đất Việt » của Nguyễn Phương trên BK.T.Đ. số 245 (15-3-67) trang 14.

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

CỔ VĂN TRUNG-QUỐC

NGUYỄN-HIẾN-LÊ chọn dịch và giới thiệu

TAO ĐÀN xuất bản. — 482 trang, giá 450đ.



Dịch giả. — Sinh ngày 8-1-1912 tại Hà-nội, nhưng quê ở làng Phương-kê tỉnh Sơn-tây (Bắc-Việt).

Nhân viên sở Công chánh từ 1935, thường đi công cán miền Hậu-giang. Sau biến cố lịch sử 1945, không trở lại ngạch cũ, mà dạy tư, dạy công ở Long-xuyên, rồi từ năm 1952, lên ở Sài-gòn, dựng nhà xuất bản và sống bằng ngòi bút. Sách ra khá nhiều, tự mình xuất bản và cũng do người khác xuất bản: sách về loại « học làm người », sách về nghệ thuật sống (dịch theo Âu Mi), sách biên khảo về văn học, về gương danh nhân, về giáo dục, triết học, khoa học.

oOo

Tác phẩm:

Hắn đây là để trả một món « nợ ».

NỢ từ ngày soạn giả cho ra đời bộ « Đại cương văn học sử Trung-hoa » (1). Bộ sách giá trị này bán rất chậm, nhưng 11 năm qua rồi cũng hết và phải chờ nó được tái bản hơn năm, người đã đọc nó mới thỏa lòng mong đợi khi cầm *Cổ văn Trung quốc* trên tay, bởi quyền này là phần bồi túc cho « Đại cương văn học sử Trung-hoa » vốn cho ta thưởng thức khá nhiều thơ.

Ai cũng biết văn Nôm ta, và cả văn Quốc ngữ trước 1932, đã chịu đậm đà ảnh hưởng văn Trung-quốc, về nội dung cũng như hình thức. Cho nên những ai nặng tình với nền văn chương cũ — nhà nghiên cứu cũng như khách thưởng văn, người cầm bút, người tự học cũng như sinh viên ban Việt-Hán — ai

(1) Năm 1954

mà chẳng muốn có người hướng đạo tận tình đưa mình vào cái thế giới vừa khép lại mà hoa kì, cỏ lạ, cây to, hương thơm lảm thứ chẳng phải là điều hiếm vậy ; chưa kể ý, tình của ai xưa sao lại giống của ta giờ ; chưa kể những « cổ nhân » thoáng gặp thiếu thời, khi còn ôm gối ông, cha hay đã nghiêm trang trên ghế học trò : thiên Li tao nào nuốt, phú Đằng-vương các tài hoa...

Hưởng hồ chi cái thế giới kì ảo ấy lại được Nguyễn-Hiến-Lê tiên sinh khéo léo và cần trọng chỉ đường, chọn nẻo.

Một trăm lẻ một bài cổ văn được tuyển (từ thời Xuân-Thu cho đến đời Minh) theo ba tiêu chuẩn như sau :

— Cần nhất là tư tưởng đẹp, nghệ thuật cao.

— Phải có đủ mẫu về mỗi thể văn ; nhiều bài tuy có tính cách ứng thù nhưng có giá trị trường cửu thì cũng lựa.

— Mỗi bài tiêu biểu cho văn tài, tư tưởng hoặc tâm sự mỗi nhà.

Những bài này sắp theo thứ tự thời đại và tác giả với tiểu sử cùng xuất xứ. Bài nào cũng có nguyên văn chữ Hán, đến phiên âm bản dịch và chú thích. Cuối bài, soạn giả chép thêm lời phê bình của người xưa nếu có, hoặc ghi thêm ít cảm tưởng của ông ; có được một bản dịch sát của người trước thì ông dùng bản đó ; còn nếu bản dịch sát nhưng tài hoa thì ông cũng dẫn rồi dịch lại, chủ ý là để giúp những độc giả không thông chữ Hán hiểu đúng tư tưởng của cổ nhân.

Soạn giả lại có lời mở đầu để cho ta biết ba cái nghĩa của tiếng « cổ văn » của Tàu và nghĩa nó trong tuyển tập này ; rồi ông lại phác qua những giai đoạn chính trong sự diễn tiến của cổ văn Trung-hoa từ đời thượng cổ để chúng ta có một tổng quan mà dễ hiểu thêm những văn phạm ông trích dịch.

Một quyển sách cần cho nhiều giới như quyển *Cổ văn Trung-quốc* này—mà là cuốn đầu trong loại—mà nghe đâu ra đời được cũng lắm khó khăn. Có lẽ trường hợp của «Đại cương văn học sử Trung-hoa» khiến Nguyễn tiên sinh không tự xuất bản mà phải giao nhà khác, và nhà này chỉ nhận cuộc «phiêu lưu» ấy với điều kiện : dịch cho họ vài quyển chắc rằng bán chạy.

Phải chi bộ Văn hóa Giáo dục mà thiếu «cái nổi đoạn trường» này thì hẳn đã lãnh phần «hộ sinh» cho soạn giả. Và hẳn Nguyễn tiên sinh chẳng cho ta thưởng thức có «độ trăm bài» mà là «non ba trăm bài» như các sách cùng loại của Trung-hoa, vì một nền văn chương lâu đời và phong phú như văn chương Trung-quốc mà chỉ có trăm bài đề tiêu biểu cho phần cổ văn (hiểu theo nghĩa trái với phần bạch thoại), thì quả là còn ít.

Nhưng đó là việc phân giải của hồi sau, còn giờ, mời bạn đọc của *Bách Khoa* tạm quên cái . . . thời đại của mình, quên những ồn ào, những bụi bậm, những leo thang tuột thang . . . mà lắng nghe thầy trò nước Tàu xưa bàn, luận :

« — Diễm, còn anh thì thế nào ? »

Lúc đó tăng-tích gầy đờn sắt vừa ngớt, đặt đàn xuống, nghe reng một tiếng, mà đứng dậy, đáp : «Chị của tôi khác hẳn với ba anh đó.»

Ngài bảo : «Hại gì ? Cũng là ai nấy tỏ chí của mình ra mà thôi.»

Thưa rằng : «Nhu bây giờ là tháng cuối mùa xuân, y phục mùa xuân đã may xong, năm sáu người vừa tuổi đôi mươi, với sáu bảy đồng tử, dắt nhau đi tắm ở sông Nghi rồi lên hững mát ở nền Vũ vu, vừa đi vừa hát kéo nhau về nhà»

Ngài ngẫm nghĩ một chút rồi than : «Ta cũng muốn như Diễm vậy.» (trang 23)

Ôi ! cái muốn của đôi thầy trò họ Khổng ở thời nào, và cái muốn của chúng ta giờ đây, coi như chẳng có gì, mà sao không thực hiện được. Khiến muốn bắt chước ai mà «Than ôi ! cái việc Văn chương, một tắc lòng mà đề ngàn năm !»

VIỆT-NAM VĂN-MINH SỬ-LƯỢC

Lá bối xuất bản — 163 trang — 55đ.



Tác giả : *Lê-Văn-Siêu*, sanh năm 1911 tại Hà-nội. Một nhà thực nghiệp, một nhà báo, một nhà văn. Đã viết sách khảo cứu về thực nghiệp, về văn học, về văn minh. Tác phẩm đầu : *Thanh niên và thực nghiệp* (1940) Lại còn viết tùy bút, truyện dài và kịch.

Tác phẩm :

Bạn đã đọc quyển *Văn-minh Việt-Nam*, có thể khi mới thấy cái tên nghi rằng *Việt-nam văn minh sử lược* là *Văn minh Việt-Nam* rút ngắn. Không phải. *Văn minh Việt-Nam* đưa những bằng, những chứng, những dấu, những tích của nền văn minh nước nhà. Còn quyển này trình bày một cách gọn gàng và cô đọng đường đi nước bước của cái văn minh ấy, từ khởi thủy cho đến ngày nay.

Quyển tiểu luận này chia làm hai phần :

I — *Khái niệm về đường lối nghiên cứu văn minh Việt-Nam.*

II — *Đại quan về sự thoát xác liên tiếp của văn minh Việt Nam.*

Xưa, có cô gái «nhìn» người yêu mình mà thốt ra câu :

«Anh của em thật khác người ta !»

Thì nay, có nhà học giả họ Lê, sau khi hỏi, tra, suy, gẫm, so, sánh, nhận ra rằng văn minh Việt là một đối tượng biệt lệ lạ kì mà với phương pháp của Âu-châu trong bước tiến hóa hiện thời của khoa học còn là đầu thế kỉ XX, người ta

nào tìm hiểu cái mặt mày thật của nó. Lí do của sự «chưa đạt này khá nhiều, tỉ như : tự giam vào trong khuôn khổ cứng nhắc của phương pháp học, ép đối tượng nghiên cứu theo phương pháp học mà không chịu biến phương pháp học theo đối tượng nghiên cứu . . . Xin ghi ít định lí mà tác giả đã cô đọng lại ở đoạn cuối phần này :

— « Tìm chân lí là để thấy chân lí, không phải để thấy cái chân lí ấy đúng với cái khuôn của phương pháp suy luận. »

— «Phân biệt rạch ròi tính cách các đối tượng nghiên cứu và đặt định nó đúng trong không gian và thời gian của nó, để uyển chuyển dùng mọi phương pháp học thích nghi, theo những chiều hướng và mức độ phải chăng. Phải chăng, không những đối với cá nhân tri giác của mình. Mà đối với chính đối tượng ấy trong tâm tình tâm thức và trình độ hiểu biết của con người giữa hoàn cảnh xã hội và lịch sử của đối tượng ấy.» Và ở trang 50, ta được đọc : «Ta thấy rằng phải có sự nhận định ra những thực tế mà khả năng nhận thức của phương pháp học cũ không đủ ứng phó, và phải có một quyết tâm đánh thép gần như sinh tử, để vượt tình trạng bế tắc trong cõi học, thì mới tạo nên sự thúc đẩy tìm tòi, thảo luận gay go, để đến kết quả là kết tinh phương pháp học mới cho thời đại.»

Mặc dầu tác giả nói không dám có cao vọng trình ra một phương pháp học mới nào, nhưng nội cái việc giãy giụa đau thương với những gì bất túc cũ, cũng đủ cho học giả trong nước thấy mình cần phải lưu ý tới, phải suy thêm . . .

Giá trị của quyển tiểu luận này phải chăng là ở đây ?

Qua phần thứ hai, tác giả đã lấy một con mắt mới mà nhìn suốt cả dòng dài lịch sử, để cho ta thấy hễ mỗi lần lịch sử dân tộc *chịu đau thương*, là một lần văn minh Việt *thoát xác* để vươn lên một bước tiến hóa mới : từ Văn-lang sang Lạc-Việt, từ Lạc Việt sang Đại-Việt, từ Lạc-Việt sang Việt-Nam. Và đến đoạn cuối cùng hiện đại, Việt Nam đương đặc biệt chịu đau thương để thoát xác — và đây là đoạn kết — thì mắt ta gặp phải mấy chữ : *kiểm duyệt bỏ 4 trang cuối*). Khiến ta phải hỏi : có mấy ai đoán đúng ý tác giả, mặc dù có cố vận dụng trí minh mẫn của mình đến độ tốt cùng.

Điều đáng đề ý trong phần này là thiện chí của người viết. Xin kể : tác giả tìm những chứng minh để lấp lỗ mâu thuẫn tôn giáo đã bị đào sâu hơn thế kỉ, trong đó tác giả nói rõ cả lượng và giáo dân đều đã bị . . . lừa ! Và làm cho độc giả suy đi xét lại để thử tự tìm ra cái hạ tầng cơ sở chung của sự đại đoàn kết dân tộc.

Một quyển sách nhỏ, một quyển sách súc tích, chứa lắm đề tài có thể giải rộng đào sâu, đặt ra những vấn đề quan trọng cho sự học về phương pháp và đường lối nghiên cứu. Thiện chí và thành tâm của tác giả lại bằng bạc từng trang sách. Cho nên dù tán thành, dù phản đối, những ai từng khảo cứu về Văn minh học, về Dân tộc học, về Sử học, cũng như những ai đã tâm đến chúng, không thể làm thinh, mà phải đưa ra tiếng nói của mình như một điều bắt buộc, như một bổn phận.

Mong rằng *Bách Khoa Thời Đại* sẽ được hân hạnh tiếp nhận đề công bố tiếng nói của những Lê-Thọ-Xuân, Lê-Văn-Hảo, Bửu-Cầm, Nghiêm-Thầm, Nguyễn-Đấng-Thục, Tạ-Trọng-Hiệp, Đào-Trọng-Đủ, Lý-Chánh-Trung, Hoàng-Xuân-Hải, Hồ-Hữu-Tường, Nguyễn-Phương ...

VẾT THƯƠNG DÂY THÌ.

KIM ANH xuất bản. — 181 trang, 75đ.

Tác giả :



TÚY-HỒNG, tên thực là : Nguyễn-Thị-Túy-Hồng, sinh năm 1930 tại làng Chí-long, huyện Phong điền, tỉnh Thừa-thiên. Giáo sư trung học tại Sài Gòn. Đã cộng tác với *Văn Hưu*, *Bách Khoa*, *Lập Trường*.. Đã xuất bản *Thở dài* (Thời Mới, 1965) *Vết thương dây thì* (Kim Anh 1967).

Tác phẩm :

Vết thương đây, không phải là vết thương lòng, mà là vết thương thể xác : « Những đêm lưu diễn, chúng tôi ngủ chung như động vật. Mấy người con gái đều

đã mất trinh, tôi cũng mất rồi. Ngủ chung đông đảo như thế này, chẳng biết thằng kếp nào là kẻ trộm (...) Có sự lật đổ, sự xé rách cơ thể mà không có tiếng hét hải hùng... » Và cô đào bị thương ấy âm thầm mở cuộc điều tra, nhưng không kết quả. Rồi một đêm nọ, người cô bị ai đè nặng, hai tay cô bị nắm lại, cô vùng vẫy, đánh đấm túi bụi. Sáng lại, nhờ mấy dấu vết mà cô biết rằng « kẻ trộm » đêm rồi là ông bầu gánh hát, mà cũng là cha nuôi của cô (*Vết thương dây thì*).

Thời dậy thì của nhân vật chánh Tóc mai nghìn xưa cũng bị thương tương tự, nhưng do người mà cũng tại ta. « Tội lỗi từ đó chuyền xuống, chảy lần lần xuống cổ, vai, ngực, bụng và sau đó, chữ trinh đã tan thành năm ba giọt đỏ. » Cô giáo này định mình rằng người « đã xử tử đời con gái » của nàng, người thiếu nàng « món nợ máu », người sinh viên Đại học Sư Phạm đang ra trường ấy sẽ là chồng nàng, nào dè chàng mới âm thầm tự do làm lễ hôn thú với một người bạn gái khác.

Người con gái trong *Niềm tin mong manh* bị thương đau hơn hai bạn đồng thuyền vừa kể. Ta hãy nghe nàng. « Đưa tay lên vuốt bụng, tôi bỗng khóc thành tiếng. Gia đình nhận cái vợ này thì các chị em tôi hết đường sống, không bao giờ ngóc lên được như những con lương suốt đời không biết vươn mình, suốt đời chỉ biết một lối xuống bùn lầy. Tôi phải đi, trước khi sự thật lộ hình. »

Hoang xưa sau lưng như một ngọn gió bình minh thổi nhẹ. Trong thời Huế nổi sôi tranh đấu, một nhóm nhà giáo, sinh viên, học sinh nam nữ họp mặt trong

một gian phòng. Họ bàn thối đủ cả : nào những pho kiếm hiệp thượng thặng, nào những tập san viết tay, in rônêô, nào « giá sinh hoạt bây giờ là máy chém », nào đồ hộp Huê-ki, nào gái làm đi và lấy ngoại kiều... Đề rồi khi giải tán, một nhân vật nữ làm bầm :

— Hai mươi tám năm ở Huế... sốt ruột quá rồi..., sốt ruột lắm. Thế nào rồi; cũng phải ra đi. Xứ Huế là xứ đi đề mà nhớ, chứ không phải ở đề mà thương.

oOo

Cũng như trong « Thở dài » cái độc đáo của người nữ sĩ xứ Huế này (mà hiện sống ở Sài Gòn) không nằm ở trong cốt chuyện, mà ở trong những « món ăn chơi ». Đó là những ý nghĩ, những nhận xét, những nét chấm phá, ngoài lề, chúng bất ngờ, táo bạo, đôi khi tàn nhẫn. Người ta nghĩ đến gừng, đến tiêu, đến ớt.

Dường như có ai nói : Gái Huế có vẻ hiền trong cuộc sống, nhưng thật sự thì dữ trong văn chương. Và người ta nhắc tên vài người, trong đó Túy-Hồng là một,

LAO VÀO LỬA.

KIM-ANH xuất bản. — 124 trang 6đ.

Tác giả :



NGUYỄN - THỊ - THỤY-VŨ. — Tên thật : Nguyễn-Băng-Linh. Dạy công ở Vinh-Long, dạy tư ở Sài Gòn : Cộng tác với : Bách khoa, Văn, Nghệ thuật... Đã xuất bản : *Mèo đêm* (truyện ngắn, Thời mới, 1966).

Tác phẩm :

Một lần nữa — nhưng không phải lặp lại, mà nối tiếp — những mảnh đời của các cô bán ba lại được phơi bày, hồn nhiên, linh động.

Họ là những con mèo sinh hoạt về đêm, với móng nhọn, với những tiếng rên, la.

Họ là những con thiêu thân thân nhiên, say sưa hay hốt hoảng lao mình vào lửa.

Đó là Tâm, mà tuổi tác và nhan sắc đã xế tà, cuộc đời đang xuống dốc, sau khi phá thai lần thứ... tư. Nàng nghe bạn tìm thầy, thầy khuyên nên đóng giường ngủ theo ngày quẻ dạy và để theo hướng Bắc, thì « dầu nàng có xấu như Chung-Vô-Diệm đi nữa, đàn ông vẫn tìm nàng nướm nướp. » Quả nhiên đời nàng lên hương trở lại : ở ba, khách Mèo mời nàng uống nhiều, và ở nhà.. Nhưng một ngày kia, một người bạn mượn phòng nàng để ăn nằm với tình nhân da trắng, làm ô uế

chiếc giường. Bỗng, ba ít khách, « làm ăn » ế ẩm, nàng tưởng đâu tại chiếc giường bị ô uế, nhưng rồi nàng biết là không phải, đó là kết quả sự phản ứng của khách Mi « đá đảo Saigon-tea » (*Chiếc giường*).

Đó là Bích, bị lính cảnh sát và kiểm tục bắt quả tang tại phòng riêng với người tình ngoại-kiều. Bị đưa vào bệnh viện Thanh-Quan để khám cùng những bạn bị sa lưới trong đêm ấy. Không có bệnh, và lại lần đầu, Bích rồi sẽ được trả tự do, nhưng vì tình đồng đội, vì muốn tìm cảm giác mạnh, nàng dự vào âm mưu vượt nhà thương : đêm giao thừa, nồi lửa đốt mừng mền, giả kêu cầu cứu, giám thị hốt hoảng mở cửa, cả bọn ừa ra, chạy toán loạn theo nhiều ngã. Nàng và các bạn thoát được. Có xe tắc-xi quen với bạn ở ngoài chờ sẵn. Trong số này, có chàng trai yêu thầm nàng. Chàng mời nàng về tạm ở cùng chàng. Nàng nhận lời và tự hỏi : « Mình sẽ ở đó được bao lâu ? » (*Đêm nồi lửa*)

Đó là Tú, vì gia đình túng quẫn lại đông em, đành cời áo nữ sinh để làm thu ngân viên cho một ba chuyên tiếp khách ngoại-kiều. Nhưng rồi phải ngồi cho khách tán, phải đổi tên ngoại quốc, phải « Chiều gã một chút đi. Có mất mát gì đâu (...) Em đừng mắc cỡ. Vô đây là vậy đó (...) Có kẻ nào lại quăng tiền ra cho mình mà họ không sơ mũi gì (...) Trót vô đây, dầu em có giữ cho lắm cũng mang tiếng xấu rồi. Nếu em không thề giành giật hoặc không dám khuấy động thịt da của khách thì em cũng ngoan ngoãn ngồi yên để cho tụi nó môn trớn ». Rồi nàng gặp một người MI có một cái gì khác biệt hơn những tên MI khác. Cảm tình bắt đầu nhen nhúm. Chàng kia trở lại mỗi ngày với một bó hồng. Rồi một ngày kia, chàng rủ nàng đi phố để biếu nàng một món quà. Món quà ấy là chiếc nhẫn bầy chục ngàn. Và nàng làm quà lại cho chàng một chữ...trình. Nàng chờ, nhưng chàng không trở lại. Thế là từ đó... (*Lao vào lửa*).

oOo

Khi đọc ba truyện trên đây, ta có khi bực bội, có khi buồn cười. Nhưng khi xếp sách, ta không khỏi băng khuôn.

Những hoạt cảnh giật gân, sôi nổi, những lời đối đáp, góp ý đánh đá, số sàng, những ý nghĩ, nhận xét táo bạo, trâng tráo, ta gần như quên mất. Mà chỉ nhớ cái đau buồn, cái tủi nhục, cái chán chường mà những kiếp người xấu số chạy theo người ngoại quốc ấy phải chịu. Những cái đó, tác giả chỉ ghi, chỉ kể gọn gàng, đôi khi phớt qua, lạnh lùng.

Phải chăng đây là một thứ bom nổ chậm ? Và phải chăng vì ta chưa thể xem đây như vang bóng một thời nào ?

NỤ CƯỜI NƯỚC MẮT HỌC TRÒ

TRƯƠNG GIA xuất bản. — 132 trang, 60đ



TÁC GIẢ :

BÌNH-NGUYỄN-LỘC (xin xem B.K. số 448, 1-5-67, trang 80)

TÁC PHẨM :

Nếu có những ai « lấy nhau không được » tặng nhau quyển « Thương hoài ngàn năm » của Võ-Phiến thì hẳn những ai sắp phải chấm dứt đời học sinh nên làm quà cho nhau tác phẩm thứ hai mươi này của Bình-Nguyễn-Lộc. Mà những ai thỉnh thoảng còn lưu luyến đến cái thời cắp sách đến trường, tưởng cũng nên có trong tủ sách gia đình tập truyện ngắn ghi lại mười vang bóng một thời để thương này.

Nó gồm đúng mười truyện :

Nửa nước nửa dầu. — Bơ vơ. — Không có đi, thì không có lại. — Những khối tình con học sanh. — Chiêu Li, Chiêu Li. — Vỡ lòng yêu. — Bóng ma trường Áo Tím. — Một cây triết lí xanh đờn. — Tình thơ đại. — Lưu bút ngày xanh.

Chắc rằng người đọc thế nào cũng « gặp cái bóng của mình » trong suốt mười truyện học sinh trong đó tình yêu đóng vai chánh, có nụ cười và nước mắt lẫn chen.

Người trong cuộc có nam mà cũng có nữ, lại cũng có kẻ nửa này nửa nọ. Họ yêu thơ đại như một cậu bé lớp ba trường Tiểu học ; họ yêu tha thiết như hai học sinh nội trú ban Trung học ; họ yêu nồng nôi như chàng sinh viên nọ ; đôi khi họ cũng bơ vơ, gối chần đăm đìa lệ nóng như người nữ sinh nội trú ban Tú tài nào...

Ở tập truyện ngắn mà đề tài lấy ở những cái vui buồn của đời học trò này, ta được thấy nhiều Bình-Nguyễn-Lộc : sâu sắc, tế nhị, hoài cổ, hời hợt, dễ dãi, bông đùa, triết lí sơ sơ...

Nhân tiện, tưởng cũng nên — ghi một hiện tượng này : Quán tai heo vừa có mặt ở hiệu sách, thì *Nụ cười nước mắt học trò* rục rịch phát hành ; và khi chủ nhà in giao truyện học trò này vào đầu mùa phượng nở, thì thợ nhà in cũng bắt đầu sắp *Thăm lặng*, tác phẩm mà tác giả cho là « tác phẩm chủ lực » của mình — đề kịp trình diện vào giữa tháng sáu tới đây.

Ba tác phẩm, kế tiếp ra trong ba tháng, lại do ba nhà xuất bản, phải chăng thời đã tới với nhà văn viết nhiều và viết đều nhất miền Nam, có hiệu là « con Nai ở Đồng bằng » ?

BẮT TRẺ ĐỒNG XANH

Truyện dài « The Catcher in the Rye » của JÉROME DAVID SALINGER.
Bản dịch của PHÙNG-KHÁNH-THANH-HIÊN xuất bản : 226 trang, Giá 120đ.



Tác phẩm :

Một cậu học sinh mười sáu tuổi tên là Holden Caulfield, trước hôm lễ Giáng sinh tộ một tuần, đã bị trường đuổi vì tội học kém, nên không dám về nhà, đi lang thang và sống ba ngày cô độc giữa lòng thành phố New York. Cậu cố thoát ra khỏi sự cô độc đang vây bủa cậu, cố đuổi bắt một chút tình thương, cố tìm lại, dù trong một thoáng ngắn, một cái gì không rõ rệt mà cậu linh cảm sẽ không bao giờ gặp nữa. Nhưng rất không may cho cậu, dù cho cậu đi đâu, dù cho cậu mưu định làm gì, cậu cũng chỉ gặp sự dửng dưng của người khác. Cậu bị giam trong khoảng « in-pace » mà cậu cố đập tung, cậu kêu lên những tiếng kêu nửa hân hoan nửa bi thảm, những tiếng kêu có giá trị một phản kháng siêu hình của một linh hồn đang độ tuổi thơ bị xô ném một cách bất chợt vào giữa cái xô bồ của cuộc sống. Và tất cả những cái đó có thể được tạm coi là đề tài và nội dung của quyển « The Catcher in the Rye » của nhà văn Mĩ Jerome David Salinger mà mới đây cô Phùng Khánh đã giới thiệu với người đọc Việt Nam qua bản dịch « Bắt trẻ đồng xanh » do nhà Thanh Hiên xuất bản.

Giữa lúc cái không khí sinh-hoạt văn-nghệ đầy buồn nản và rời rạc đến độ người viết văn không còn muốn viết, người dịch văn không còn muốn dịch, mà cô Phùng Khánh lại giới thiệu được một tác phẩm khó và đầy cộm của một nhà văn nổi tiếng là bí hiểm và khó đọc thì quả thực là điều đáng phục.

Nhớ lại trước đây ở bên Pháp Jean-Baptiste Rossi dịch cuốn *The Catcher in the Rye* do nhà Robert Laffont xuất bản với nhan đề là *L'attrape-cœurs*, thì lúc đó chưa mấy ai nói đến J. D. Salinger. Nhưng giới phê bình văn-nghệ Pháp chỉ chú ý tới ông khi bản dịch của tập truyện *Nine Stories* với nhan là « *Nouvelles* » (cũng do J. B. Rossi dịch và nhà Robert Laffont xuất tuần báo, tạp chí Pháp dành nhiều trang để giới thiệu và nhà phê bình Robert Kanters đã đặt *L'attrape-cœurs* ngang hàng với « *Le Grand Meaulnes* » của Alain Fournier. Trớ trêu thay, khi độc giả Pháp đồ xô tìm đọc các tác phẩm của Salinger thì người ta cũng đồng thời nhận ra rằng J.B. Rossi đã dịch ầu, dịch sai và nhất là trong nhiều chỗ đã phản lại ý của tác giả ; và kể từ cuốn *Franny and Zooey* trở đi nhà Laffont đã phải giao công việc dịch Salinger cho một người khác là Bernard Willerval.

Nhắc lại truyện trên đây, tôi hi vọng rằng khi độc giả Việt-Nam cũng bắt đầu thưởng thức được và tìm đọc tác phẩm của Salinger thì cô Phùng Khánh, trước búa rìu của các nhà phê-bình sau này, sẽ gặp nhiều may mắn hơn J. B. Rossi, người có công nhiều trong việc giới thiệu nhà văn bí hiểm của Hoa-kì trên đất Pháp.

MÀU XANH LÁ HẸ

Thơ TRẦN-HOÀI-THU

Trưa nay quán dưng nơi xóm nhỏ

Mẹ run run mời một bát canh đầy

Bát canh hẹ cho ngọt ngào gạo đỏ

Con chan vào từng muỗng nhỏ mà say...

Những lá hẹ mẹ nhặt vào buổi sáng

Dáng già nua trên cánh hẹ xanh um

Trời tháng hai gió lùa qua liếp vắng

Mẹ lạt loài bàn tay nhỏ run run,

Từng cánh hẹ còn thơm mùi đất mới

Con nghẹn ngào nhai từng lá quê hương

Ngày nhỏ dại mẹ dành phần canh hẹ

Con học về đôi bụng để lùa cơm

Đường về quê, hẹ ngọt ngào trở lá

Mưa đầu xuân phơn phớt nụ còn non

Từng nhát cuốc vun đất hiền sữa ngọt

Từng cánh cò thấp thoáng lúc chiều buông

Bát canh hẹ con chan vào kỷ-niệm

Mẹ nhìn con và thăm hỏi : ngon không ?

Con cúi xuống nghẹn ngào trong tiếng dạ

Tưởng quê hương đang chọt thấy trong lòng

trích «Mưa nắng Quân-trường»

ĐIỂM VƯỢT SÔNG

Thơ Ý-YÊN

- đó là giải thôn làng
êm như huyền sử
đầy trang giáo khoa thư
xanh bóng tàn dĩa ló-xô
nhấp nhô xanh đôi bờ cau trong nắng
vừa lằm quan sát
trong vùng xạ trường
đèo khô dã trại
- đó là giòng sông
lấp lánh ca-dao ngày xưa vọng lại
(ngày thơ qua bên sông...)
khi chúng ta lên mười
rào làng ngăn giặc
khi chúng ta vào đời
vòng vây danh-tử dần dần thu chặt
— hào chiến lược,...
— lũy chiến đấu...
phong trào...
mặt trận...
— Tương lai?
Những lựu đạn gài
khu rừng ngôn ngữ.
- ra điểm vượt sông
trời chưa sáng rõ
poncho làm phao tiến chiếm đầu cầu
nhớ nhớ khoang thuyền vàng ươm ắp lúa
- thương cho bóng mình
trong giòng sông rạn vỡ.

(lời ca du-tử)

cho MÊ KUNG

SINH HOẠT

Một thắc-mắc đã được giải đáp...

Tại sao Hồ-Hữu-Tường sang qua Bình-Xuyên ?

L.T.S.— Chắc bạn đọc còn nhớ, sau ngày lịch sử 1-11-1963, anh Hồ-Hữu-Tường được đưa về đất liền với những người tử tội trong "vụ Bình Xuyên", bạn Nguyễn-Ngu-Í có phỏng vấn anh và nêu lên một thắc mắc của dư-luận: tại sao giờ phút chót, anh lại nhảy vô hàng ngũ của Bảy-Viễn. Anh không trả lời bảo là chưa phải lúc. Đầu năm qua, trong cuộc đàm thoại « Sống và viết với... » bạn Ngu-Í lại đặt lại vấn-đề này. Nhưng anh thối thác. Cho đến nay, trong bức thư ngỏ gửi cho Quốc hội đề xin thẩm xét lại án tử hình của mình, anh mới nói rõ vì đâu và vì ai anh bước qua cầu chữ Y, dẫn thân vào cuộc phiêu-lưu mà chúng ta đã biết.

Nên chúng tôi xin trích đăng nói về nguyên do chuyển « bước sang ngang » ấy, một việc có dính dáng đến một giai đoạn lịch sử và đến thanh danh của riêng anh.

Khung cảnh lịch-sử vào tháng 3-1955.

Lối 20 tháng 3-1955, Mặt-Trận Thống-Nhất Toàn-Lực Quốc-Gia, do Hộ Pháp Cao Đài Phạm Công Tắc lãnh đạo tinh thần, do thiếu tướng chỉ huy Quân Lực Bình Xuyên, Lê Văn Viễn, lãnh đạo quân sự, có gửi một « tối hậu thư » cho ông Ngô Đình Diệm lúc ấy làm thủ tướng của Bảo Đại và do Bảo Đại bổ nhiệm. (Lúc ấy chưa có chế độ Cộng Hòa, mà việc truất phế Bảo Đại vào tháng 10 mới mở cửa cho, và bản Hiến Pháp 1956, hơn một năm sau, mới đặt nền tảng pháp lý). Ngày 23-3-1955, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm phản ứng bằng một lời tuyên bố vô tuyến truyền thanh, mà giọng hằn học khiến cho ai ai cũng lo sợ rằng biện pháp quân sự sẽ được ông dùng để mà giải quyết một tranh chấp chính trị. Tôi cũng chia sự lo sợ ấy.. Nên hôm sau, ngày 24-3-1955, tôi có cho in bằng ronéo và cho phát một bức thư ngỏ gửi cho Thủ tướng Ngô Đình Diệm, khuyên ông nên dùng biện pháp thương thuyết hơn là biện pháp quân sự.

Nhưng mà Thủ tướng Ngô Đình Diệm lại thi thố thêm một mớ biện pháp làm cho sự lo sợ kia gia tăng lên. Nên sáng ngày 25-3 tôi đến gặp ông Trần Văn Hương, lúc ấy làm Đô Trưởng, tại ngay văn phòng của ông, đề yêu cầu ông hiệp cùng tôi mà tìm cách ngăn ngừa việc đổ máu. Ông Trần Văn Hương lập tức điện thoại mời ông Bùi Văn Thịnh, lúc ấy làm Bộ Trưởng Nội Vụ. Ông Bùi Văn Thịnh đến ngay, và ba chúng tôi chia nhau một công việc có tánh cách

« can gián ». Hai ông Bùi Văn Thịnh và Trần Văn Hương lãnh phần « can gián » Ngô Đình Diệm, còn tôi lãnh phần « can gián » các tướng lãnh trong Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia. Công việc của tôi, tất nhiên đòi hỏi tôi phải sang qua Bình-Xuyên mà giao thiệp với những người đương sự.

Trước khi qua khỏi cầu chữ Y, tôi có nhờ Trần Quốc Bửu, lúc ấy là người thân tín nhất của Ngô Đình Nhu, dẫn tôi gặp ngay người em cố vấn chánh trị của Ngô Đình Diệm. Trong suốt hai giờ đồng hồ, tôi đã rán sức mà thuyết phục cho hai anh em họ Ngô Đình đừng dùng biện pháp quân sự. Ngô Đình Nhu cãi lại rằng y đã mua chuộc được rồi nào tướng, nào tá, và chỉ chờ có dịp, thì họ sẽ phản bội Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia, còn một số cương ngạnh sẽ bị tiêu diệt. Tôi đáp rằng việc tiêu diệt một số tướng lãnh của các giáo phái võ trang là một việc cực kỳ dễ. Nhưng một khi họ bị tiêu diệt rồi, thì những tàn quân của các lực lượng võ trang này sẽ lần trốn trong rừng núi, bưng biển. Như vậy, những cán bộ cộng sản nằm vùng sẽ núp theo đám tàn quân ấy mà gây rối, mà móc súng từ các hầm chôn giấu lên, mà khai thác tạm những chiêu bài « cao, hòa-bình » để trưởng thành. Rồi khi họ đã trưởng thành rồi, họ sẽ đem những chiêu bài cũ ấy để dựng lên một chiêu bài mới mà họ sẽ chương mặt lãnh đạo...

Nhưng Ngô Đình Nhu nhứt quyết rằng biện pháp quân sự trúng hơn. Rốt rồi, tôi yêu cầu y nhường cho ba chúng tôi, (Trần Văn Hương, Bùi Văn Thịnh và tôi) tận lực mà dùng biện pháp hòa giải. Chừng nào chúng tôi không xong, hãy hành động. Sau khi yêu cầu như vậy, tôi sang qua Bình-Xuyên. Và việc binh lửa xảy ra, lúc mà nước Việt Nam còn ở chế độ quốc trưởng do Bảo Đại cầm pháp lý (cuối tháng IV-1955, chế độ cộng hòa chỉ được ban bố hơn một năm sau).

Một vụ án không theo luận-lý

Hành động của tôi, nếu có, chỉ ở vào khoảng cuối tháng III, cho đến cuối tháng IX năm 1955 nghĩa là dưới Quốc Trưởng chế, do Bảo Đại nắm pháp lý.

Thế mà Ngô Đình Diệm, năm 1957, ra lệnh đưa tôi ra tòa, vì tôi « có tội với chế độ cộng hòa » (lúc tôi hoạt động thì chưa khai sanh). Trước khi có phiên tòa, Ngô Đình Nhu lại còn ba lượt nhắn vào bảo tôi hễ ra tòa thì nín thinh, tôi sẽ được « tha bổng trắng án ». Tôi có trả lời cho ông Ngô-Đình-Nhu, bằng một lá thư chính thức do thiếu tá giám đốc Đề Lao là Nguyễn Văn Vệ chuyển đạt. Tôi nói với Ngô Đình Nhu rằng, nếu muốn nhốt chúng tôi mãi trong tù, thì ông Ngô Đình Diệm có không biết bao nhiêu biện pháp. Còn việc đưa chúng tôi ra tòa, thì thật bất lợi cho dân tộc... Một mặt khác, tôi có nhờ hai luật sư chánh của tôi, là Vương Quang Nhưông, và Vũ Văn Hiền, mời ba nhân chứng, là Ngô Đình Nhu, Bùi Văn Thịnh và Trần Văn Hương ra trước tòa để làm chứng cho tôi khai cả sự thật. Bức thư của tôi khiến cho Ngô Đình Nhu đình phiên tòa vào giờ chót (sau rồi cũng đem ra xử), Tuy nhiên, ba nhân

chứng mà tôi yêu cầu đều vắng mặt, tôi không hiểu vì sao.

Về hình thức, tôi bị cáo là bội phản chế độ Cộng Hòa, mà vào tháng 3-1955 chế độ Cộng Hòa chưa xuất hiện, ngay trong những tế bào của bộ óc của Ngô Đình Nhu. Về nội dung, tôi bị cáo là dùng khí giới mà chống lại chính phủ Cộng Hòa, mà hơn ai tất cả, Ngô Đình Nhu biết rõ rằng tôi đã thỏa thuận với Trần Văn Hương và Bùi Văn Thinh đề chủ trương biện pháp «can gián». Thế mà tôi bị kết án tử hình.

Thái độ của «người tội tử hình» tôi

Sau khi nghe tôi bị kêu án tử hình, bè bạn của tôi ở khắp nước văn minh đều đứng đưng. Họ cũng nghi rằng tôi có làm nên tội thật. Nhưng về tình, họ không nỡ để cho một người bạn chết. Nên một phong trào quốc tế phát lên, do nhà văn A. Camus, giải thưởng Nobel năm ấy đứng ra lãnh đạo, đề gom chữ ký của trí thức, bác học, văn nhân, nghệ sĩ, chánh khách ở tứ phương mà gửi đến xin với Ngô Đình Diệm «khoan dung» cho tôi.

Tôi có nhắn với Camus và nhiều bạn khác, rằng sẽ không lãnh sự khoan dung, mà tôi chỉ muốn công bình. Nếu mà công bình không đem ra áp dụng cho tôi, thì tôi sẽ từ chối sự khoan dung mà cam lãnh sự chết, cùng một lượt với sự hàm oan. Tôi báo rằng như vậy thì tôi sẽ không ký tên xin ân xá, nếu đơn xin phá án của tôi đưa lên Tòa Phá án bị bác.

Lý tôi thì muốn vậy, mà tình bè bạn làm cho tôi phải xiêu. A. Camus, thay mặt cho tất cả bè bạn dùng tiếng Pháp, bà Ruth Fischer, giáo sư tại Viện Đại Học Columbia, thay mặt cho tất cả bè bạn dùng tiếng Anh, và Nguyễn Ngọc Bích, thay mặt cho tất cả bè bạn dùng tiếng Việt, đánh điện văn yêu cầu tôi hãy vì bè bạn mà ký tên xin ân xá, để họ có thời giờ vận động xin đem vụ tôi ra mà xử lại. Vì những bè bạn, mà tôi phải ký tên xin sự «khoan dung», khi mà lòng tôi tha thiết chỉ muốn sự « công bình».

Lòng tôi do đó mà ngóu như tương, nên chi, tôi có viết một bức thư khác cho Ngô Đình Nhu, nói rằng vì dầu Ngô Đình Diệm có «khoan dung» mà thả tôi đi nữa, tôi chỉ bằng lòng bước ra khỏi tù khi nào tôi được đem ra xử lại, không phải do một quan tòa do chánh phủ chỉ định, mà do nơi một tòa án do Quốc Hội tổ chức đặc biệt, với những thẩm phán là nghị sĩ Quốc Hội, được Quốc Hội lúc ấy đề cử.

Sau khi chế-độ Ngô-Đình đổ.

Sau khi chế độ Ngô Đình đổ, án của tôi bị giảm còn mười ba năm tù ở, bắt đầu từ khi có nghị định. Nếu lúc đó, tôi còn đủ sức khoẻ để ở đủ mười lăm năm tù nữa, ắt tôi cũng dám ngông mà từ chối việc «ân huệ» do tướng Nguyễn Khánh ban cho tôi, là để cho tôi, «thiếu chịu» mười mấy năm tù ấy. Ngặt lúc ấy tôi do sức tôi, tôi thấy rằng trong nhà tù, tôi chỉ có thể sống có sáu tháng nữa thôi. Nên tôi đã cam chịu làm hèn, lãnh cái «ân huệ» trong lúc mà lương tâm của tôi đòi «công bình»...

Một hội cần được góp sức

Có một hội ra đời được ba năm, có tánh cách xã hội và nhân đạo, nhưng vì hội âm thầm hoạt động, nên ít người biết đến. Đó là một điều đáng tiếc. Vì chiến tranh dai dẳng ở nước ta càng ngày càng khốc liệt, đời sống luôn luôn bị xáo trộn, những cảnh tâm thường xảy ra thì số người lòng nát trí tan càng ngày càng đông đảo. Hội mà tôi muốn giới thiệu với các bạn là hội *Bạn người bệnh tâm trí*, mà nhân Đại hội ngày 21-5-67 vừa qua, tôi được biết mục đích và sự hoạt động.

Nguyên cuối năm 1963, có vài y sĩ và nhân sĩ giàu thiện chí nhận thấy rằng người bị bệnh điên ở nước ta càng ngày càng nhiều, mà chưa có tổ chức nào giúp đỡ họ như đối với những người mù, người cùi, trong khi giữa ba hạng người xấu số này, lớp người điên nghĩ lại đáng thương hơn và rất cần được an ủi, dắt dìu, giúp đỡ. Đã có những hội «*Bạn người mù*» «*Bạn người cùi*» thì người mắc bệnh tâm trí lại càng cần có bạn. Do đó mà những người có óc xã hội và nặng tình đồng bào, nhân loại nói trên mới đứng xin lập hội «*Bạn người bệnh tâm trí*» với mục đích :

1. — Trợ giúp, an ủi những người bệnh tâm trí về phương diện vật chất và tinh thần ;
2. — Phòng ngừa bệnh tâm trí và quảng bá vệ sinh tâm trí.

Hằng năm, hội tổ chức đi thăm viếng bệnh nhân tâm trí tại bệnh viện Chợ-quán và dưỡng trí viện Biên-hòa, phát quà, ủng hộ quỹ xã hội và tham gia tổ chức cây mùa xuân tại hai nơi này. Đặc biệt, hội lưu ý đến số trẻ em mất trí ở dưỡng trí viện Biên-hòa nên năm 1964, đã hoàn thành Trại nhi đồng để các em có nơi ở, nơi ăn, chỗ chơi riêng biệt ; hai năm sau nhận thấy rằng Trại có phần chật đối với số các em hiện có — nhất là những khi mưa gió, các em không thể ra ngoài — hội lập đề-án mở rộng Trại; công việc này có thể xúc tiến giữa năm nay.

Đại khái trên đây vài thành tích đáng ghi của hội.

Hội mới ra đời, phương tiện còn eo hẹp mà hoàn cảnh nước nhà lại quá ư đặc biệt, nên hội «*Bạn người bệnh tâm trí*» chỉ đạt được phần nào mục đích đầu của mình, là trợ giúp và an ủi. Hội mong sẽ được sự góp sức của những bạn hằng quan tâm đến số phận của những người bệnh này, để hội có thể sớm thực hiện mục đích thứ nhì của mình : là phòng ngừa bệnh này và quảng bá vệ sinh tâm trí, hai việc nghĩ cũng cần trong thời buổi chẳng yên này.

Xin các các bạn liên lạc, hoặc với :

Bà TRẦN-NGỌC-OÀNH hoặc với : **Bác sĩ NGUYỄN-TUẤN-ANH**

Hội Trưởng

Thủ quỹ

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Ông thầy dạy sống.

Ilya Erkenbourg đặt tên cho tập mới của bộ Hồi ký của ông là *Màn đêm buông xuống* (*La nuit tombe*).

Trong đó có đoạn nhắc đến Hemingway. Văn hào lão thành nước Nga nói rằng ngoảnh lại nhìn con đường đời dài dặc ông đã trải qua, thì có hai người đã giúp ông thẳng được tánh xúc cảm, khiến ông có thể mạnh dạn thờ, làm việc, và vững vàng sống ở đời. Hai người ấy là Babel với Hemingway.

Phải chi có ai đem trả lại cho Hemingway một nửa những lời dạy dỗ về lối sống vững vàng ấy thì ông đã không bắn súng vào đầu ! Ông thầy tận tâm ấy đã trót mang ra truyền giảng hết cả sự quả cảm cho đệ tử mà không dành lại chút gì cho mình.

Nhất thiết phải đọc

Nhà phê bình của tạp chí *L'Express* căn dặn : cuốn sách này nhất định là phải đọc nó mới được. Đó là cuốn *La montagne morte de la vie* của Michel Bernano (con trai văn hào Georges Bernanos)

Sách kể chuyện một chiếc thuyền không gặp gió, đứng chờ vờ giữa bề bốn mươi ngày, rồi lại gặp bão, bị đắm. Trên thuyền chỉ còn lại hai người, dạt vào miền mà đất và nước đều toàn máu, trông thấy những tượng người chết lặng vì khổ đau . . . Đây là một lục địa chết. Hai người hoảng hồn, bỏ chạy, nhưng đến lượt họ cũng lại chết cứng . . .

Câu chuyện quái dị, hư ảo, có nghĩa tượng trưng, phản ảnh niềm hoang mang sâu xa của tác giả.

Sách cần đọc thời buổi này lại khủng khiếp như vậy sao ?

Nhất thiết phải tránh

Một thanh niên — cũng như rất nhiều thanh niên khác — muốn vào làng văn bằng cách cho ra đời một tờ tạp chí. Thanh niên ấy viết thư đến nhà văn lão thành Henry Miller trình bày sự dự định đẹp đẽ huy hoàng của mình, rồi xin H. Miller giúp cho một nghìn quan đề in báo. H. Miller trả lời :

« Hiện giờ tôi bảy mươi tuổi đầu. Tôi đã từng chứng kiến sự ra đời và sự chết ngúm của bao nhiêu là tạp chí nhỏ nhỏ rất hay, ở trong nước cũng như ở ngoài quốc. Tuổi càng cao, tôi càng trở nên hoàn toàn hoài nghi về giá trị và nhất là về sự cần thiết của bất cứ loại tạp chí nào, dù lớn dù nhỏ, dù đề giải trí hay đề truyền bá tư tưởng. Theo ý tôi, những tờ ít quan trọng hơn cả, là những tờ tạp chí liên quan đến tư tưởng hay ý thức hệ này nọ.»

Cứ theo lập luận ấy, ta đoán dễ dàng rằng nhà văn khuyên cậu thanh niên nọ hãy dẹp quách chuyện báo chí, đề thì giờ mà chơi bời cho thỏa thích, vì ngày xanh chẳng dài đâu.

Tuy vậy, H. Miller là người lão luyện và ranh mãnh. Ông biết rằng khuyên vậy thì cứ khuyên, chứ chàng kia không nghe lời đâu. Bởi thế, ông bảo thêm là nếu muốn chàng có thể bán vợ bán con đi, nhịn ăn nhịn uống đi, ăn cắp ăn trộm đi để lấy tiền in báo. « Nhưng vừa làm như thế, xin cậu vừa nhớ kỹ rằng mọi sự cố gắng của cậu đều vô ích, rằng những tất tả ngược xuôi của cậu chỉ chứng tỏ các tham vọng của cái tôi của cậu mà thôi. »

Tiểu thuyết ráo và tiểu thuyết ướt

Hàn lâm viện Goncourt lừng danh vì giải thưởng tiểu thuyết hàng năm. Bởi vậy ý kiến của André Billy — một ông hàn Goncourt — về vấn đề tiểu thuyết không thể coi thường.

Hàng tuần trên « Le Figaro littéraire » vẫn có một mục dành riêng cho ông, gọi là « Les propos d'André Billy. » Có lần, trong câu chuyện hàng tuần, ông bảo rằng theo ông, tiểu thuyết có hai thứ : một thứ trong đó có trời mưa, còn một thứ nữa không bao giờ thấy nói tới mưa nắng.

Trong thời kỳ văn học cổ điển, trong tiểu thuyết không ai buồn tả một cơn mưa (Di nhiên các trận bão, trận mưa có nói tới khi cần thiết cho câu chuyện, nhưng không được mô tả).

Nhà phê bình Sainte Beuve phát giác rằng chính J.J. Rousseau là kẻ đầu tiên tả các hiện tượng thời tiết. Nhưng Sainte Beuve không phải là kẻ có thẩm quyền về vấn đề ấy. Chính ông Dufour, trong Viện Nghiên cứu Thiên văn hoàng gia Bỉ, đưa vấn đề ra xem xét, và kết luận rằng những điều Rousseau mô tả đều sơ sài và sai bét cả. Tiểu thuyết gia đầu tiên tả một trận bão đứng đắn nhất là Bernadin de Saint Pierre (trong Paul et Virginie). Về sau này, các tay tiểu thuyết gia có khả năng về thiên văn là E. Zola, Maupassant, Proust, Aragon, Flaubert...

Đó là chuyện bên Tây Phương. Có ai thử tìm xem mưa bắt đầu rơi vào tiểu thuyết Á Đông và tiểu thuyết Việt Nam vào lúc nào ? Người ta bảo rằng chúng ta gần gũi với thiên nhiên hơn người Tây phương : Hãy xem gần hơn được nhiều.

Đồng chí Steinbeck

Olga Berg là cháu gái Joseph Kessel, là em họ của Maurice Druon, lại là một dịch-giả chuyên dịch thơ Đức, Anh và Thụy-điền ra tiếng Nga.

Vừa rồi Olga Berg qua Paris chơi, khen Paris lắm. Còn Guy Le Clec'h gặp Olga thì cứ khen tíu tít về cái duyên dáng của người slave. Người slave có duyên ấy kể câu chuyện sau đây về J. Steinbeck, ông khách quý của Saigon độ nào.

Ở Mạc-tư-khoa rất nhiều người thích đọc Hemingway. Hồi Steinbeck qua Nga, ông ta ưa đi vi hành một mình ngoài phố. Bên Nga có cái lối hễ ai muốn vào quán uống vodka mà không có bạn thì rủ ngay bất cứ người nào hùn tiền mua đồ

nhậu nhẹt đầu hót cho vui. Có người gặp Steinbeck rủ. Steinbeck nhận lời. Steinbeck không quen uống Vodka nên say bị tì, lăn ra ngủ trên ghế. Mờ sáng hôm sau cảnh binh vào lay dậy, nhà văn nói : « Xin đề yên cho, tôi là văn sĩ Mỹ. » Viên cảnh binh vội vã chào : «Ồ, xin lỗi đồng chí Heningway ».

Văn-nghệ và đại-chúng

Robert Escarpit trong cuốn *Sociologie de la littérature* có một nhận xét rằng cái lối bình dân «tiêu thụ» sách báo ngày nay có thể đưa tới một mặt là sự mòn mỏi và sa sút của các hình thức văn nghệ, một mặt khác là tình trạng phóng thè về văn hóa của các khối quần chúng.

Thực ra sự đòi hỏi của quần chúng quả là đang âm thầm làm nảy sinh ra những hình thức văn nghệ quái lạ. Truyện bằng tranh hay bằng hình chụp chẳng hạn. Cứ một bức vẽ, hay một tấm hình lại kèm thêm mấy câu chú thích. Đăng từng kỳ trên báo, hoặc in thành tập mỏng, hoặc được tuyển lại in thành tập dày, Vừa rồi, nhân một tuyển tập truyện bằng tranh rất quan trọng vừa ra đời tạp-chí *L'Express* có trích đăng một hình trong đó ta thấy một chàng lực sĩ đang bị hai con rồng (đuôi thần lẫn mình có cánh) xúm lại cắn, một con cắn chân, một con cắn vào tay, xung quanh còn đám rồng con nữa bay chờn vờn, đe dọa

Lại còn những truyện phiêu lưu, kiếm hiệp, trinh thám, in từng tập mỏng, tiếp nhau, kể toàn những chuyện vô lý, nhằm nhí, nhưng ly kỳ, đọc cho giải trí, qua thời giờ, cũng như nhai kẹo, ăn trầu, uống cà phê v. v. . . Đại khái

kể những chuyện đánh nhau của Tarzan, Akim, Zembla, San Antonio v.v..

Nước nào cũng chê bai thứ văn nghệ không cố gắng, sản xuất hàng loạt ấy. Không ai chịu nhận nó là văn chương chính cống. Người Pháp gọi nó là sous-littérature, infra-littérature, littérature de la main gauche, littérature marginale, littérature parallèle v.v.. Người Đức gọi nó là Trivial-Literatur, là Frauroman v.v..

Quần chúng, có lẽ họ không gọi nó là thứ văn chương gì hết. Cũng có lẽ họ không cần nó phải thuộc về văn chương. Họ chỉ cần nó cứ xuất hiện đều đều để mua về xài.

Mua ở đâu ? Đó không phải là văn chương chính cống, không nên đến tìm ở tiệm sách. Hãy ghé các sạp báo, tiệm tạp hóa, vào chợ ; nó được bày bên cạnh kem đánh răng, bánh kẹo, v. v. . . Ghé các nơi đó, các bà quăng bạc ra và bảo : « Cho tôi tập *Tarzan* mới, hoặc *San Antonio*, tập mới nhất. » Thế thôi. Cả người bán lẫn người mua đều không chú ý tác giả của những tập ấy là ai. Trong khu vực này, tác giả không thành vấn đề. Không bao giờ có một tác giả nổi tiếng, chỉ có những nhân vật nổi tiếng (Zembla, Akim v. v. . .)

Xưa kia đã từng có thời kỳ mà các

văn thi sĩ đều ăn danh : Không ai biết tác giả ca dao, tục ngữ, chuyện cổ tích chuyện tiểu-lâm là ai, lại phải vất vả mới tìm ra tác giả *Trê cóc*, dịch giả *Chinh phụ ngâm*, tác giả *Hồng lâu mộng*, *Tam quốc chí*, *Thủy hử*, v . v . . Bây giờ lại đến lúc quay về kỷ nguyên của quần chúng, của sự sáng tác tập thể, vô danh chẳng ?

Việc đó có lợi hay hại cho văn hóa, cho tác giả, cho quần chúng ra sao thì chưa rõ, nhưng còn cái lợi cho các nhà xuất bản thì chắc chắn. Ở Pháp, gần đây *San Antonio* bán đến 35 triệu tập !

Đại-chúng và văn-nghệ.

Bộ *Histoire de l'Art* của Elie Faure, bộ sách đã từng được A. Malraux thích thú, (lâu nay vẫn có bán ở Sài Gòn) bộ sách tái bản trong lại bỏ túi, gần năm tập, trước kia là thứ sách trình độ "cao", in hạn chế. Thế mà nhập vào loại bỏ túi, nó được tiêu thụ ngót 450.000 cuốn (gần nửa triệu).

"Tiêu thụ" đây không có nghĩa là mua về xếp vào tủ sách. Người ta mua và đọc há 1 hồi.

Hãng Renault có một thư - viện cho công nhân. Không rõ trong thư viện ấy chứa mấy bộ *Histoire de L'Art* nói trên, chỉ biết một hôm người ta đến điều tra thì thấy có một trăm bộ sách ấy đang được đọc giả mượn đọc cùng một lúc !

Trong loại sách bỏ túi, tác giả được hâm mộ nhất là Emile Zola, trước sau bán ngót 4.850.000 cuốn (gần năm triệu!) Tác-phẩm được hâm mộ nhất là cuốn *Dịch Hạch* của Albert Camus : 955.000 (non một triệu).

Tuy chiều hướng văn hóa đi xuống đại chúng như thế, chúng ta ao ước các Ông giám đốc xí nghiệp ở xứ ta hằng

hái lập thư viện cho công nhân, trong mỗi thư viện như thế ao ước có độ mười bộ sách như kiểu *Histoire de L'Art*. Chúng ta lại ao ước mỗi khi năm mươi ấp đời cũ được biến ra thành ấp đời mới, thì các ấp trong xã được lập cho một thư viện, để cho người dân ở những vùng vừa trở về với quốc gia, được tiếp xúc với sản phẩm văn hóa tự do hầu xóa bỏ những tư tưởng do cán bộ địa phương lén lút gieo rắc lâu nay. Trong tình trạng hiện thời, ở các xã không bao giờ có hiệu sách, ở các quận lý cũng không, hãy tưởng tượng tình cảnh của một công nhân hiếu học mỗi lần muốn có sách báo đọc phải mất công đi về tỉnh lỵ để mua ! Trước hoàn cảnh ấy, nếu bộ văn hóa của nhà nước không tiếp tay xô đẩy nó một chút thì văn hóa xứ ta còn lâu mới bỏ lết mon men xuống tới đại chúng.

Một cuộc cách-mạng và một giấc mơ.

Norman Mailer là một trí thức phái tả, đã từng ủng hộ ứng cử viên tổng thống Wallace năm 1949, đã từng chống Mc Carthy, ngợi khen Fidel Castro. Rồi lại từng tuyên bố : « Cuộc cách mạng duy nhất có nghĩa lý của thế-kỷ XX này, ấy là cuộc cách mạng về tình dục ». Lại cũng từng giết vợ năm 1960, từng viết một cuốn sách nổi tiếng : *Les nus et les morts*.

Nhân vật trí thức ấy gần đây cho ra một tác phẩm vừa là truyện trinh thám, vừa là tự truyện, vừa ly kỳ, vừa đậm dặt, quái gở, trong ấy máu me chan hòa với tình khí. Tác phẩm được đặt tên là *Một giấc mơ Mỹ* (*Un rêve américain*). Thật là một giấc mơ hãi hùng.

Có phải cuộc sống tinh thần của người Mỹ quả đáng thương như vậy ? Hay là ở đâu cũng có một số trí thức thảng thốt luôn luôn xía xói vào xã-hội mình, tự tạo ra những giấc mơ khủng khiếp để nhát người ?